

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

ĐỖ THỊ VÂN ANH

**KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ NHÀ Ở VÀ KHU ĐÔ THỊ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, NĂM 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

ĐỖ THỊ VÂN ANH

**KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ NHÀ Ở VÀ KHU ĐÔ THỊ**

CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN

MÃ SỐ: 60 34 02 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS, TS. ĐOÀN VÂN ANH

HÀ NỘI, NĂM 2016

LỜI CAM ĐOAN

“ Tác giả luận văn xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của tác giả. Các kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn là quá trình lao động thực sự của tác giả, mọi số liệu, tài liệu được sử dụng trong luận văn đều có nguồn gốc rõ ràng”

Hà Nội, ngày..... tháng năm

Học viên

Đỗ Thị Vân Anh

LỜI CẢM ƠN

Sau một thời gian học tập, nghiên cứu tại khoa Sau đại học – Trường Đại học Thương mại và với nỗ lực của bản thân, tôi đã hoàn thành đề tài : ***Kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị***

Cho phép tôi được gửi lời cảm ơn chân thành, sâu sắc tới cô giáo **PGS.TS-Đoàn Vân Anh** đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện luận văn. Tôi xin chân thành cảm ơn tới tất cả các thầy giáo, cô giáo giảng dạy tại trường Đại học Thương Mại, đã trang bị thêm cho tôi kiến thức và phương pháp nghiên cứu để tôi có thể thực hiện luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn tới Lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập cũng như quá trình nghiên cứu để tôi có thể hoàn thành được luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn tới Ban lãnh đạo, các cán bộ nhân viên phòng Tài chính- kế toán cùng các cán bộ phòng ban của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị đã nhiệt tình giúp đỡ tôi trong việc cung cấp số liệu, tài liệu và tạo điều kiện cho tôi được tiếp xúc với các công việc kế toán trong Công ty để tôi có thể hoàn thành luận văn này.

Tôi xin bày tỏ sự biết ơn sâu sắc tới các thành viên trong gia đình cùng toàn thể bạn bè đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập cũng như quá trình nghiên cứu để tôi có thể hoàn thành được luận văn và rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy giáo, cô giáo, các anh chị và các bạn để luận văn của tôi được hoàn thiện hơn, có ý nghĩa cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn .

Trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ HÌNH VẼ	vii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
4. Các câu hỏi đặt ra trong nghiên cứu.....	7
5. Mục tiêu nghiên cứu và đóng góp của đề tài	7
6. Phương pháp nghiên cứu.....	7
7. Kết cấu của luận văn	9
CHƯƠNG 1: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP	10
1.1. Tài sản cố định, vai trò và nhiệm vụ kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp	10
<i>1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại tài sản cố định</i>	10
<i>1.1.2. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp</i>	17
1.2. Kế toán tài sản cố định theo qui định của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam	19
<i>1.2.1. Kế toán tài sản cố định theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam</i> 19	
<i>1.2.2. Kế toán tài sản cố định theo qui định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành ở Việt Nam</i>	24
<i>1.2.3. Trình bày thông tin về tài sản cố định trên Báo cáo tài chính</i>	44
1.3. Kế toán tài sản cố định theo chuẩn mực kế toán quốc tế và sự hòa hợp của Việt Nam	44
<i>1.3.1. Chuẩn mực kế toán quốc tế về tài sản cố định hữu hình (IAS 16)</i>	44

1.3.2. Chuẩn mực kế toán quốc tế về tài sản cố định vô hình (IAS 38).....	48
1.3.3. Sự hòa hợp của kế toán Việt Nam và những vấn đề rút ra từ nghiên cứu.....	49
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ NHÀ Ở VÀ KHU ĐÔ THỊ	52
2.1. Tổng quan chung về Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị.....	52
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển công ty.....	52
2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	55
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty	57
2.2. Thực trạng kế toán tài sản cố định tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị.....	61
2.2.1. Đặc điểm tài sản cố định và công tác quản lý tài sản cố định tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị.....	61
2.2.2. Thực trạng kế toán tài sản cố định tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị.	63
2.3. Nhận xét và đánh giá về tài sản cố định tại của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị.....	78
2.3.1. Những kết quả đạt được	78
2.3.2. Những tồn tại, nguyên nhân	79
CHƯƠNG 3: CÁC ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH. TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ. NHÀ Ở VÀ KHU ĐÔ THỊ.....	83
3.1. Định hướng phát triển tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị.....	83
3.2. Các yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị.....	85
3.2.1. Hoàn thiện kế toán tài sản cố định trong công ty phải phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về tài sản cố định	85

3.2.2. Hoàn thiện kế toán tài sản cố định trong Công ty phải phù hợp với các quy định tài chính, kế toán của Nhà nước về tài sản cố định	86
3.2.3. Hoàn thiện kế toán tài sản cố định trong Công ty phải đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả.....	87
3.3. Các đề xuất hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị.....	87
3.3.1. Hoàn thiện về nhận diện tài sản	87
3.3.2. Hoàn thiện về xác định thời điểm ghi nhận tài sản cố định	88
3.3.3. Hoàn thiện về hệ thống chứng từ kế toán	89
3.3.4. Hoàn thiện kế toán chi tiết tài sản cố định.....	90
3.3.5. Hoàn thiện kế toán tổng hợp tài sản cố định.....	91
3.3.6. Hoàn thiện sổ kế toán và báo cáo tài sản cố định.....	95
3.4. Điều kiện để thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị	96
3.4.1. Về phía nhà nước và các cơ quan chức năng.....	96
3.4.2. Về phía công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị.....	97
3.5. Hạn chế và nghiên cứu đề tài trong tương lai	98
3.5.1. Những hạn chế trong nghiên cứu đề tài	98
3.5.2. Hướng nghiên cứu đề tài trong tương lai.....	98
KẾT LUẬN	99
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Giải thích ký hiệu
1	BCTC	Báo cáo tài chính
2	BDS	Bất động sản
3	BDSĐT	Bất động sản đầu tư
4	CCDC	Công cụ dụng cụ
5	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
6	CKT	Chế độ kế toán
7	CMKT	Chuẩn mực kế toán
8	DN	Doanh nghiệp
9	DNSX	Doanh nghiệp sản xuất
10	DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
11	ĐTXD	Đầu tư xây dựng
12	GTGT	Giá trị gia tăng
13	HUDS	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị
14	QĐ-BTC	Quyết định - Bộ Tài chính
15	SXKD	Sản xuất kinh doanh
16	NHTM	Ngân hàng thương mại
17	TC	Tài chính
18	TGGDTT	Tỷ giá giao dịch thực tế
19	TGNH	Tỷ giá ngân hàng
20	TGXĐBQ	Tỷ giá xác định bình quân
21	TK	Tài khoản
22	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
23	TSCĐ	Tài sản cố định
24	TSCĐHH	Tài sản cố định hữu hình
25	TSCĐVH	Tài sản cố định vô hình
26	TT-BTC	Thông tư - Bộ Tài chính
27	VAS	Chuẩn mực kế toán Việt Nam
28	XDCB	Xây dựng cơ bản

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ HÌNH VẼ**I. BẢNG BIỂU**

Bảng 2.1: Cơ cấu tài sản cố định.....	62
Bảng 2.2. Thời gian khấu hao TSCĐ tại Công ty	74

II. SƠ ĐỒ HÌNH VẼ

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của Công ty HUDS.....	55
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán Công ty HUDS.....	57

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Việt Nam đã gia nhập WTO do đó cơ hội đầu tư, mở rộng kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước ngày càng cao, bên cạnh đó, chúng ta cũng phải đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình hội nhập và phát triển. Để doanh nghiệp có thể hoạt động một cách hiệu quả, có chiến lược kinh doanh đúng đắn, phù hợp với tình hình kinh tế hiện nay của đất nước thì các doanh nghiệp Việt Nam phải chú trọng đến công tác kế toán. Sau nhiều năm thực hiện đường lối đổi mới với mô hình kinh tế tổng quát là xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, Việt Nam từ một nước tăng trưởng thấp, tích lũy phần lớn nhờ vào vay mượn bên ngoài, đến nay đã trở thành một nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực, tạo được khả năng tích lũy và đầu tư phát triển kinh tế. Để kinh doanh ổn định và ngày càng phát triển, các doanh nghiệp luôn xem trọng và cải tiến bộ máy kế toán cho phù hợp với xu thế phát triển kinh tế. Bởi thông tin kế toán rất cần thiết cho nhà quản trị đề ra chiến lược và quyết định kinh doanh.

Trong quá trình hoạt động các doanh nghiệp hiện nay rất chủ động trong việc đổi mới kỹ thuật công nghệ, đặc biệt là quan tâm đến việc sử dụng và quản lý tài sản cố định. Đây là vấn đề lớn cần được giải quyết trong bối cảnh hiện nay, khi mà công nghệ khoa học phát triển liên tục, nếu tài sản cố định không được khai thác sử dụng có hiệu quả thì nó sẽ trở nên lạc hậu nhanh chóng, không đem lại hiệu quả như mong muốn. Tài sản cố định là một trong những yếu tố quan trọng bậc nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh của các tổ chức và cá nhân. Tài sản cố định thường chiếm tỉ trọng lớn trong đầu tư doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh với vai trò là yếu tố cấu thành không thể thiếu trong giá trị sản phẩm, dịch vụ tạo ra, tài sản cố định phải được hạch toán, theo dõi phù hợp cả về mặt định lượng, cả về thông tin phục vụ cho việc quản lý và bảo toàn. Quản lý tốt các hoạt động liên quan tới tài sản cố định sẽ giúp doanh nghiệp nắm bắt trạng thái tài sản cố định một cách nhanh chóng để đưa ra các kế hoạch và quyết định kịp thời, hỗ trợ nâng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm chi phí, bảo vệ đầu tư và tăng khả năng

cạnh tranh của doanh nghiệp. Do đó, để tăng doanh thu, đồng thời tiết kiệm chi phí, nhằm để tăng lợi nhuận, doanh nghiệp phải có biện pháp quản lý tốt và sử dụng có hiệu quả tài sản cố định, cũng như để bảo toàn vốn cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải biết cách phát huy hết công suất của tài sản, sửa chữa các tài sản hư hỏng để đưa vào sản xuất kinh doanh, tính toán chính xác trích lập quỹ khấu hao, tạo điều kiện cho vốn cố định ngày càng ổn định, nâng cao năng suất lao động, tăng số lượng và chất lượng của tài sản cố định, để tài sản cố định phản ánh đầy đủ chức năng, năng lực hiện có. Việc tăng cường và đổi mới về chất lượng tài sản cố định trong sản xuất công nghiệp là xu hướng phát triển tất yếu của tiến bộ khoa học kỹ thuật và trình độ quản lý. Nó đòi hỏi hết sức bức thiết trong sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Đồng thời nó là cơ sở của việc tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua việc tăng năng suất lao động và tăng sản lượng sản phẩm.

Hệ thống kế toán Việt Nam không ngừng được hoàn thiện và phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường và xu hướng hội nhập kinh tế toàn cầu. Kế toán Việt Nam đã xây dựng và ban hành 26 chuẩn mực kế toán, trong đó có chuẩn mực kế toán tài sản cố định hữu hình số 03 (VAS 03), chuẩn mực kế toán tài sản cố định vô hình số 04 (VAS 04) được ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 (VAS 06) – Thuê tài sản, theo quyết định số 165/2002/QĐ – BTC ngày 31/12/2002. Cùng với việc ban hành chuẩn mực kế toán, Bộ tài chính đã ban hành một loạt các thông tư, nghị định nhằm sửa đổi bổ sung, hoàn thiện quản lý sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Bộ Tài Chính đã ban hành thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 – Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tuy nhiên, việc nhận thức đầy đủ và vận dụng các chuẩn mực kế toán vào thực tế hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp còn nhiều bất cập.

Qua khảo sát thực tế tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị cho thấy TSCĐ chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng giá trị tài sản của công ty, kế toán TSCĐ trong những năm qua ở Công ty vẫn còn những bất cập, hạn chế

trong tuân thủ những quy định mang tính khuôn mẫu về TSCĐ, hệ quả không cung cấp thông tin phù hợp về tình hình và sự biến động TSCĐ, tình hình quản lý, sử dụng TSCĐ và vấn đề khấu hao TSCĐ của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, và những bất cập trong công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị, tác giả xin đã lựa chọn nghiên cứu đề tài: “ ***Kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị***” làm đề tài luận văn Thạc sỹ của mình nhằm góp phần hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại công ty.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài

TSCĐ là một bộ phận quan trọng chiếm tỷ lệ lớn trong tổng tài sản của nền kinh tế quốc dân, là cơ sở vật chất không thể thiếu trong quá trình hoạt động của bất kỳ đơn vị, tổ chức nào. Với các doanh nghiệp sản xuất, TSCĐ có ảnh hưởng trực tiếp tới việc tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, nó có thể xem là thước đo trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Mặt khác, TSCĐ còn là cơ sở để đánh giá trình độ quản lý, là căn cứ đánh giá quy mô, tiềm lực vốn của từng doanh nghiệp.

Nhận thức được vai trò của TSCĐ và kế toán TSCĐ đối với hoạt động SXKD của doanh nghiệp, đặc biệt là trong giai đoạn phát triển nền kinh tế thị trường hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta hiện nay và xuất phát từ những vấn đề chưa hợp lý của TSCĐ tại doanh nghiệp thời gian qua ở Việt Nam đã có nhiều công trình khoa học, bài viết, bài báo của các tác giả nghiên cứu về kế toán TSCĐ bao gồm các sách giáo khoa, giáo trình, các luận án tiến sỹ, luận văn thạc sỹ. Qua các công trình nghiên cứu này, hầu hết các tác giả đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận về kế toán TSCĐ, sau đó trình bày sâu về thực trạng và đưa ra giải pháp hoàn thiện kế toán TSCĐ ở những đơn vị, những loại hình doanh nghiệp mà đề tài nghiên cứu.

Do thời gian và điều kiện nghiên cứu còn hạn chế, luận văn chỉ đưa ra một số nghiên cứu mà tác giả đã tìm hiểu được, cụ thể:

➤ Luận văn Thạc sỹ của tác giả Phạm Văn Anh “***Hoàn thiện tổ chức kế toán TSCĐ trong các doanh nghiệp liên doanh sản xuất ô tô ở Việt Nam***” (Năm 2006) – Đại học Thương Mại.

Luận văn đưa ra kết luận về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ tại các doanh nghiệp liên doanh sản xuất ô tô tại Việt Nam phần lớn đã thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, mỗi đơn vị cũng đã có những quy định cụ thể về quản lý, hạch toán TSCĐ cho phù hợp với điều kiện riêng. Bên cạnh đó, tác giả đã đề cập đến tính chưa thống nhất và tương đồng giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế dẫn đến ảnh hưởng tới kế toán Việt Nam. Trên cơ sở các yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán TSCĐ cũng như các quan điểm định hướng trong hoàn thiện tổ chức kế toán TSCĐ, tác giả đưa ra một số giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán TSCĐ trong các doanh nghiệp liên doanh sản xuất ô tô Việt Nam như : hoàn thiện bộ mã TSCĐ, bổ sung một số chỉ tiêu trên thẻ TSCĐ, xây dựng mẫu sổ theo dõi TSCĐ, quy định thời gian khấu hao TSCĐ hợp lý, phù hợp với từng doanh nghiệp cụ thể, hoàn thiện phương pháp hạch toán TSCĐVH và hệ thống báo cáo TSCĐ. Để thực hiện được các giải pháp này, theo tác giả Phạm Văn Anh, Nhà nước cần giải quyết mối quan hệ giữa chuẩn mực kế toán với cơ chế tài chính doanh nghiệp, với pháp luật, thuế cũng như hoàn thiện kế toán TSCĐVH. Về phía các doanh nghiệp sản xuất ô tô phải tiến hành xây dựng mô hình kế toán TSCĐ hợp lý hơn, xây dựng hệ thống kế toán quản trị và chú trọng hơn nữa công tác kiểm tra, kiểm soát với kế toán các đơn vị cơ sở tránh sai sót, nhầm lẫn.

➤ Luận án Tiến sỹ của tác giả Nguyễn Thị Thu Liên, “ ***Hoàn thiện kế toán TSCĐ HH ở các Doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế***” (năm 2009) – Đại học Kinh tế Quốc dân.

Luận án đã đi sâu nghiên cứu thực trạng và đề ra phương hướng hoàn thiện kế toán TSCĐ HH tại các doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Các giải pháp hoàn thiện tác giả đưa ra bao gồm :

- Hoàn thiện VAS 03 (điều chỉnh định nghĩa TSCĐHH, bổ sung quy định về đánh giá lại sau khi ghi nhận ban đầu về sự thu hồi của giá trị kế toán)
- Hoàn thiện các thông tư hướng dẫn thực hiện kế toán TSCĐHH và quyết định 203/2006/QĐ – BTC ngày 12/12/2006 về quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Ngoài ra tác giả Nguyễn Thị Thu Liên còn đưa ra một số giải pháp hoàn thiện kế toán TSCĐHH từ góc độ kế toán tài chính như: Hoàn thiện phân công lao động kế toán, hệ thống chứng từ kế toán TSCĐHH, tài khoản kế toán và hệ thống sổ kế toán TSCĐHH. Trên góc độ kế toán quản trị tác giả cho rằng cần hoàn thiện nhân sự thực hiện kế toán quản trị, công tác thu thập và xử lý thông tin cho kế toán quản trị TSCĐHH, hệ thống báo cáo kế toán quản trị; đồng thời các doanh nghiệp cũng cần chú ý tới việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán TSCĐHH. Các đề xuất mà tác giả Nguyễn Thị Thu Liên đưa ra trong công trình nghiên cứu của mình được áp dụng chung cho tất cả các loại hình doanh nghiệp và không đưa ra giải pháp cụ thể áp dụng cho các doanh nghiệp có loại hình kinh doanh đặc thù.

➤ Luận văn Thạc sỹ kinh tế của tác giả Đào Thúy Hằng: ***Kế toán tài sản cố định tại các công ty khai khoáng trên địa bàn Hà Nội*** (năm 2010) – Đại học Thương Mại.

Đề tài đi sâu nghiên cứu thực tế công tác kế toán quản trị TSCĐ tại các công ty khai thác khoáng sản trên địa bàn Hà Nội. Từ thực trạng công tác kế toán TSCĐ tại các công ty khai thác khoáng sản trên địa bàn Hà Nội, đề tài đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn kế toán TSCĐ của các công ty khai thác khoáng sản trên địa bàn Hà Nội trên cả phương diện kế toán tài chính và kế toán quản trị. Tác giả chỉ ra những điều kiện cần thiết để thực hiện các giải pháp hoàn thiện, trước tiên phải giải quyết mối quan hệ giữa chuẩn mực kế toán và cơ chế tài chính. Đó là sự quy định thống nhất về mặt pháp lý trong các cơ chế, chính sách về tài chính kế toán của Nhà nước đối với sự hoạt động của các doanh nghiệp, tránh có sự xung đột giữa các văn bản pháp lý có liên quan.

➤ Luận văn thạc sỹ của tác giả Nguyễn Lan Anh, “***Kế toán TSCĐ hữu hình tại các doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp Thăng Long***” (năm 2011) – Đại học Thương Mại.

Luận văn đưa ra hai nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán TSCĐHH tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp Thăng Long và kiến nghị đối với các cơ quan quản lý Nhà nước về kế toán TSCĐHH. Các giải pháp đưa ra nhằm hoàn thiện kế

toán TSCĐHH tại các doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp Thăng Long về cơ bản có thể áp dụng đối với các doanh nghiệp hoạt động tại khu công nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng và quản lý TSCĐHH trong các doanh nghiệp. Bên cạnh đó kể các vấn đề nghiên cứu của đề tài cũng góp phần hoàn thiện công tác kế toán trong các doanh nghiệp Việt Nam cả về lý luận và thực tiễn.

➤Luận văn Thạc sỹ của tác giả Nguyễn Thị Cúc: ***Kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thành Nam*** (năm 2012) – ĐH Thương Mại.

Đề tài nghiên cứu sâu vào thực trạng và đề ra phương hướng hoàn thiện kế toán TSCĐHH và TSCĐVH tại doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay. Luận văn cũng đề ra 3 nhóm giải pháp hoàn thiện đó là hoàn thiện VAS 03 và QĐ 203/2006/QĐ – BTC ngày 12/12/2006 về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, nhóm giải pháp hoàn thiện kế toán TSCĐHH từ góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị. Nhóm giải pháp từ góc độ kế toán tài chính gồm các giải pháp hoàn thiện công tác phân công lao động kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản sử dụng, hệ thống sổ kế toán.

Những nghiên cứu trên đã khái quát được thực trạng công tác kế toán TSCĐ và phát hiện một số vấn đề bất cập đồng thời đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán TSCĐ trên góc độ khái quát chung ở các doanh nghiệp hoặc ở một số doanh nghiệp hoạt động trong những lĩnh vực đặc thù. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có luận án, luận văn hay bài viết nào nghiên cứu về ***Kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị***. Vì vậy, tác giả đã chọn Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị, nghiên cứu về thực trạng kế toán TSCĐ cho luận văn tốt nghiệp của mình.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

* ***Đối tượng nghiên cứu:*** Kế toán tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình trong doanh nghiệp

* ***Phạm vi nghiên cứu:***

- Về nội dung:

+ Đề tài nghiên cứu kế toán tài sản cố định trên góc độ kế toán tài chính

+ Nội dung nghiên cứu về kế toán TSCĐ: Đề tài chỉ nghiên cứu kế toán tài sản cố định hữu hình và kế toán tài sản cố định vô hình.

- Về thời gian: Nghiên cứu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hệ thống chứng từ sổ sách kế toán, các báo cáo... chủ yếu trong năm tài chính 2015, 2016

- Về không gian: Tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị.

4. Các câu hỏi đặt ra trong nghiên cứu

Thứ nhất : Những chuẩn mực kế toán chi phối và qui định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành về kế toán tài sản cố định như thế nào?

Thứ hai : Thực tế kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị có áp dụng đúng các quy định về chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hay không?

Thứ ba : Công ty cần áp dụng các giải pháp nào để hoàn thiện kế toán tài sản cố định?

5. Mục tiêu nghiên cứu và đóng góp của đề tài

- Hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận chung về kế toán tài sản cố định

Vận dụng lý luận nghiên cứu thực trạng kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng rút ra những ưu nhược điểm và đề xuất các giải pháp mang tính đồng bộ góp phần hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị

Kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo cho các nhà quản lý của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị trong việc đưa ra các quyết định quản lý.

6. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu đề tài ***Kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị***, tác giả đã sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lê nin.

Phương pháp thu thập dữ liệu:

+ *Phương pháp điều tra:* Thực hiện thông qua việc tiến hành phát các phiếu khảo sát đến những người trực tiếp thực hiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị. Mục đích khi thực hiện phương pháp này là để thu thập các thông tin về doanh nghiệp nói chung và tình hình kế toán TSCĐ của doanh nghiệp nói riêng. Nội dung của các phiếu khảo sát được thiết kế dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm để tiện cho người được khảo sát trả lời. Phương pháp này ít tốn thời gian công sức, nhất là khi đối tượng khảo sát lớn, tính bảo mật thông tin cao. Tổng số phiếu khảo sát gửi đến Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị cùng một số đơn vị thành viên là 12 phiếu, số phiếu thu về là 12 phiếu.

Mẫu phiếu điều tra, danh sách công ty tham gia điều tra, bảng tổng hợp kết quả sau khi điều tra được đính kèm tại ***Phụ lục số 01, 02, 03.***

+ *Phương pháp phỏng vấn:* Trực tiếp phỏng vấn những nhà quản lý, nhân viên kế toán TSCĐ của công ty. Đây cũng là cơ hội tác giả được doanh nghiệp cung cấp cho những tài liệu và số liệu là nội dung chính của kế toán TSCĐ tại đơn vị. Qua cuộc phỏng vấn này đã giúp tác giả có được cái nhìn khá chi tiết về thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán TSCĐ nói riêng tại doanh nghiệp.

Cuộc phỏng vấn có chủ định nên tác giả đã có sự chuẩn bị rất chu đáo những câu hỏi có liên quan đến đề tài, trong quá trình phỏng vấn tác giả có ghi chép ý kiến trả lời vào biên bản để tổng hợp những ý kiến chung và riêng tại từng đơn vị. Trong quá trình trao đổi, phỏng vấn có phát sinh những tình huống mới làm nảy sinh những vấn đề cần hỏi và trao đổi thêm do đó tác giả phải rất khéo léo trong cách tiếp cận, trao đổi với các đối tượng được phỏng vấn.

Đối tượng phỏng vấn: Tác giả có cơ hội phỏng vấn trưởng phòng và 3 nhân viên kế toán TSCĐ tại công ty và các công ty thành viên.

Câu hỏi phỏng vấn: Tác giả đã thiết kế các câu hỏi phỏng vấn nhằm tìm hiểu các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tài sản cố định tại doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô

Nội dung câu hỏi phỏng vấn này là danh sách những người được phỏng vấn được đính kèm tại **Phụ lục 04,05**.

+ *Phương pháp nghiên cứu tài liệu*: Mục đích của việc nghiên cứu tài liệu là để thu thập những kiến thức từ bao quát đến chuyên sâu một cách chính xác về những vấn đề lý luận chung kế toán TSCĐ trên góc độ kế toán tài chính. Tác giả đã thực hiện phương pháp này thông qua việc nghiên cứu các giáo trình chuyên ngành, chuẩn mực kế toán Việt Nam và Quốc tế, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành, tham khảo các công trình nghiên cứu khoa học, các bài viết liên quan đến đề tài nghiên cứu.

Phương pháp tổng hợp, phân tích dữ liệu.

+ Tổng hợp kết quả khảo sát, khái quát thành nhóm các vấn đề, để mô tả thực trạng theo nhóm các vấn đề đã được khái quát đó.

+ Phân tích, đánh giá vấn đề nghiên cứu.

Từ những tài liệu, số liệu, thông tin thu thập được từ hai phương pháp điều tra và phỏng vấn cùng với những kiến thức đã có từ nghiên cứu tài liệu, tác giả đã tiến hành hệ thống hóa, phân tích số liệu, thông tin để rút ra các kết luận về kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị. Từ thực trạng đó tác giả nghiên cứu các đề xuất hoàn thiện kế toán tại Công ty này sao cho phù hợp với quy định chung và điều kiện thực tế tại doanh nghiệp.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, bảng biểu, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

- ***Chương 1: Những lý luận cơ bản về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp.***

- ***Chương 2: Thực trạng kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị.***

- ***Chương 3: Các giải pháp hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị.***

CHƯƠNG 1: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Tài sản cố định, vai trò và nhiệm vụ kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại tài sản cố định

1.1.1.1. Các khái niệm liên quan đến tài sản cố định

Tài sản cố định là cơ sở vật chất không thể thiếu trong nền kinh tế quốc dân cũng như trong hoạt động sản xuất kinh doanh của bất kể doanh nghiệp nào. Đối với doanh nghiệp, tài sản cố định là cơ sở đánh giá trình độ công nghệ và năng lực sản xuất, cạnh tranh của doanh nghiệp. Việc sử dụng và quản lý tài sản cố định trong doanh nghiệp ảnh hưởng trực tiếp đến sản phẩm, dịch vụ, giá thành, đến khả năng cạnh tranh đứng vững trên thị trường và phát triển của doanh nghiệp. Trước môi trường kinh doanh cạnh tranh ngày càng gay gắt và những tiến bộ khoa học kỹ thuật việc hạch toán và quản lý tài sản cố định trong doanh nghiệp đòi hỏi ngày càng tổ chức khoa học và hợp lý hơn.

Khái niệm tài sản nói chung được đề cập đến trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 “ được biểu hiện dưới hình thái vật chất như nhà xưởng, máy móc, thiết bị, vật tư, hàng hóa hoặc không thể hiện dưới hình thái vật chất như bản quyền, bằng sáng chế nhưng phải thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp” và cũng có thể là “ các tài sản không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp kiểm soát được và thu được lợi ích kinh tế trong tương lai hoặc có những tài sản thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp và thu được lợi ích trong tương lai nhưng không thể kiểm soát được về mặt pháp lý”

Theo từ điển bách khoa Việt Nam (Viện hàn Lâm khoa học và xã hội Việt Nam) thì TSCĐ là bộ phận tài sản của doanh nghiệp, phục vụ sản xuất trong một thời kỳ dài, tham gia nhiều lần vào sản xuất sản phẩm theo mức độ hao mòn. Từng bộ phận giá trị TSCĐ bị hao mòn được bù đắp bằng trích khấu hao. Bao gồm : nhà cửa, công trình, kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ,

đường ống ... Máy móc là bộ phận hoạt động tích cực nhất trong TSCĐ sản xuất. Số lượng và chất lượng TSCĐ trực tiếp quyết định khối lượng sản xuất và năng suất lao động, vì thế có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội.

Trên góc độ kế toán, có thể hiểu TSCĐ trong doanh nghiệp là những tài sản do doanh nghiệp nắm giữ dùng vào hoạt động của doanh nghiệp có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng TSCĐ đó.

*** Tài sản cố định hữu hình :**

- Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 “Tài sản cố định hữu hình” :

Tài sản cố định hữu hình: Là những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐHH

- Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 :

Tài sản cố định hữu hình là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất thỏa mãn các tiêu chuẩn của tài sản cố định hữu hình, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu như nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải...

***Tài sản cố định vô hình :**

- Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 “Tài sản cố định vô hình”:

Tài sản cố định vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ sử dụng, trong sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐVH ... gồm Quyền sử dụng đất có thời hạn, phần mềm máy vi tính, bằng sáng chế, bản quyền, giấy phép khai thác thủy sản, hạn ngạch xuất khẩu, hạn ngạch nhập khẩu, giấy phép nhượng quyền, quan hệ kinh doanh với khách hàng hoặc nhà cung cấp, sự trung thành của khách hàng, thị phần và quyền tiếp thị.

- Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013:

Tài sản cố định vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất thể hiện một lượng giá trị được đầu tư thỏa mãn các tiêu chuẩn của TSCĐVH, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh như một số chi phí liên quan trực tiếp tới sử dụng đất, chi phí về quyền phát hành, bằng phát minh, bằng sáng chế, bản quyền tác giả...

- Nguyên giá TSCĐ: là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐHH hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Hao mòn TSCĐ : là sự giảm dần về giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ do TSCĐ tham gia vào SXKD, do hao mòn tự nhiên, do tiến bộ kỹ thuật... trong quá trình hoạt động của TSCĐ.

- Thời gian sử dụng TSCĐ: là thời gian doanh nghiệp dự tính sử dụng TSCĐ vào hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc xác định theo số lượng, khối lượng sản phẩm dự kiến sản xuất được từ việc sử dụng TSCĐ theo quy định hiện hành, ở điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kinh tế - kỹ thuật của TSCĐ và các yếu tố khác có liên quan đến sự hoạt động của TSCĐ.

- Khấu hao TSCĐ : là sự phân bổ một cách có hệ thống giá trị phải khấu hao của từng TSCĐ trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó.

- Giá trị phải khấu hao của TSCĐ : là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính, trừ (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó.

- Giá trị thanh lý TSCĐ: là giá trị ước tính thu được khi hết thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, sau khi trừ (-) chi phí thanh lý ước tính.

- Giá trị còn lại của TSCĐ : là nguyên giá của TSCĐ hữu hình sau khi trừ (-) số khấu hao lũy kế của tài sản đó. Trong đó, số khấu hao lũy kế của TSCĐ là tổng cộng số khấu hao đã trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh qua các kỳ kinh doanh của TSCĐ tính đến thời điểm báo cáo. Việc xác định giá trị còn lại của TSCĐ phụ thuộc vào phương pháp khấu hao doanh nghiệp sử dụng mà không phản ánh được giá trị thực tế của tài sản ở thời điểm hiện tại. Vì yếu tố chủ quan từ phía doanh nghiệp này, khiến việc quản lý, xây dựng kế hoạch sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp trở nên khó khăn, hạn chế hiệu quả hoạt động kinh doanh

1.1.1.2. Đặc điểm tài sản cố định

TSCĐ là những tài sản có giá trị, doanh nghiệp cần theo dõi quản lý chặt chẽ TSCĐ về cả hiện vật và chất lượng tránh hiện tượng mất mát hay không sử dụng được làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Đồng thời, doanh nghiệp cần lựa chọn hoạt động đầu tư TSCĐ phù hợp với nhu cầu, đặc điểm hoạt động SXKD cũng như khả năng tài chính của doanh nghiệp.

TSCĐ được đầu tư, sử dụng cho nhiều chu kỳ hoạt động SXKD hoặc nhiều năm hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, doanh nghiệp cần chú trọng đến việc sử dụng, bảo vệ TSCĐ và lựa chọn phương pháp khấu hao thích hợp nhằm đánh giá mức độ hao mòn của tài sản một cách hợp lý nhất, phản ánh đúng chi phí khấu hao trong kỳ.

Trong quá trình tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh cho đến khi bị hư hỏng, TSCĐ vẫn giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu, đồng thời bị giảm dần về mặt giá trị và giá trị sử dụng (hiện tượng hao mòn TSCĐ). Doanh nghiệp thực hiện thu hồi giá trị TSCĐ đã đầu tư để tái sản xuất thông qua việc trích khấu hao TSCĐ.

TSCĐ là bộ phận quan trọng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp. TSCĐ có vai trò quan trọng trong việc phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp và ảnh hưởng đáng kể đến thông tin trình bày trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy, doanh nghiệp cần quan tâm quản lý tốt và tổ chức hạch toán TSCĐ phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp.

1.1.1.3. Phân loại tài sản cố định

Tài sản cố định bao gồm nhiều loại, khác nhau về quy cách chủng loại, đặc tính kỹ thuật, công dụng và yêu cầu quản lý, sử dụng. Chính vì vậy, để thuận lợi cho quản lý và hạch toán, cần thiết phải phân loại TSCĐ theo những tiêu thức nhất định.

*** Phân loại theo hình thái biểu hiện và đặc trưng kỹ thuật:**

Theo hình thái biểu hiện TSCĐ trong doanh nghiệp được chia thành hai loại TSCĐHH và TSCĐVH.

TSCĐHH là những loại TSCĐ có hình thái vật chất cụ thể, thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐHH. Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam về TSCĐHH (VAS 03): Tài sản được ghi nhận là TSCĐHH phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn tiêu chuẩn ghi nhận sau:

- + Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- + Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;

- + Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
- + Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013, giá trị tối thiểu của TSCĐ phải từ 30.000.000 đồng trở lên. Đồng thời, TSCĐHH là những tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hoặc một số chức năng nhất định mà nếu thiếu một tài sản nào đó thì hệ thống không hoạt động được. Tuy nhiên, trong trường hợp một hệ thống gồm nhiều tài sản riêng lẻ liên kết với nhau nhưng mỗi bộ phận có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một tài sản nào đó mà hệ thống vẫn thực hiện được chức năng chính thì mỗi bộ phận riêng lẻ nếu thỏa mãn các tiêu chuẩn ghi nhận thì cũng được coi là một TSCĐHH độc lập.

Theo đặc trưng kỹ thuật, TSCĐHH được chia thành:

Loại 1: Nhà cửa, vật kiến trúc: là tài sản cố định của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá, cầu cống, đường sắt, đường băng sân bay, cầu tàu, cầu cảng, ụ triển đà.

Loại 2: Máy móc, thiết bị: là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, giàn khoan trong lĩnh vực dầu khí, cần cẩu, dây truyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ.

Loại 3: Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn: là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải.

Loại 4: Thiết bị, dụng cụ quản lý: là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy vi tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút âm, hút bụi, chống mối mọt.

Loại 5: Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm: là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, vườn chè, vườn cao su, vườn cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh...; súc vật làm việc và/ hoặc cho sản phẩm như đàn voi, đàn ngựa, đàn trâu, đàn bò...

Loại 6: Các loại tài sản cố định khác: là toàn bộ các tài sản cố định khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật.

TSCĐVH là tài sản không có hình thái vật chất cụ thể, thể hiện một số tiền nhất định doanh nghiệp đã đầu tư nhằm thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai. Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam về TSCĐVH (VAS 04): TSCĐVH là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và do doanh nghiệp nắm giữ, sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐVH. VAS 04 quy định một tài sản được ghi nhận là TSCĐVH phải thỏa mãn đồng thời định nghĩa về TSCĐVH và bốn tiêu chuẩn ghi nhận như đối với TSCĐVH. Như vậy, TSCĐVH hình không có hình thái vật chất nhưng phải xác định được giá trị và được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

TSCĐVH vô hình gồm:

- Quyền sử dụng đất: Là giá trị đất, mặt nước, mặt biển được hình thành do bỏ chi phí ra mua, đền bù san lấp mặt bằng, cải tạo nhằm mục đích có được mặt bằng sản xuất kinh doanh.

- Quyền phát hành: Là toàn bộ chi phí thực tế đã ghi ra để có quyền phát hành.

- Bản quyền bằng sáng chế: Là chi phí các doanh nghiệp phải trả công tác công trình nghiên cứu, sản xuất thử được nhà nước cấp bằng sáng chế hoặc doanh nghiệp mua lại bản quyền sáng chế, bản quyền tác giả.

- Nhãn hiệu hàng hóa: Là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hóa.

- Phần mềm máy tính: Là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có phần mềm máy tính.

- Giấy phép và giấy chuyển nhượng quyền: Là toàn bộ chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có giấy phép và giấy chuyển nhượng quyền thực hiện công việc đó như: Giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất một loại sản phẩm mới...

- TSCĐVH khác: Quyền sử dụng hợp đồng, quyền thuê nhà là các chi phí sang nhượng quyền mà doanh nghiệp phải trả cho người thuê nhà trước đó để thừa kế các quyền lợi về thuê nhà theo hợp đồng ký kết với Nhà nước và tổ chức, đơn vị cá nhân khác.

Cách phân loại này giúp cho nhà quản lý, hay những đối tác của doanh nghiệp có thể biết được tình hình thực tế TSCĐHH và TSCĐVH hiện có của doanh nghiệp, đồng thời giúp cho doanh nghiệp phân biệt rõ TSCĐHH và TSCĐVH trên cơ sở đó doanh nghiệp có thể theo dõi, quản lý và tính khấu hao theo đúng quy định của Nhà nước và tình hình phát triển thực tế của doanh nghiệp. Mặt khác phân loại này còn giúp cho doanh nghiệp có cái nhìn tổng quát về cơ cấu tài sản của doanh nghiệp từ đó đưa ra cách đầu tư phù hợp.

*** Phân loại TSCĐ theo mục đích sử dụng:**

Theo mục đích sử dụng TSCĐ trong doanh nghiệp bao gồm: TSCĐ sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, TSCĐ ngoài hoạt động SXKD và TSCĐ chờ thanh lý, điều chuyển. TSCĐ sử dụng cho hoạt động SXKD được chi tiết theo hoạt động, có thể có TSCĐ cho hoạt động sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ, TSCĐ phục vụ hoạt động bán hàng và TSCĐ phục vụ cho quản lý hành chính, quản trị kinh doanh. TSCĐ ngoài hoạt động SXKD gồm TSCĐ phúc lợi và TSCĐ giữ hộ cho các đối tượng khác. TSCĐ chờ thanh lý, điều chuyển gồm những tài sản hiện không sử dụng cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp, đang trong quá trình làm thủ tục thanh lý, điều chuyển.

Việc phân loại TSCĐ theo mục đích sử dụng giúp kế toán có thể phân bổ chi phí khấu hao theo đối tượng sử dụng, đánh giá hiệu quả sử dụng TSCĐ của từng hoạt động trong doanh nghiệp và gắn trách nhiệm vật chất của các cá nhân, bộ phận liên quan đối với việc quản lý, sử dụng TSCĐ trong doanh nghiệp.

*** Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu:**

Quyền sở hữu tài sản bao gồm đầy đủ các quyền quản lý, sử dụng, chiếm hữu và định đoạt tài sản. Căn cứ vào quyền sở hữu, TSCĐ trong doanh nghiệp bao gồm hai loại: TSCĐ thuộc quyền sở hữu và TSCĐ thuê ngoài.

TSCĐ thuộc quyền sở hữu là các TSCĐ do doanh nghiệp đầu tư bằng vốn góp, vốn bổ sung từ lợi nhuận, vốn liên doanh, liên kết và vốn vay, nợ. Đối với TSCĐ thuộc loại này doanh nghiệp có toàn quyền quyết định trong các trường hợp: thanh lý, nhượng bán, cho, tặng, góp vốn, thế chấp (trừ trường hợp TSCĐ đầu tư bằng nguồn vốn vay)

TSCĐ thuê ngoài bao gồm các TSCĐ doanh nghiệp đi thuê của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khác theo hợp đồng thuê. Tùy theo bản chất của các điều khoản thỏa thuận trên hợp đồng kinh tế, thuê tài sản được chia thành hai loại là thuê hoạt động và thuê tài chính.

Phân loại tài sản theo quyền sở hữu giúp quản lý có thể đánh giá hiệu quả của các cách thức đầu tư TSCĐ cũng như đánh giá thực trạng tài chính của doanh nghiệp.

1.1.2. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

1.1.2.1. Yêu cầu quản lý tài sản cố định trong doanh nghiệp

TSCĐ là cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp, do đó cần được quản lý chặt chẽ nhằm phát huy được hiệu quả cao nhất trong quá trình sử dụng. Về yêu cầu quản lý chung, các doanh nghiệp phải phản ánh kịp thời số hiện có, tình hình biến động của từng thứ, từng loại, từng nhóm TSCĐ trong toàn doanh nghiệp cũng như trong từng đơn vị sử dụng; đảm bảo an toàn về hiện vật, khai thác sử dụng đảm bảo hết công suất có hiệu quả TSCĐ. Ngoài yêu cầu chung đó, việc quản lý TSCĐ phải được tuân thủ theo những nguyên tắc nhất định.

- *Thứ nhất*, mọi TSCĐ trong doanh nghiệp phải có bộ hồ sơ riêng (gồm biên bản giao nhận TSCĐ, hợp đồng, hóa đơn mua TSCĐ và các chứng từ, giấy tờ khác có liên quan). Mỗi TSCĐ phải được phân loại, đánh số và có thẻ riêng, được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng ghi TSCĐ và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ.

- *Thứ hai*, mỗi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị còn lại trên sổ} & & \text{Nguyên giá của tài} & & \text{Số hao mòn lũy kế của} \\ \text{kế toán của TSCĐ} & = & \text{sản cố định} & - & \text{TSCĐ} \end{array}$$

- *Thứ ba*, đối với những TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, doanh nghiệp phải thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao bình thường. Ngoài ra doanh nghiệp phải thực hiện việc quản lý đối với những TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn tham gia vào hoạt động kinh doanh như những TSCĐ thông thường.

1.1.2.2. Nhiệm vụ kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp

Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ là phải luôn hạch toán chính xác các nghiệp vụ tăng giảm, khấu hao TSCĐ, để có thể theo dõi phù hợp về mặt định lượng và cả về các thông tin phục vụ kịp thời cho việc quản lý và bảo toàn TSCĐ của nhà quản trị doanh nghiệp.

- Theo dõi, quản lý tài sản, TSCĐ phải chi tiết đến từng loại TSCĐ như: mỗi loại TSCĐ phải có hồ sơ riêng và phản ánh đầy đủ các thông tin cụ thể về tài sản như tên gọi, chủng loại, quy cách, nước sản xuất, ngày đưa vào sử dụng, nguyên giá, tỷ lệ khấu hao, mức khấu hao hàng năm, nguồn hình thành, giá trị còn lại...

- TSCĐ phải được phân loại, mã hóa thống nhất và lập thẻ theo dõi.

- TSCĐ phải được theo dõi theo từng bộ phận, đơn vị sử dụng.

- TSCĐ khi đưa vào sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh phải trích khấu hao theo quy định của Nhà nước, phù hợp với cách thu hồi lợi ích kinh tế từ việc sử dụng tài sản.

- TSCĐ được xác định ban đầu theo nguyên giá, trong suốt quá trình sử dụng TSCĐ nguyên giá hầu như không thay đổi trừ khi được đánh giá TSCĐ, cải tạo, nâng cấp sửa chữa kéo dài thời gian sử dụng của TSCĐ... Trong tất cả các trường

hợp làm thay đổi nguyên giá TSCĐ đơn vị phải lập biên bản ghi rõ thay đổi và xác định lại các chỉ tiêu của TSCĐ.

1.2. Kế toán tài sản cố định theo qui định của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam

1.2.1. Kế toán tài sản cố định theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam

Kế toán TSCĐHH và TSCĐVH trong doanh nghiệp đòi hỏi phải tuân thủ quy định của chuẩn mực số 03 – VAS 03 và chuẩn mực số 04 – VAS 04 ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC. Theo đó các nội dung được quy định bao gồm:

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 – TSCĐ hữu hình (VAS 03)**

TSCĐHH thường là bộ phận chủ yếu trong tổng giá trị tài sản và đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vì vậy việc xác định một tài sản có được ghi nhận là TSCĐHH hay là một khoản chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Theo đoạn 06 của chuẩn mực kế toán (CMKT) Việt Nam – VAS 03 [11,6] quy định rõ các **tiêu chuẩn ghi nhận** là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả 04 tiêu chuẩn ghi nhận sau:

a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó: sẽ mang lại cho doanh nghiệp những lợi ích kinh tế trong tương lai. Lợi ích kinh tế mà TSCĐ mang lại cho doanh nghiệp có thể là làm tăng doanh thu, tăng sản lượng, tăng chất lượng của sản phẩm dịch vụ cung cấp, giảm chi phí sản xuất sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ... Để đảm bảo cho sự chắc chắn này thì doanh nghiệp phải dựa trên những bằng chứng hiện có tại thời điểm ghi nhận ban đầu và phải chịu mọi rủi ro liên quan.

b. Nguyên giá phải được xác định một cách đáng tin cậy: Nguyên giá TSCĐ được xác định trên cơ sở là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Có nhiều nguồn, nhiều cách thức, hình thái để có cách xác định riêng. Nhưng dù là cách xác định nào thì để đảm bảo tính tin cậy trong việc xác định nguyên giá TSCĐ cũng tùy vào từng nguồn hình thành để có cách xác định riêng. Tất cả những chi phí

mà doanh nghiệp đã chi trả để có được TSCĐ đều cần phải có hóa đơn và bộ chứng từ thanh toán rõ ràng, hợp pháp. Nếu TSCĐ có được là do trao đổi, biếu tặng, điều chuyển thì phải có các biên bản định giá tài sản, thỏa thuận giữa các bên về giá trị tài sản để làm căn cứ chính khi tính nguyên giá của tài sản.

c. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm: TSCĐ là tư liệu lao động chủ yếu để tạo ra sản phẩm, dịch vụ cho doanh nghiệp, vì vậy đặc điểm quan trọng nhất của TSCĐ là phải tham gia vào nhiều chu kỳ SXKD của doanh nghiệp. Chu kỳ SXKD của doanh nghiệp thường là 1 năm tài chính, vì vậy thời gian sử dụng ước tính của TSCĐ phải trên 1 năm tài chính, vì vậy thời gian sử dụng ước tính của TSCĐ phải trên 1 năm, có như vậy mới phù hợp với đặc điểm của TSCĐ và cũng là điều kiện để TSCĐ có thể đem lại lợi ích kinh tế rõ ràng trong tương lai cho doanh nghiệp từ việc sử dụng tài sản. Đây cũng là tiêu chuẩn để phân biệt TSCĐ với các tài sản ngắn hạn khác của doanh nghiệp.

d. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành: Tiêu chuẩn giá trị của TSCĐ được thay đổi theo quy định tại các Quyết định của Bộ tài chính về TSCĐ qua các thời kỳ, có thể kể đến một số Quyết định như sau: Quyết định 166/1999/QĐ/BTC ngày 30/12/1999 quy định mức giá trị tối thiểu của TSCĐ là 5.000.000 đồng, Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 và Thông tư số 2003/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 là 10.000.000 đồng trở lên (Thay thế QĐ 206/2003/QĐ/BTC), và hiện nay theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 là 30.000.000 đồng trở lên.

- Ghi nhận ban đầu và các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu

TSCĐHH phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá dù được hình thành theo phương thức hay nguồn nào. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐHH được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Cụ thể trong các trường hợp sau: Thay đổi bộ phận của TSCĐHH làm tăng thời gian sử dụng hữu ích hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng, cải thiện bộ phận của TSCĐHH làm tăng

đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra, áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản với trước. Các chi phí khác phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- **Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu:** Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng TSCĐHH được xác định theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Nếu TSCĐHH được đánh giá lại theo quy định của nhà nước thì nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại phải được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại. Chênh lệch do đánh giá lại được xử lý theo quy định của Nhà nước.

- **Khấu hao:** Giá trị khấu hao của TSCĐHH được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Phương pháp khấu hao phải phù hợp với lợi ích kinh tế mà tài sản mang lại cho doanh nghiệp. Số khấu hao của từng thời kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác. Phương pháp khấu hao TSCĐHH phải được xem xét lại theo định kỳ thường là cuối năm tài chính, nếu có sự thay đổi đáng kể trong cách thức sử dụng tài sản để đem lại lợi ích cho doanh nghiệp thì được thay đổi phương pháp khấu hao và mức khấu hao tính cho năm hiện hành và các năm tiếp theo. Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 đưa ra ba phương pháp khấu hao TSCĐHH để doanh nghiệp lựa chọn là:

- + Phương pháp khấu hao theo đường thẳng
- + Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần
- + Phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm.

- **Thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ:** Thời gian này do doanh nghiệp xác định dựa trên mức độ sử dụng ước tính của tài sản, ngoài ra còn dựa trên kinh nghiệm của doanh nghiệp với các tài sản cùng loại do từng doanh nghiệp có chính sách quản lý tài sản riêng. Khi xác định thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cần quan tâm tới các yếu tố:

a. Mức độ sử dụng ước tính của doanh nghiệp với tài sản đó. Mức độ sử dụng được đánh giá thông qua công suất và sản lượng dự tính.

b. Mức độ hao mòn phụ thuộc vào các nhân tố liên quan trong quá trình sử dụng tài sản như số ca làm việc, chế độ sửa chữa bảo dưỡng tài sản.\

c. Hao mòn vô hình phát sinh do việc thay đổi hay cải tiến dây truyền công nghệ hay do sự thay đổi nhu cầu của thị trường về sản phẩm hoặc dịch vụ do tài sản đó tạo ra.

d. Giới hạn có tính pháp lý trong việc sử dụng tài sản.

Thời gian sử dụng hữu TSCĐHH phải được xem xét lại theo định kỳ thường là cuối năm tài chính. Nếu có sự thay đổi đáng kể trong việc đánh giá thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thì phải điều chỉnh mức khấu hao.

- **Nhượng bán và thanh lý TSCĐHH** : TSCĐHH được ghi giảm khi thanh lý nhượng bán, lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐHH được xác định bằng số chênh lệch giữa thu nhập với chi phí thanh lý, nhượng bán cộng giá trị còn lại của TSCĐHH. Số lãi, lỗ này được ghi nhận là khoản thu nhập hay chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- **Trình bày trên báo cáo tài chính**: Trên bảng cân đối kế toán, số dư của TSCĐ và giá trị hao mòn lũy kế được trình bày riêng cho từng loại là TSCĐHH và TSCĐVH và TSCĐ thuê tài chính. Trong các báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải trình bày theo từng loại TSCĐHH về thông tin sau:

- + Phương pháp xác định nguyên giá TSCĐHH.
- + Phương pháp khấu hao; Thời gian sử dụng hữu ích hoặc tỷ lệ khấu hao
- + Nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại vào đầu năm và cuối kỳ
- + Bản thuyết minh báo cáo tài chính (Phần TSCĐHH) phải trình bày các thông tin:

- +) Nguyên giá TSCĐHH tăng, giảm trong kỳ.
- +) Số khấu hao trong kỳ, tăng, giảm và lũy kế đến cuối kỳ
- +) Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay
- +) Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang
- +) Các cam kết về việc mua, bán TSCĐHH có giá trị lớn trong tương lai.
- +) Giá trị còn lại của TSCĐHH tạm thời không sử dụng được
- +) Nguyên giá của TSCĐHH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

+) Giá trị còn lại của TSCĐHH đang chờ thanh lý

+) Các thay đổi khác về TSCĐHH

*** Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 – TSCĐ vô hình: (VAS 04)**

Tương tự quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về TSCĐHH, chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 cũng đưa ra bốn tiêu chuẩn để ghi nhận một TSCĐ có phải là TSCĐVH hay không.

Với các chi phí liên quan đến TSCĐVH phải được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hoặc chi phí trả trước, trừ trường hợp chi phí hình thành một phần nguyên giá TSCĐVH và thỏa mãn định nghĩa, tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐVH hoặc TSCĐVH hình thành trong quá trình sát nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại nhưng không đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐVH thì chi phí đó hình thành một bộ phận của lợi thế thương mại vào ngày quyết định sáp nhập doanh nghiệp.

Sau khi ghi nhận ban đầu, những chi phí liên quan đến TSCĐVH phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá TSCĐVH đó là chi phí này có khả năng làm TSCĐVH tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá lại ban đầu và chi phí được đánh giá một cách chắc chắn gắn liền với một TSCĐVH cụ thể.

Theo VAS 04, do TSCĐVH là những tài sản chịu tác động mạnh mẽ từ các yếu tố công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật nên việc xem xét lựa chọn phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích của tài sản là vấn đề cần được quan tâm. Theo đó, thời gian khấu hao tối đa của TSCĐVH là 20 năm. Giá trị khấu hao của TSCĐVH phải được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính hợp lý của tài sản. Việc trích khấu hao được bắt đầu từ khi đưa TSCĐVH vào sử dụng

Khi xác định thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐVH làm căn cứ tính khấu hao cần phải xem các yếu tố sau:

a. Khả năng sử dụng dự tính của tài sản

b. Vòng đời của sản phẩm và các thông tin chung về các ước tính liên quan đến thời gian sử dụng hữu ích của các loại tài sản giống nhau được sử dụng trong điều kiện tương tự.

c. Sự lạc hậu về kỹ thuật, công nghệ

d. Tính ổn định của ngành sử dụng tài sản đó và sự thay đổi về nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm hoặc việc cung cấp dịch vụ mà tài sản đó đem lại.

e. Hoạt động dự tính của các đối thủ cạnh tranh hiện tại hoặc tiềm năng.

f. Mức chi phí cần thiết để duy trì, bảo dưỡng

g. Thời gian kiểm soát tài sản, những hạn chế về mặt pháp lý và những hạn chế khác về quá trình sử dụng tài sản.

h. Sự phụ thuộc thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐVH với các tài sản khác trong doanh nghiệp.

Phương pháp khấu hao TSCĐVH phải phản ánh cách thức thu hồi lợi ích kinh tế từ tài sản đó của doanh nghiệp. Phương pháp khấu hao được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức ước tính thu hồi lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp. Trường hợp này phải điều chỉnh chi phí khấu hao cho năm hiện hành, các năm tiếp theo và được thuyết minh trong báo cáo tài chính.

TSCĐVH có giá trị thanh lý khi có bên thứ ba thỏa thuận mua lại tài sản đó vào cuối thời gian sử dụng hữu ích của tài sản hoặc có thị trường hoạt động vào cuối thời gian sử dụng hữu ích của các tài sản và giá trị thanh lý có thể xác định được thông qua thị trường.

1.2.2. Kế toán tài sản cố định theo qui định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành ở Việt Nam

1.2.2.1. Thủ tục chứng từ và kế toán chi tiết tài sản cố định

* ***Chứng từ trong kế toán*** có hai chức năng đó là chức năng thông tin và chức năng kiểm tra. Với chức năng thông tin, chứng từ kế toán giúp sao chép chụp nguyên gốc các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, là căn cứ phân loại ghi sổ, tổng hợp kế toán. Với chức năng kiểm tra, chứng từ kế toán là căn cứ pháp lý cho việc bảo vệ tài sản, xác minh tính hợp pháp trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế, giúp chứng

minh kế toán doanh nghiệp đã tuân thủ các quy định của các văn bản pháp luật kế toán. Do đó chúng tôi kế toán đóng một vai trò rất quan trọng trong kế toán doanh nghiệp nói chung và đối với kế toán TSCĐ nói riêng.

* **Kế toán chi tiết TSCĐ** có vai trò quan trọng trong việc cung cấp đầy đủ thông tin về từng loại, từng đối tượng TSCĐ cụ thể, theo yêu cầu quản lý khác nhau của nhà quản trị. Để kế toán TSCĐ trở thành công cụ hữu ích nhất phục vụ cho công tác quản lý và sử dụng hiệu quả TSCĐ thì bắt buộc doanh nghiệp phải thực hiện tốt cả kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp TSCĐ. Thông thường thì kế toán chi tiết TSCĐ được thực hiện với những nội dung sau:

- Đối với mỗi một TSCĐHH sẽ được lập một bộ hồ sơ riêng bao gồm các chứng từ liên quan như: biên bản giao nhận, hợp đồng, hóa đơn mua TSCĐ, các bản sao tài liệu kỹ thuật, các chứng từ khác nếu có. Căn cứ vào mỗi bộ hồ sơ này kế toán mở thẻ TSCĐHH theo dõi chi tiết các thông tin chung về tài sản như: tên, mã, ký hiệu, năm sản xuất, bộ phận sử dụng, công suất thiết kế... và các chỉ tiêu tính giá kể từ khi bắt đầu ghi nhận là TSCĐHH đến việc trang bị, nâng cấp thêm hay tháo dỡ, bảo dưỡng sửa chữa.

- Xây dựng và mã hóa danh mục TSCĐHH của doanh nghiệp sao cho hợp lý, thuận tiện cho quá trình kiểm tra, đối chiếu và thống nhất toàn doanh nghiệp.

- Mở sổ TSCĐHH dùng chung cho toàn doanh nghiệp để ghi chép các chỉ tiêu chủ yếu về TSCĐHH như chỉ tiêu tăng, giảm nguyên giá, chỉ tiêu khấu hao... sổ này thường được mở cho từng loại TSCĐHH. Đồng thời việc mở sổ chung, kế toán chi tiết cũng phải mở sổ chi tiết TSCĐHH theo từng bộ phận sử dụng, nguồn hình thành và tình hình sử dụng....

- Định kỳ kế toán lập các báo cáo về tình hình sử dụng TSCĐHH, kết hợp với phân tích hiệu quả sử dụng trong kỳ và lên kế hoạch sửa chữa thay thế tài sản ở các kỳ kế tiếp.

1.2.2.2. Kế toán tổng hợp tài sản cố định

* Tài khoản sử dụng:

Trong kế toán tài chính, hệ thống tài khoản kế toán phải được áp dụng theo quyết định do Bộ Tài chính ban hành. Hiện nay hệ thống tài khoản thống nhất trong các doanh nghiệp được áp dụng theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, của Bộ tài chính.

Trong từng trường hợp cụ thể kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán phản ánh các nghiệp vụ kế toán liên quan.

Để phản ánh tình hình biến động tài sản cố định, kế toán TSCĐ tại các doanh nghiệp phải sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

- **Tài khoản 211 – Tài sản cố định hữu hình:** Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình tăng giảm của toàn bộ TSCĐHH của doanh nghiệp theo nguyên giá. Tài khoản 211 có 6 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 2111 - Nhà cửa, vật kiến trúc:* Phản ánh giá trị các công trình XDCCB như nhà cửa, vật kiến trúc, hàng rào, bể, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí thiết kế cho nhà cửa, các công trình cơ sở hạ tầng như đường sá, cầu cống, đường sắt, cầu tàu, cầu cảng...

+ *Tài khoản 2112 - Máy móc thiết bị:* Phản ánh giá trị các loại máy móc, thiết bị dùng trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm những máy móc chuyên dùng, máy móc, thiết bị công tác, dây chuyền công nghệ và những máy móc đơn lẻ.

+ *Tài khoản 2113 - Phương tiện vận tải, truyền dẫn:* Phản ánh giá trị các loại phương tiện vận tải, gồm phương tiện vận tải đường bộ, sắt, thủy, sông, hàng không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn (Thông tin, điện nước, băng chuyền tải vật tư, hàng hoá).

+ *Tài khoản 2114 - Thiết bị, dụng cụ quản lý:* Phản ánh giá trị các loại thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quản lý, kinh doanh, quản lý hành chính (Máy vi tính, quạt trần, quạt bàn, bàn ghế, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng hút ẩm, hút bụi, chống mối mọt...).

+ *Tài khoản 2115 - Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm*: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ là các loại cây lâu năm (Cà phê, chè, cao su, vườn cây ăn quả...) súc vật làm việc (Voi, bò, ngựa cày kéo...) và súc vật nuôi để lấy sản phẩm (Bò sữa, súc vật sinh sản...).

+ *Tài khoản 2118 - TSCĐ khác*: Phản ánh giá trị các loại TSCĐ khác chưa phản ánh ở các tài khoản nêu trên (Như tác phẩm nghệ thuật, sách chuyên môn kỹ thuật...).

- **Tài khoản 213 – Tài sản cố định vô hình**: Tài khoản này phản ánh tình hình biến động của tài sản cố định vô hình của doanh nghiệp theo nguyên giá. Tài khoản 213 có 7 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 2131 - Quyền sử dụng đất*: Phản ánh giá trị TSCĐVH là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (trường hợp quyền sử dụng đất riêng biệt đối với giai đoạn đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc trên đất), lệ phí trước bạ (nếu có)... Tài khoản này không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất.

Trường hợp doanh nghiệp được Nhà nước giao đất mà không phải trả tiền hoặc phải trả tiền thuê đất hàng năm thì tiền thuê đất hàng năm được tính vào chi phí, không được ghi nhận quyền sử dụng đất đó là TSCĐVH vào TK 2131.

+ *Tài khoản 2132 - Quyền phát hành*: Phản ánh giá trị TSCĐVH là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành.

+ *Tài khoản 2133- Bản quyền, bằng sáng chế*: Phản ánh giá trị TSCĐVH là các chi phí thực tế chi ra để có bản quyền tác giả, bằng sáng chế.

+ *Tài khoản 2134 - Nhãn hiệu hàng hoá*: Phản ánh giá trị TSCĐVH là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

+ *Tài khoản 2135 - Phần mềm máy vi tính*: Phản ánh giá trị TSCĐVH là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có phần mềm máy vi tính.

+ *Tài khoản 2136 - Giấy phép và giấy phép nhượng quyền*: Phản ánh giá trị TSCĐVH là các khoản chi ra để doanh nghiệp có được giấy phép hoặc giấy phép

nhượng quyền thực hiện công việc đó, như: Giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất loại sản phẩm mới,...

+ *Tài khoản 2138 - TSCĐVH khác*: Phản ánh giá trị các loại TSCĐVH khác chưa quy định phản ánh ở các tài khoản trên.

- **Tài khoản 214 – Hao mòn tài sản cố định**: Tài khoản này phản ánh tình hình biến động của tài sản cố định theo giá trị hao mòn. TK 214 có 4 tài khoản cấp 2:

+ *Tài khoản 2141 - Hao mòn TSCĐHH*: Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐHH trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐHH.

+ *Tài khoản 2142 - Hao mòn TSCĐ thuê tài chính*: Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ thuê tài chính trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ thuê tài chính.

+ *Tài khoản 2143 - Hao mòn TSCĐVH*: Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ vô hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐVH và những khoản làm tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐVH.

+ *Tài khoản 2147 – Hao mòn BĐS đầu tư*: Tài khoản này phản ánh giá trị hao mòn BĐS đầu tư trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, cho thuê hoạt động các BĐS đầu tư của doanh nghiệp.

Ngoài ra kế toán còn phải sử dụng các tài khoản có liên quan khác như: TK128, TK138, TK141, TK 153, TK213, TK214, TK221, TK222, TK241, TK242, TK331, TK338, TK4121, TK412, TK711, TK811,...

Mọi trường hợp tăng, giảm TSCĐ đều phải lập chứng từ kế toán để làm căn cứ cho việc ghi chép và kiểm tra.

a. Kế toán tăng TSCĐ:

*** Kế toán tăng TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định của đơn vị tăng do được giao vốn (Đối với DNNN), nhận góp vốn bằng TSCĐ, do mua sắm, do công tác XD/CB đã hoàn thành đưa vào sử dụng, do được viện trợ hoặc tặng, biếu.

Trong các nghiệp vụ tăng TSCĐ thì gồm các chứng từ: biên bản giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành xây dựng, mua sắm, được cấp phát, viện trợ, biếu tặng, nhận vốn góp bằng TSCĐ... và các hóa đơn ghi nhận các khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Ngoài ra có thể có thêm các loại chứng từ khác như: hợp đồng kinh tế, hồ sơ kỹ thuật, quyết định phê duyệt toàn công trình, hợp đồng góp vốn liên doanh, biên bản đánh giá TSCĐHH, quyết định điều chuyển TSCĐ...

Trường hợp 1: Trường hợp TSCĐ được mua sắm:

- Trường hợp mua sắm TSCĐHH (Kể cả mua mới hoặc mua lại TSCĐ đã sử dụng) dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, căn cứ các chứng từ có liên quan đến việc mua TSCĐ, kế toán xác định nguyên giá của TSCĐ, lập hồ sơ kế toán, lập Biên bản giao nhận TSCĐ, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH (giá mua chưa có thuế GTGT), tăng thuế GTGT được khấu trừ và ghi giảm các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải trả người bán...

- Trường hợp mua TSCĐ dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH (tổng giá thanh toán), và ghi giảm các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải trả người bán...

- Trường hợp mua sắm TSCĐHH được nhận kèm thiết bị phụ tùng thay thế, kế toán xác định nguyên giá TSCĐ theo giá đã trừ đi giá trị hợp lý của thiết bị phụ tùng thay thế. Phần giá trị hợp lý của thiết bị phụ tùng được hạch toán vào tài khoản CCDC (chi tiết thiết bị, phụ tùng thay thế)

- Nếu TSCĐ được mua sắm bằng nguồn vốn đầu tư XDCB hoặc quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp dùng vào SXKD, kế toán phải ghi tăng nguồn vốn kinh doanh, giảm nguồn vốn XDCB hoặc giảm quỹ đầu tư phát triển khi quyết toán được duyệt.

Trường hợp 2: Trường hợp mua TSCĐHH theo phương thức trả chậm, trả góp:

- Khi mua TSCĐHH theo phương thức trả chậm, trả góp và đưa về sử dụng ngay cho SXKD, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH (Nguyên giá – ghi theo giá mua trả tiền ngay), tăng thuế GTGT được khấu trừ, tăng chi phí trả trước (phần lãi trả chậm là số chênh lệch giữa tổng số tiền phải thanh toán trừ (-) giá mua trả tiền ngay trừ (-) thuế GTGT), và ghi có TK phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

- Định kỳ, thanh toán tiền cho người bán, ghi giảm tài khoản phải trả người bán và ghi có các tài khoản liên quan (Số phải trả định kỳ bao gồm cả gốc và lãi trả chậm, trả góp phải trả định kỳ)

- Định kỳ, tính vào chi phí theo số lãi trả chậm, trả góp phải trả của từng kỳ, ghi tăng chi phí tài chính, ghi giảm chi phí trả trước .

Trường hợp 3: Trường hợp TSCĐHH mua dưới hình thức trao đổi:

- TSCĐHH mua dưới hình thức trao đổi với TSCĐHH tương tự:

Khi nhận TSCĐHH tương tự do trao đổi và đưa vào sử dụng ngay cho SXKD, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH (Nguyên giá TSCĐHH nhận về ghi theo giá trị còn lại của TSCĐ đưa đi trao đổi), ghi giảm hao mòn TSCĐ (giá trị đã khấu hao của TSCĐ đưa đi trao đổi), và ghi giảm nguyên giá TSCĐHH (Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đưa đi trao đổi)

- TSCĐHH mua dưới hình thức trao đổi với TSCĐHH không tương tự:

+ Khi giao TSCĐHH cho bên trao đổi, ghi tăng chi phí khác (Giá trị còn lại của TSCĐHH đưa đi trao đổi), giảm hao mòn TSCĐ (giá trị đã khấu hao), và ghi giảm nguyên giá TSCĐHH. Đồng thời ghi tăng thu nhập do trao đổi TSCĐ.

- Khi nhận được TSCĐHH do trao đổi, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH (giá trị hợp lý của TSCĐ nhận được do trao đổi), tăng thuế GTGT được khấu trừ (nếu có) và ghi giảm phải thu của khách hàng.

Trường hợp 4: Trường hợp mua TSCĐHH là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất, đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động SXKD, ghi tăng nguyên giá TSCĐ (tăng nguyên giá TSCĐHH – chi tiết nhà cửa, vật kiến trúc; tăng nguyên giá TSCĐVH – chi tiết quyền sử dụng đất), tăng thuế GTGT được khấu trừ (nếu có) và ghi có các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải trả người bán....

Trường hợp 5: Trường hợp TSCĐ hữu hình tăng do đầu tư XD CB hoàn thành:

- Trường hợp quá trình đầu tư XDCCB được hạch toán trên cùng hệ thống sổ kế toán của đơn vị:

+ Khi công tác XDCCB hoàn thành nghiệm thu, bàn giao đưa tài sản vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và ghi giảm tài khoản xây dựng cơ bản dở dang.

+ Nếu doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoặc các quỹ doanh nghiệp để đầu tư XDCCB, kế toán ghi tăng nguồn vốn kinh doanh, giảm nguồn vốn đầu tư XDCCB và các quỹ doanh nghiệp khi quyết toán được duyệt.

- Trường hợp quá trình đầu tư XDCCB không hạch toán trên cùng hệ thống sổ kế toán của đơn vị (Đơn vị chủ đầu tư có tổ chức kế toán riêng để theo dõi quá trình đầu tư XDCCB):

+ Khi doanh nghiệp nhận bàn giao TSCĐ là sản phẩm đầu tư XDCCB hoàn thành và nguồn vốn hình thành TSCĐ (Kể cả bàn giao khoản vay đầu tư XDCCB), ghi tăng nguyên giá TSCĐHH, tăng thuế GTGT được khấu trừ (nếu có), và ghi tăng các tài khoản liên quan (TK 411 – phần vốn chủ sở hữu, TK 341 – phần vốn vay của các tổ chức tín dụng, TK 136 – phần vốn đơn vị cấp trên giao).

+ Đối với doanh nghiệp Nhà nước, nếu TSCĐ (Đầu tư qua nhiều năm) được nghiệm thu, bàn giao theo giá trị ở thời điểm bàn giao công trình (Theo giá trị phê duyệt của cấp có thẩm quyền), ghi tăng nguyên giá TSCĐHH (nguyên giá được duyệt), tăng thuế GTGT được khấu trừ (nếu có), và ghi tăng các tài khoản liên quan (TK 411 – phần vốn chủ sở hữu, TK 341 – phần vốn vay của các tổ chức tín dụng, TK 136 – phần vốn đơn vị cấp trên giao).

Bàn giao TSCĐ hoàn thành qua đầu tư, đồng thời với việc bàn giao các khoản vay dài hạn, hoặc nợ dài hạn để hình thành TSCĐ đó.

Trường hợp 6: Trường hợp TSCĐHH tự chế:

- Khi sử dụng sản phẩm do doanh nghiệp tự chế tạo để chuyển thành TSCĐ hữu hình sử dụng cho SXKD, ghi giảm thành phẩm (nếu xuất kho thành phẩm đưa vào sử dụng) hoặc ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (nếu đưa vào sử dụng làm TSCĐ ngay), đồng thời ghi tăng TSCĐ.

- Chi phí lắp đặt, chạy thử ... liên quan đến TSCĐHH, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và ghi tăng công nợ hoặc giảm tiền.

Trường hợp 7: Trường hợp doanh nghiệp được tài trợ, biếu, tặng TSCĐHH đưa vào sử dụng ngay cho SXKD, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và ghi tăng thu nhập khác.

Các chi phí khác liên quan trực tiếp đến TSCĐHH được tài trợ, biếu, tặng tính vào nguyên giá, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và ghi có các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải trả người bán...

Trường hợp 8: Trường hợp công trình hoặc hạng mục công trình XD CB hoàn thành đã bàn giao đưa vào sử dụng, nhưng chưa được duyệt quyết toán vốn đầu tư, thì doanh nghiệp căn cứ vào chi phí đầu tư XD CB thực tế, tạm tính nguyên giá để hạch toán tăng TSCĐ (Để có cơ sở tính và trích khấu hao TSCĐ đưa vào sử dụng). Sau khi quyết toán vốn đầu tư XD CB được duyệt, nếu có chênh lệch so với giá trị TSCĐ đã tạm tính thì kế toán thực hiện điều chỉnh tăng, giảm số chênh lệch.

Trường hợp 9: Trường hợp nhận vốn góp liên doanh của các đơn vị khác bằng TSCĐHH, căn cứ giá trị TSCĐ được các bên liên doanh chấp thuận, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và tăng nguồn vốn kinh doanh.

Trường hợp 10: TSCĐ nhận được do điều động nội bộ Công ty (không phải thanh toán tiền), ghi tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình, ghi tăng giá trị hao mòn và ghi tăng nguồn vốn kinh doanh hoặc nợ phải trả nội bộ (giá trị còn lại).

Trường hợp 11: Trường hợp dùng kinh phí sự nghiệp, kinh phí dự án để đầu tư, mua sắm TSCĐ, khi TSCĐ mua sắm, đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng cho hoạt động sự nghiệp, dự án, ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và ghi có tài khoản Nguồn kinh phí sự nghiệp. Đồng thời ghi tăng Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ.

Nếu rút dự toán mua TSCĐ doanh nghiệp chủ động theo dõi và ghi chép trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trường hợp 12: Trường hợp đầu tư, mua sắm TSCĐ bằng quỹ phúc lợi, khi hoàn thành đưa vào sử dụng cho hoạt động văn hóa, phúc lợi, ghi tăng nguyên giá

TSCĐHH và ghi có các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải trả người bán. Đồng thời kết chuyển giảm quỹ phúc lợi và tăng quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ.

Trường hợp 13: Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu liên quan đến TSCĐHH như sửa chữa, cải tạo, nâng cấp:

- Khi phát sinh chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp TSCĐHH sau khi ghi nhận ban đầu, ghi tăng XDCB dở dang, tăng thuế GTGT được khấu trừ, và ghi có các tài khoản liên quan.

- Khi công việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp TSCĐ hoàn thành đưa vào sử dụng:

- + Nếu thoả mãn các điều kiện được ghi tăng nguyên giá TSCĐHH, bút toán kết chuyển ghi tăng nguyên giá TSCĐHH và ghi giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

- + Nếu không thoả mãn các điều kiện được ghi tăng nguyên giá TSCĐHH, ghi tăng các tài khoản chi phí và ghi giảm tài khoản xây dựng cơ bản dở dang.

Trường hợp 14: Khi phát hiện TSCĐ thừa khi kiểm kê, kế toán cần phải truy tìm nguyên nhân để xử lý. Đồng thời căn cứ vào "Biên bản kiểm kê TSCĐ" và kết luận của Hội đồng kiểm kê để hạch toán chính xác, kịp thời, theo từng nguyên nhân cụ thể:

- + Nếu TSCĐ phát hiện thừa do để ngoài sổ sách (chưa ghi sổ), kế toán phải căn cứ vào hồ sơ TSCĐ để ghi tăng TSCĐ theo từng trường hợp cụ thể.

- + Nếu TSCĐ thừa đang sử dụng thì ngoài nghiệp vụ ghi tăng TSCĐ hữu hình, phải căn cứ vào nguyên giá và tỷ lệ khấu hao để xác định giá trị hao mòn làm căn cứ tính, trích bổ sung khấu hao TSCĐ hoặc trích bổ sung hao mòn đối với TSCĐ dùng cho hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, dự án.

- + Nếu TSCĐ phát hiện thừa được xác định là TSCĐ của đơn vị khác thì phải báo ngay cho đơn vị chủ tài sản đó biết và theo dõi ngoài sổ sách kế toán. Trường hợp không phát hiện được nguyên nhân thì ghi tăng TSCĐ và ghi tăng tài khoản tài sản thừa chờ giải quyết hoặc ghi tăng thu nhập khác. .

*** Kế toán tăng TSCĐ vô hình**

Các trường hợp ghi tăng TSCĐVH cũng tương tự như các trường hợp ghi tăng TSCĐHH. Ngoài ra đối với TSCĐVH có một số trường hợp đặc thù khác:

Trường hợp 1: Giá trị TSCĐVH được hình thành từ nội bộ doanh nghiệp trong giai đoạn triển khai:

- Khi phát sinh chi phí trong giai đoạn triển khai xét thấy kết quả triển khai không thoả mãn định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐVH thì tập hợp vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ hoặc tập hợp vào chi phí trả trước dài hạn.

- Khi xét thấy kết quả triển khai thoả mãn định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐVH thì:

+Tập hợp chi phí thực tế phát sinh ở giai đoạn triển khai để hình thành nguyên giá TSCĐVH.

+Khi kết thúc giai đoạn triển khai, kế toán phải xác định tổng chi phí thực tế phát sinh hình thành nguyên giá TSCĐVH.

Trường hợp 2: Khi mua TSCĐVH là quyền sử dụng đất cùng với mua nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì phải xác định riêng biệt giá trị TSCĐVH là quyền sử dụng đất, TSCĐHH là nhà cửa, vật kiến trúc, ghi tăng TSCĐHH (Nguyên giá nhà cửa, vật kiến trúc), tăng TSCĐVH (Nguyên giá quyền sử dụng đất), tăng thuế GTGT được khấu trừ (1332 - nếu có), và ghi có các tài khoản liên quan.

Trường hợp 3: Khi TSCĐVH hình thành từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của các công ty cổ phần, nguyên giá TSCĐVH là giá trị hợp lý của các chứng từ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn.

Trường hợp 4: Khi có quyết định chuyển mục đích sử dụng của BĐS đầu tư là quyền sử dụng đất sang TSCĐVH, ghi tăng nguyên giá TSCĐVH, giảm BĐS đầu tư. Đồng thời kết chuyển số hao mòn lũy kế của BĐS đầu tư sang số hao mòn lũy kế của TSCĐVH.

b. Kế toán giảm TSCĐ

*** Kế toán giảm TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình của đơn vị giảm, do nhượng bán, thanh lý, mất mát, phát hiện thiếu khi kiểm kê, đem góp vốn liên doanh, điều chuyển cho đơn vị khác, tháo dỡ một hoặc một số bộ phận... Trong mọi trường hợp giảm TSCĐHH, kế toán phải làm đầy đủ thủ tục, xác định đúng những khoản thiệt hại và thu nhập (nếu có)

Căn cứ các chứng từ liên quan, kế toán ghi sổ theo từng trường hợp cụ thể như sau:

Trường hợp 1: Trường hợp nhượng bán TSCĐ

TSCĐ nhượng bán thường là những TSCĐ không cần dùng hoặc xét thấy sử dụng không có hiệu quả. Khi nhượng bán TSCĐHH phải làm đầy đủ các thủ tục cần thiết (Lập Hội đồng xác định giá, thông báo công khai và tổ chức đấu giá, có hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận TSCĐ...). Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ và các chứng từ liên quan đến nhượng bán TSCĐ:

- Trường hợp nhượng bán TSCĐ dùng vào sản xuất, kinh doanh: Căn cứ Biên bản giao nhận TSCĐ để ghi giảm TSCĐ đã nhượng bán. Các chi phí phát sinh liên quan đến nhượng bán TSCĐ được phản ánh vào bên Nợ TK 811 "Chi phí khác".

- Trường hợp nhượng bán TSCĐHH dùng vào hoạt động sự nghiệp, dự án: Căn cứ Biên bản giao nhận TSCĐ để ghi giảm TSCĐ đã nhượng bán. Số tiền thu, chi liên quan đến nhượng bán TSCĐHH ghi vào các tài khoản liên quan theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Trường hợp nhượng bán TSCĐHH dùng vào hoạt động văn hóa, phúc lợi: Căn cứ Biên bản giao nhận TSCĐ để ghi giảm TSCĐ nhượng bán. Đồng thời phản ánh số thu về nhượng bán TSCĐ và phản ánh số chi về nhượng bán TSCĐ.

Trường hợp 2: Trường hợp thanh lý TSCĐ:

TSCĐ thanh lý là những TSCĐ hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng được, những TSCĐ lạc hậu về kỹ thuật hoặc không phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh. Khi có TSCĐ thanh lý, đơn vị phải ra quyết định thanh lý, thành lập Hội đồng thanh lý TSCĐ. Hội đồng thanh lý TSCĐ có nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc

thanh lý TSCĐ theo đúng trình tự, thủ tục quy định trong chế độ quản lý tài chính và lập “Biên bản thanh lý TSCĐ” theo mẫu quy định. Biên bản được lập thành 2 bản, 1 bản chuyển cho phòng kế toán để theo dõi ghi sổ, 1 bản giao cho đơn vị quản lý, sử dụng TSCĐ

Căn cứ vào Biên bản thanh lý và các chứng từ có liên quan đến các khoản thu, chi thanh lý TSCĐ ... kế toán ghi sổ như trường hợp nhượng bán TSCĐ.

Trường hợp 3: Góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát bằng TSCĐHH:

- Khi góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát bằng tài sản cố định, ghi tăng vốn góp liên doanh (Theo giá trị do các bên liên doanh đánh giá), giảm Hao mòn TSCĐ (Số khấu hao đã trích), tăng chi phí khác (Số chênh lệch giữa giá đánh giá lại nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ) và ghi giảm TSCĐHH (Nguyên giá), tăng thu nhập khác (Số chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị còn lại của TSCĐ)

Trường hợp 4: Kế toán TSCĐHH phát hiện thiếu khi kiểm kê

TSCĐ phát hiện thiếu phải được truy cứu nguyên nhân, xác định người chịu trách nhiệm và xử lý theo chế độ tài chính hiện hành.

- Trường hợp có quyết định xử lý ngay: Căn cứ "Biên bản xử lý TSCĐ thiếu" đã được duyệt và hồ sơ TSCĐ, kế toán phải xác định chính xác nguyên giá, giá trị hao mòn của TSCĐ đó làm căn cứ ghi giảm TSCĐ và xử lý vật chất phần giá trị còn lại của TSCĐ.

- Trường hợp TSCĐ thiếu chưa xác định được nguyên nhân chờ xử lý ghi giảm tài khoản Hao mòn TSCĐ (2141) (Giá trị hao mòn), tăng phải thu khác (1381 – tài sản thiếu chờ xử lý) (Giá trị còn lại), và giảm nguyên giá TSCĐHH.

Trường hợp 5: Đối với TSCĐHH dùng cho sản xuất, kinh doanh, nếu không đủ tiêu chuẩn ghi nhận theo quy định phải chuyển thành công cụ, dụng cụ. Trường hợp nếu nhập kho ghi tăng tài khoản CCDC, nếu tính vào chi phí trong kỳ thì hạch toán vào tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh. Trường hợp TSCĐ chuyển thành CCDC liên quan đến chi phí phân bổ nhiều kỳ thì hạch toán vào tài khoản chi phí

trả trước, định kỳ phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

*** Kế toán giảm TSCĐ vô hình:**

Tất cả các TSCĐVH mặc dù không có hình dạng nhưng cũng như TSCĐHH chúng tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh và giá trị của chúng được chuyển dần vào chi phí kinh doanh từng kỳ. Vì vậy, hạch toán kế toán giảm TSCĐVH được quy định tương tự như hạch toán kế toán giảm TSCĐHH.

c. Kế toán khấu hao TSCĐ

*** Nguyên tắc và phương pháp trích khấu hao TSCĐ**

Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành quy định mọi TSCĐHH hiện có của doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp đều phải trích khấu hao theo quy định hiện hành. Quy định hiện hành về trích khấu hao TSCĐ được hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Theo đó, tất cả TSCĐ hiện có của doanh nghiệp đều phải trích khấu hao trừ những TSCĐ sau đây:

- + Những TSCĐ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + TSCĐ khấu hao chưa hết bị mất.
- + TSCĐ khác do doanh nghiệp quản lý mà không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp (trừ TSCĐ thuê tài chính).
- + TSCĐ không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của doanh nghiệp.
- + TSCĐ sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ người lao động của doanh nghiệp (trừ các TSCĐ phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp như: nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, bể chứa nước sạch, nhà để xe, phòng hoặc trạm y tế để khám chữa bệnh, xe đưa đón người lao động, cơ sở đào tạo, dạy nghề, nhà ở cho người lao động do doanh nghiệp đầu tư xây dựng).
- + TSCĐ từ nguồn viện trợ không hoàn lại sau khi được cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho doanh nghiệp để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

+ TSCĐVH là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp.

- TSCĐ sử dụng trong các hoạt động phúc lợi phục vụ cho người lao động của doanh nghiệp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp căn cứ vào thời gian và tính chất sử dụng các tài sản cố định này để thực hiện tính và trích khấu hao vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp và thông báo cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý để theo dõi, quản lý.

- TSCĐ chưa khấu hao hết bị mất, bị hư hỏng mà không thể sửa chữa, khắc phục được, doanh nghiệp xác định nguyên nhân, trách nhiệm bồi thường của tập thể, cá nhân gây ra. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản với tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra, tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm và giá trị thu hồi được (nếu có), doanh nghiệp dùng Quỹ dự phòng tài chính để bù đắp. Trường hợp Quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp, thì phần chênh lệch thiếu doanh nghiệp được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp cho thuê TSCĐ hoạt động phải trích khấu hao đối với TSCĐ cho thuê.

- Trường hợp đánh giá lại giá trị TSCĐ đã hết khấu hao để góp vốn, điều chuyển khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì các TSCĐ này phải được các tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định giá trị nhưng không thấp hơn 20% nguyên giá tài sản đó. Thời điểm trích khấu hao đối với những tài sản này là thời điểm doanh nghiệp chính thức nhận bàn giao đưa tài sản vào sử dụng và thời gian trích khấu hao từ 3 đến 5 năm. Thời gian cụ thể do doanh nghiệp quyết định nhưng phải thông báo với cơ quan thuế trước khi thực hiện.

Đối với các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa, thời điểm trích khấu hao của TSCĐ nói trên là thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần.

- Các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế

toán không được ghi nhận là TSCĐ vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

- Việc trích hoặc thôi trích khấu hao TSCĐ được thực hiện bắt đầu từ ngày (theo số ngày của tháng) mà TSCĐ tăng hoặc giảm. Doanh nghiệp thực hiện hạch toán tăng, giảm TSCĐ theo quy định hiện hành về chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Đối với các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng, doanh nghiệp đã hạch toán tăng TSCĐ theo giá tạm tính do thực hiện quyết toán. Khi quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành có sự chênh lệch giữa giá trị tạm tính và giá trị quyết toán, doanh nghiệp phải điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Doanh nghiệp không phải điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kê từ thời điểm tài sản cố định hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định trên cơ sở lấy giá trị quyết toán tài sản cố định được phê duyệt trừ (-) số đã trích khấu hao đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản cố định chia (:) thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định theo quy định.

- Đối với các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này.

Doanh nghiệp căn cứ vào đặc điểm quản lý tài sản của doanh nghiệp, đặc điểm của từng loại TSCĐ, vào chính sách tài chính và chuẩn mực kế toán hiện hành để lựa chọn 1 trong 3 phương pháp tính, SXKD đảm bảo việc thu hồi vốn nhanh, đầy đủ và phù hợp cho từng TSCĐ nhằm kích thích sự phát triển SXKD đảm bảo việc

thu hồi vốn nhanh, đầy đủ và phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp. Ba phương pháp tính khấu hao TSCĐ mà doanh nghiệp có thể lựa chọn hiện nay là:

+ Phương pháp khấu hao đường thẳng: mức khấu hao TSCĐ bằng nhau qua các kỳ sử dụng.

+ Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần: mức khấu hao TSCĐ sẽ giảm dần trong thời gian sử dụng tài sản.

+ Phương pháp khấu hao theo khối lượng, sản lượng, sản phẩm: mức khấu hao TSCĐ tương ứng với khối lượng sản phẩm mà tài sản tạo ra trong kỳ.

Đối với tài sản cố định còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian trích khấu hao tài sản cố định quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này để xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định.

Đối với tài sản cố định đã qua sử dụng, thời gian trích khấu hao của tài sản cố định được xác định như sau:

$$\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của TSCĐ}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng loại mới 100\% (hoặc của TSCĐ tương đương trên thị trường)}} \times \text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ mới cùng loại xác định theo Phụ lục 1 (ban hành kèm theo Thông tư này)}$$

Trong đó: Giá trị hợp lý của TSCĐ là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của TSCĐ hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức có chức năng thẩm định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

*** Kế toán khấu hao TSCĐ**

Để kế toán khấu hao TSCĐ, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành hướng dẫn sử dụng TK 214: Hao mòn TSCĐ, chi tiết TK 2141: Hao mòn TSCĐ để phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ và tình hình tăng giảm hao mòn của TSCĐ trong doanh nghiệp.

Căn cứ vào số khấu hao TSCĐ trích vào chi phí SXKD hoặc chi phí khác trong kỳ: Kế toán sẽ ghi nợ các TK chi phí (TK 627, 641, 642, 811) ghi Có TK 2141.

TSCĐ đã sử dụng, nhận được do điều chuyển trong nội bộ Tổng công ty, công ty thì kế toán ghi tăng nguyên giá tài sản nhận về (Nợ TK 211, 213), đồng thời ghi tăng giá trị hao mòn lũy kế của tài sản (Có TK 214) và ghi tăng nguồn vốn kinh doanh (Có TK 411) tương ứng với giá trị còn lại tài sản.

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm TSCĐ thì đồng thời với việc ghi giảm nguyên giá TSCĐHH (Có TK 211) kế toán phải ghi giảm giá trị hao mòn của TSCĐ (Nợ TK 214).

Trường hợp cuối năm tài chính doanh nghiệp xem xét lại thời gian trích khấu hao và phương pháp khấu hao TSCĐ, nếu có sự thay đổi mức khấu hao cần phải điều chỉnh số khấu hao ghi trên sổ kế toán như sau:

Nếu do thay đổi phương pháp khấu hao và thời gian trích khấu hao TSCĐHH mà:

- Mức khấu hao TSCĐ tăng lên so với số đã trích trong năm, số chênh lệch khấu hao tăng sẽ được ghi nợ TK 214 và ghi nợ TK chi phí.

- Mức khấu hao TSCĐHH giảm so với số đã trích trong năm, số chênh lệch khấu hao tăng sẽ được ghi nợ TK 214 và ghi nợ có các TK chi phí.

d. Kế toán sửa chữa TSCĐ

Trong quá trình sử dụng, TSCĐ bị hao mòn và hư hỏng từng bộ phận do nhiều nguyên nhân khác nhau. Để đảm bảo cho TSCĐ hoạt động bình thường trong suốt thời gian sử dụng, các doanh nghiệp phải tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ khi bị hư hỏng.

*** Các hình thức sửa chữa TSCĐ**

Do tính chất, mức độ hao mòn và hư hỏng của TSCĐ rất khác nhau nên tính chất và quy mô công việc sửa chữa TSCĐ cũng khác nhau.

+ Nếu căn cứ vào quy mô sửa chữa TSCĐ thì công việc sửa chữa TSCĐ chia thành hai loại:

- Sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng: Là hoạt động sửa chữa nhỏ, hoạt động bảo trì, bảo dưỡng theo yêu cầu kỹ thuật nhằm đảm bảo cho TSCĐ hoạt động bình

thường. Công việc sửa chữa được tiến hành thường xuyên, thời gian sửa chữa ngắn, chi phí sửa chữa thường phát sinh không lớn. Do vậy, không phải lập dự toán

- Sửa chữa lớn: Mang tính chất khôi phục hoặc nâng cấp, cải tạo khi TSCĐ bị hư hỏng nặng hoặc theo yêu cầu kỹ thuật đảm bảo nâng cao năng lực sản xuất và hoạt động của TSCĐ. Thời gian tiến hành sửa chữa lớn thường dài, chi phí sửa chữa phát sinh nhiều, do vậy doanh nghiệp phải lập kế hoạch, dự toán theo từng công trình sửa chữa lớn.

+ Nếu căn cứ vào phương thức tiến hành sửa chữa TSCĐ thì doanh nghiệp có thể tiến hành sửa chữa TSCĐ theo 2 phương thức:

- Phương thức tự làm: Doanh nghiệp phải chi ra các chi phí sửa chữa TSCĐ như: Chi phí vật liệu, phụ tùng, nhân công... Công việc sửa chữa TSCĐ có thể do bộ phận quản lý, sử dụng TSCĐ hay bộ phận SXKD phụ của doanh nghiệp thực hiện.

- Phương thức thuê ngoài: Doanh nghiệp tổ chức cho các đơn vị bên ngoài đấu thầu hoặc giao thầu sửa chữa và ký hợp đồng sửa chữa với đơn vị trúng thầu hoặc nhận thầu. Hợp đồng phải quy định rõ giá giao thầu sửa chữa TSCĐ, thời gian giao nhận TSCĐ, nội dung công việc sửa chữa... Hợp đồng giao thầu sửa chữa TSCĐ là cơ sở để doanh nghiệp quản lý, kiểm tra công tác sửa chữa TSCĐ.

*** Trình tự kế toán sửa chữa TSCĐ**

Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ:

Sửa chữa thường xuyên là những sửa chữa nhỏ có tính chất bảo dưỡng, thay thế những bộ phận nhỏ của TSCĐ. Chi phí sửa chữa thường xuyên có giá trị thấp hơn so với tổng chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp, thời gian sửa chữa thường ngắn nên kế toán sẽ tập hợp trực tiếp vào chi phí hoạt động của các bộ phận sử dụng tài sản. Tại thời điểm diễn ra sửa chữa, kế toán ghi vào bên nợ của các TK chi phí SXKD (TK627, 641, 642) chi phí sửa chữa và bên có của các TK thanh toán tương ứng như TK 111, TK 112, TK 331... hoặc các TK hàng tồn kho như TK 152, TK 153... trong trường hợp doanh nghiệp xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho quá trình sửa chữa.

Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ:

Sửa chữa lớn TSCĐ bao gồm sửa chữa lớn TSCĐ không mang tính chất nâng cấp và sửa chữa lớn TSCĐ có tính nâng cấp.

Để kế toán các nghiệp vụ liên quan đến loại sửa chữa này, kế toán doanh nghiệp sử dụng TK 2413: sửa chữa lớn TSCĐ, để phản ánh chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và tình hình quyết toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ cụ thể.

+ Sửa chữa lớn TSCĐ không mang tính chất nâng cấp: được thực hiện khi TSCĐ bị hư hỏng nặng, cần phải thay thế phần lớn các bộ phận, chi tiết của TSCĐ... hoặc quy mô bảo dưỡng, sửa chữa rộng, thời gian sửa chữa kéo dài, tổng chi phí sửa chữa phát sinh thường lớn so với tổng chi phí SXKD trong kỳ quyết toán công trình sửa chữa, nên nếu chi phí này được tính hết vào chi phí SXKD trong 1 kỳ thì có thể sẽ gây ra sự biến động lớn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ, không đảm bảo nguyên tắc phù hợp. Do đó chi phí sửa chữa lớn sẽ phải được phân bổ trong nhiều kỳ. Tuy nhiên, việc phân bổ chi phí này còn phụ thuộc vào doanh nghiệp có lên kế hoạch cho việc sửa chữa lớn TSCĐ từ trước hay không?

Khi phát sinh các chi phí liên quan đến sửa chữa lớn TSCĐ thì kế toán tập hợp ghi nhận vào bên nợ của TK 2413 và bên có của các TK tiền, phải trả người bán, TK nguyên liệu, TK phải trả người lao động... Khi công trình sửa chữa hoàn thành, căn cứ vào số quyết toán chi phí đã duyệt, căn cứ vào chi phí sửa chữa lớn TSCĐ doanh nghiệp đã tiến hành trích trước, nếu có chênh lệch này là lớn hay nhỏ mà kết chuyển vào TK chi phí trả trước để phân bổ dần trong các kỳ tiếp theo hoặc kết chuyển hết vào các TK chi phí trong kỳ.

+ Sửa chữa lớn TSCĐ mang tính chất nâng cấp, thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ. Trường hợp này xảy ra khi kết quả của quá trình sửa chữa chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó, hoặc cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản. Đây có thể được hiểu là quá trình đầu tư bổ xung cho tài sản. Vì vậy mà chi phí sửa chữa sẽ không tính vào chi phí SXKD mà được tính làm tăng nguyên giá của TSCĐ. Kế toán tập hợp chi phí, ghi nợ cho TK 2413 và ghi có các TK tiền, nguyên vật liệu, các TK

khác có liên quan... Khi quyết toán công trình sửa chữa được duyệt ghi tăng nguyên giá TSCĐ thì kế toán ghi nợ TK nguyên giá TSCĐ (TK 211, 213) và ghi có TK 2413: số chi phí sửa chữa được duyệt.

(Phụ lục số 06: Sơ đồ khái quát kế toán tăng giảm TSCĐ)

1.2.3. Trình bày thông tin về tài sản cố định trên Báo cáo tài chính

BCTC là các báo cáo phản ánh một cách tổng quát và có hệ thống tình hình tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp, tình hình và kết quả hoạt động SXKD, tình hình và quá trình lưu chuyển tiền tệ, tình hình quản lý và sử dụng vốn... của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Đối với TSCĐ, trên các BCTC phải trình bày những thông tin bắt buộc sau đây:

- **Trên Bảng cân đối kế toán:** Trình bày thông tin TSCĐ tại mục II, phần tài sản dài hạn về nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tổng TSCĐ.

- **Trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** Theo phương pháp trực tiếp; thông tin về tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ được trình bày tại mục II: Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư. Theo phương pháp gián tiếp thì ngoài 2 nội dung trên thì tại phần 2 mục I: Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh, trình bày thêm khấu hao TSCĐ và BĐSĐT.

- **Trên thuyết minh BCTC:** Trình bày nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ, các số dư đầu năm, tăng giảm trong năm, số dư cuối năm của chỉ tiêu nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế, giá trị còn lại của từng loại TSCĐ.

1.3. Kế toán tài sản cố định theo chuẩn mực kế toán quốc tế và sự hòa hợp của Việt Nam

1.3.1. Chuẩn mực kế toán quốc tế về tài sản cố định hữu hình (IAS 16)

Chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 16 quy định cho tất cả các loại bất động sản, nhà xưởng và công cụ. Chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 16 được quy định như sau :

- **Định nghĩa TSCĐHH :** Bất động sản, nhà xưởng và dụng cụ là những tài sản hữu hình khi :

a. Chúng được doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho mục đích sản xuất và cung cấp hàng hóa, dịch vụ hay cho người khác thuê hay cho các mục đích quản lý hành chính.

b. Doanh nghiệp dự kiến là có thể sử dụng chúng nhiều hơn một kỳ kế toán.

- *Tiêu chuẩn để ghi nhận chi phí phát sinh cho bất động sản, nhà xưởng, dụng cụ* được ghi nhận là khi :

c. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó

d. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy

Việc ghi nhận chi phí vào nguyên giá của một TSCĐHH ngừng lại khi tài sản đã ở vào địa điểm và trạng thái cần thiết để tài sản có thể vận hành theo cách đã được định trước. Do đó những chi phí phát sinh sau thời điểm “ tài sản ở vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có thể vận hành theo cách đã được định trước” đều không được ghi nhận vào nguyên giá của TSCĐ như: các chi phí phát sinh khi một tài sản có khả năng hoạt động theo cách đã định trước nhưng vẫn chưa được đưa vào sử dụng hoặc hoạt động dưới công suất; khoản lỗ ban đầu như những khoản lỗ phát sinh khi nhu cầu cho sản phẩm được sản xuất bằng tài sản đó đang trong giai đoạn tích lũy; chi phí cho việc chuyển địa điểm và tái cơ cấu một phần hoặc toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

- *Ghi nhận ban đầu:* Một tài sản nếu thỏa mãn điều kiện là TSCĐ hữu hình thì được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá TSCĐ hữu hình có thể gồm các chi phí cho việc tháo dỡ, di chuyển các tài sản và khôi phục mặt bằng. Chi phí lãi vay phát sinh từ việc thanh toán trả chậm sau thời gian thanh toán thông thường để có tài sản có thể được tính hoặc không tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình, TSCĐ hữu hình có thể là đất đai.

- *Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu:* Sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng TSCĐ thì các khoản chi phí có liên quan đến tài sản sẽ được ghi tăng giá trị kế toán của tài sản nếu xác định chắc chắn các chi phí đó sẽ làm tăng lợi ích kinh tế mà tài sản mang cho doanh nghiệp. Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu của một bất động sản, nhà xưởng hay thiết bị: có thể sử dụng phương pháp giá gốc

hoặc phương pháp đánh giá lại. Giá trị tài sản theo phương pháp giá gốc được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị} & & \text{Nguyên} & & \text{Số hao mòn} & & \text{Tồn thất lũy kế} \\ \text{của} & = & \text{giá của} & - & \text{lũy kế của} & - & \text{do tài sản giảm} \\ \text{TSCĐ} & & \text{TSCĐ} & & \text{TSCĐ} & & \text{giá trị} \end{array}$$

Theo phương pháp đánh giá lại :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị của} & & \text{Giá trị hợp lý} & & \text{Số hao mòn} & & \text{Tồn thất lũy kế} \\ \text{TSCĐ} & = & \text{tại thời điểm} & - & \text{lũy kế của} & - & \text{do tài sản giảm} \\ & & \text{đánh giá lại} & & \text{TSCĐ} & & \text{giá trị} \end{array}$$

Trong khi đó giá trị hợp lý của đất đai và nhà cửa thường được xác định theo những chứng cứ có cơ sở thị trường được hình thành từ những đánh giá được thực hiện bởi những chứng cứ có cơ sở thị trường được hình thành từ những đánh giá được thực hiện bởi những nhà đánh giá chuyên nghiệp. Giá trị của nhà xưởng và thiết bị thường là giá trị thị trường của chúng.

Khi việc đánh giá lại làm tăng giá trị tài sản thì số chênh lệch này cần được ghi tăng khoản mục thặng dư đánh giá lại tài sản trừ trường hợp chính tài sản này trước đó đã được đánh giá giảm mà số chênh lệch giảm đó đã được ghi vào chi phí thì số đánh giá tăng lần này cần được ghi nhận là thu nhập. Khi đánh giá lại làm giảm giá trị của TSCĐ thì số chênh lệch vượt quá số có thể ghi giảm vào khoản mục thặng dư đánh giá lại cần được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả kinh doanh.

- *Khấu hao TSCĐ hữu hình:*

+Khấu hao là sự phân bổ một cách có hệ thống giá trị phải khấu hao của một tài sản trong thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó. Giá trị khấu hao TSCĐHH phải được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của tài sản. Doanh nghiệp có thể lựa chọn khấu hao riêng các bộ phận của một tài sản mà giá trị của bộ phận đó là nhỏ so với tổng giá trị của tài sản. Nếu như doanh nghiệp đã chọn khấu hao riêng biệt một số bộ phận của một số bộ phận của một tài sản (các bộ phận có giá trị lớn) thì cũng phải khấu hao riêng phần còn lại (các bộ phận có giá trị nhỏ).

+Thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐHH là thời gian mà TSCĐHH phát huy được tác dụng cho sản xuất, kinh doanh, được tính bằng : (a) thời gian mà doanh nghiệp dự tính sử dụng TSCĐHH hoặc (b) số lượng sản phẩm hoặc các đơn vị tính tương tự mà doanh nghiệp dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản. TSCĐHH là đất đai sẽ không khấu hao do nó có thời gian sử dụng là vô hạn. Còn nhà cửa và các công trình trên đất đai và khôi phục mặt bằng và có ghi nhận chi phí đó vào nguyên giá của đất thì doanh nghiệp có thể khấu hao phần chi phí đó (song giá trị của đất thì vẫn không được khấu hao). Thời gian khấu hao sẽ phụ thuộc vào thời gian doanh nghiệp ước tính là thu được lợi ích kinh tế từ các chi phí tháo dỡ, di dời và khôi phục mặt bằng đó.

+Phương pháp khấu hao được sử dụng phải phản ánh được cách thức mà tài sản đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai mà doanh nghiệp dự kiến thu được. Phương pháp khấu hao áp dụng cho một tài sản cần được thống nhất qua các thời kỳ, trừ khi có sự thay đổi phương pháp khấu hao và mức khấu hao tính cho năm hiện hành và các năm tiếp theo. Có 3 phương pháp khấu hao có thể được sử dụng là : Khấu hao theo phương pháp đường thẳng, khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần và khấu hao theo số lượng sản phẩm.

-*Giá trị thanh lý của TSCĐHH* : là giá trị có thể thu được khi hết thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, sau khi trừ đi chi phí thanh lý ước tính. Doanh nghiệp không được tiếp tục tính khấu hao đối với những TSCĐHH đã hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

-*Sự giảm giá trị TSCĐ* : Doanh nghiệp dù là sử dụng phương pháp giá gốc hay phương pháp đánh giá lại để ghi nhận giá trị TSCĐHH thì đều phải ước tính sự giảm giá trị của tài sản khi có những dấu hiệu cho thấy tài sản có khả năng giảm giá trị. Những quy định cụ thể về việc giảm giá trị của tài sản được phản ánh theo IAS36 – Giảm giá trị tài sản

-*Trình bày báo cáo tài chính*: Các báo cáo tài chính được lập phải trình bày thông tin cụ thể, chi tiết về tình hình hiện có và tình hình sử dụng các TSCĐ. Thông tin bao gồm các số liệu cụ thể về tài sản và những giải trình cụ thể về những biến

động của các tài sản đó. Các báo cáo tài chính còn đưa ra các yêu cầu chi tiết về việc trình bày phương pháp đánh giá lại TSCĐHH, nếu có

1.3.2. Chuẩn mực kế toán quốc tế về tài sản cố định vô hình (IAS 38)

Về cơ bản thì chuẩn mực kế toán IAS 38 có một số quy định như sau:

- *Định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐVH*: Theo IAS 38 thì ngoài việc thỏa mãn định nghĩa về TSCĐVH (là tài sản phi tiền tệ có thể xác định được và không có hình thái vật chất cụ thể), thì một TSCĐVH cũng phải đồng thời thỏa mãn hai tiêu chuẩn sau: (a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do tài sản đó mang lại; (b) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy.

- *Ghi nhận ban đầu* : Một tài sản nếu thỏa mãn các điều kiện ghi nhận TSCĐVH thì kế toán ghi nhận TSCĐVH đó theo nguyên giá. Một TSCĐVH được ghi nhận khi chi phí cho tài sản đó được đánh giá một cách đáng tin cậy. Nếu chi phí cho một TSCĐVH không được đánh giá một cách riêng biệt và có độ tin cậy cao thì tài sản đó không được hạch toán như một tài sản riêng biệt.

- *Về việc ghi nhận các chi phí liên quan đến tài sản vô hình*: là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hoặc chi phí trả trước, trừ trường hợp : (1) Chi phí hình thành một phần nguyên giá TSCĐ VH và thỏa mãn định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐVH; (2) tài sản được hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp, không đáp ứng được các tiêu chuẩn ghi nhận. Trong trường hợp đó thì những tài sản này được ghi nhận là lợi thế thương mại tại ngày sáp nhập doanh nghiệp.

- *Xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu* : Theo IAS cho phép doanh nghiệp được sử dụng cả hai phương pháp : Phương pháp giá gốc và phương pháp đánh giá lại để ghi nhận giá trị của TSCĐVH sau thời điểm ghi nhận.

- *Khấu hao TSCĐVH*: Một TSCĐVH được xác định giá trị khấu hao một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính hợp lý của nó. Thời gian tính khấu hao của TSCĐVH tối đa là 20 năm kể từ ngày đưa TSCĐVH vào sử dụng, trừ trường hợp TSCĐVH có những bằng chứng đáng tin cậy để chứng minh thời gian sử dụng hữu ích của tài sản vượt quá 20 năm hoặc tài sản đó không được tách biệt với một TSCĐHH có thời gian sử dụng hữu ích lớn hơn 20 năm.

- *Giá trị thanh lý của TSCĐVH*: Giá trị thanh lý được ước tính khi TSCĐVH được hình thành đưa vào sử dụng bằng cách dựa trên giá bán phổ biến ở cuối thời gian sử dụng hữu ích ước tính của một tài sản tương tự và đã hoạt động trong các điều kiện tương tự. Giá trị thanh lý ước tính được xem xét lại ít nhất là vào cuối kỳ kế toán. Trong trường hợp giá trị thanh lý ước tính tăng đến mức bằng hoặc vượt mức giá trị còn lại của tài sản thì chi phí khấu hao của tài sản sẽ được xác định là bằng 0 và tiếp tục như thế đến khi giá trị thanh lý của tài sản được giảm xuống dưới giá trị còn lại của tài sản.

- *Ghi giảm giá trị TSCĐVH*: TSCĐVH được ghi giảm khi thanh lý, nhượng bán hoặc khi xét thấy không thu được lợi ích kinh tế từ việc sử dụng tiếp. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐVH là khoản thu nhập hay chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- *Trình bày báo cáo tài chính*: Các báo cáo tài chính phải được trình bày thông tin cụ thể, chi tiết về các TSCĐ như : phương pháp xác định nguyên giá TSCĐVH, phương pháp khấu hao, thời gian sử dụng hữu ích hoặc tỷ lệ khấu hao, nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại vào đầu năm và cuối năm, số khấu hao tăng, giảm trong kỳ, giá trị hợp lý của TSCĐVH do Nhà nước cấp trong đó ghi rõ (giá trị hợp lý khi ghi nhận ban đầu; giá trị khấu hao lũy kế; Giá trị còn lại của tài sản). Thông tin bao gồm các số liệu cụ thể về tài sản và những giải trình cụ thể về những biến động của các tài sản đó. Các báo cáo tài chính còn đưa ra các yêu cầu chi tiết về việc trình bày phương pháp đánh giá lại TSCĐVH, nếu có.

1.3.3. Sự hòa hợp của kế toán Việt Nam và những vấn đề rút ra từ nghiên cứu

Hiện nay Việt Nam có 26 Chuẩn mực kế toán (VAS) được xây dựng dựa trên các chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS/IFRS) từ những năm 2000 đến năm 2005 theo nguyên tắc vận dụng có chọn lọc. Chuẩn mực kế toán Việt Nam về cơ bản là phù hợp với đặc điểm nền kinh tế và trình độ quản lý của các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm ban hành chuẩn mực. Bên cạnh đó thì VAS mới chỉ vận dụng đơn giản theo IAS/IFRS, chưa cập nhật theo những thay đổi của IAS/IFRS những năm gần

đây. Xét về góc độ kế toán tài sản cố định thì chuẩn mực kế toán Việt Nam về cơ bản chưa vận dụng và hoàn thiện theo chuẩn mực kế toán quốc tế ở một điểm sau:

- VAS 03 chưa có quy định cho phép đánh giá lại giá trị tài sản cố định theo giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo. Theo IAS 16, doanh nghiệp được phép đánh giá lại tài sản theo giá thị trường và được xác định phần tổn thất tài sản hàng năm, đồng thời được ghi nhận phần tổn thất này theo quy định tại IAS 36, nhưng đối với VAS thì chỉ cho phép đánh giá lại tài sản cố định là bất động sản, nhà xưởng và thiết bị trong trường hợp có quyết định của Nhà nước đưa tài sản đi góp vốn liên doanh, liên kết, chia tách, sáp nhập doanh nghiệp và không được ghi nhận phần tổn thất tài sản hàng năm. Điều này làm suy giảm tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính và chưa phù hợp với IAS.

- IAS/IFRS ngày càng hướng tới đo lường tài sản dựa trên cơ sở giá trị hợp lý nhằm đảm bảo tính “liên quan” của thông tin kế toán đối với các đối tượng sử dụng, trong khi đó giá gốc vẫn là giá cơ sở đo lường chủ yếu được quy định bởi VAS.

Có nhiều lý do để giải thích cho sự chưa hòa hợp giữa IAS và IAS/IFRS, một trong những lý do có thể kể đến chính là: Việt Nam là quốc gia mà cơ sở, nguyên tắc kế toán được quy chiếu vào chế độ kế toán quốc gia. Nhà nước có vai trò kiểm soát kế toán về phương pháp đo lường, đánh giá, soạn thảo và trình bày báo cáo, việc soạn thảo, ban hành các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn thực hiện phải do cơ quan nhà nước thực hiện và được đặt trong các bộ luật hoặc các văn bản pháp lý dưới luật. Trong khi đó, ở các quốc gia phát triển IAS/IFRS, các cơ sở nguyên tắc kế toán không quy chiếu vào chế độ kế toán quốc gia, việc kiểm soát của nhà nước được thực hiện thông qua việc giải thích mục tiêu, nguyên tắc kế toán, phương pháp đo lường đánh giá, soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính; chuẩn mực, nguyên tắc thường được thiết lập bởi các tổ chức tư nhân chuyên nghiệp, điều đó cho phép chúng trở nên dễ thích ứng với thực tiễn và sáng tạo hơn, phần lớn các nguyên tắc này không được quy định trực tiếp trong các văn bản luật. Việt Nam cũng chưa có thị trường hoạt động để đánh giá lại tài sản vì thế VAS chưa sử dụng phương pháp đánh giá lại cho tài sản được.

Như vậy, có thể nói rằng vẫn còn tồn tại một khoảng cách đáng kể giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam với chuẩn mực kế toán quốc tế. Những khác biệt này có phần nào ảnh hưởng đến quá trình hội nhập quốc tế về kế toán của Việt Nam. Trong tương lai Việt Nam cần hoàn thiện hơn nữa và hòa nhập hơn nữa với chuẩn mực kế toán quốc tế để phù hợp hơn với quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam.

Việt Nam đang trong quá trình mở cửa, hội nhập kinh tế với khu vực thế giới, thực hiện phát triển kinh tế trên cơ sở phát huy nội lực, tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả ngoại lực. Qua việc xem xét, phân tích chuẩn mực kế toán quốc tế về hạch toán TSCĐ có thể rút ra một số bài học sau:

- Cải cách kế toán Việt Nam, hoàn thiện các chuẩn mực kế toán Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế từ đó đưa chuẩn mực kế toán Việt Nam về gần với chuẩn mực kế toán quốc tế, dựa trên điều kiện, hoàn cảnh kinh tế xã hội của Việt Nam.

- Cần sửa đổi, bổ sung, cập nhật cái mới ở chuẩn mực kế toán quốc tế về TSCĐ vào chuẩn mực kế toán Việt Nam. Ngoài ra còn cần hoàn thiện quy chế soạn thảo chuẩn mực, hoàn thiện các thông tư hướng dẫn các chuẩn mực kế toán Việt Nam về TSCĐ như : bổ sung các quy định xử lý chênh lệch khi đánh giá lại tài sản, bổ sung các tài khoản kế toán phát sinh thêm và phương pháp hạch toán liên quan đến thông tư đó.

- Nên mở thị trường hoạt động cho việc đánh giá tài sản để áp dụng phương pháp đánh giá lại tài sản để xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu của TSCĐ nhằm phản ánh đúng hơn giá trị của tài sản đặc biệt là ở doanh nghiệp có tài sản mà giá trị biến động mạnh trên thị trường.

- Cần ghi giảm giá trị còn lại của tài sản khi mà giá trị có thể thu hồi của tài sản nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản để đảm bảo nguyên tắc thận trọng. Phần giá trị bị ghi giảm được coi là tổn thất từ việc giảm giá trị tài sản. Tuy nhiên, chuẩn mực kế toán Việt Nam lại không hề đề cập đến giá trị có thể giảm sút do giá thị trường của tài sản suy giảm dẫn đến giá trị có thể thu hồi của tài sản nhỏ hơn giá trị còn lại.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ NHÀ Ở VÀ KHU ĐÔ THỊ

2.1. Tổng quan chung về Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển công ty

2.1.1.1. Khái quát chung về công ty

Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị (HUDS) hiện nay là doanh nghiệp Nhà nước hạng I trực thuộc Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD) - Bộ Xây dựng.

Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp Dịch vụ tổng hợp vui chơi giải trí được thành lập theo quyết định số 1125/QĐ-BXD ngày 5/11/1998 và chính thức đi vào hoạt động từ tháng 01/1999.

Năm 2001 Công ty được đổi tên thành Công ty Dịch vụ nhà ở và khu đô thị theo Quyết định số 1678/QĐ-BXD. Với chủ trương của Nhà nước về việc đổi mới, và sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, Công ty đã sắp xếp lại toàn bộ lao động làm cơ sở cho việc chuyển sang mô hình Công ty TNHH Nhà nước một thành viên theo Quyết định số 2258/QĐ-BXD. Ngày 6/8/2010, Công ty đã đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị (HUDS) theo quyết định số 275/HUD-HĐTV.

Qua quá trình phát triển, năm 1999 số lao động làm việc tại công ty khoảng trên 70 người thì đến nay đã tăng lên 1.130 người.

2.1.1.2. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh chính của công ty

Công ty HUDS là một công ty đa ngành nghề. Hiện nay, hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty trên các lĩnh vực sau:

- Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới, khu dân cư tập trung về đường sá, giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, chiếu

sáng công cộng; thi công các công trình xây dựng, vườn hoa, thảm cỏ; các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật; sửa chữa, cải tạo các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật;

- Cung cấp, quản lý dịch vụ nhà ở cao tầng: giữ gìn vệ sinh, trật tự, dịch vụ điện, nước, trông giữ xe đạp, xe máy, vận hành bảo trì thang máy, sửa chữa duy tu cải tạo công trình, quản lý khu công cộng trong nhà chung cư, khai thác các dịch vụ kiốt;

- Dịch vụ vệ sinh môi trường, thu gom, vận chuyển rác thải, chất thải rắn, nghiên cứu thực nghiệm công nghệ về xử lý chế biến chất thải đô thị; quản lý chăm sóc vườn hoa, thảm cỏ, công viên cây xanh, cây xanh đường phố, sản xuất và cung ứng cây giống, con giống, cây cảnh; nuôi chim thú, nuôi trồng thủy sản;

- Quản lý khai thác dịch vụ thể thao: tennis, cầu lông, bóng bàn, bida, bể bơi nước nóng, nước lạnh, thể dục thẩm mỹ, thể hình, vui chơi mặt nước và các trò chơi khác trong công viên, sân bãi, bơi thuyền, công viên nước, câu cá giải trí;

- Khai thác các dịch vụ đô thị: sân bãi đỗ xe, rửa và sửa chữa nhỏ ô tô, xe máy, trông giữ ô tô, xe máy; đại lý xăng dầu; cung cấp các dịch vụ thông tin tuyên truyền; kinh doanh dịch vụ giặt là;

- Cung cấp các dịch vụ bảo vệ trong các dự án đầu tư nhà ở và khu đô thị; vệ sinh làm sạch công nghiệp; sản xuất và kinh doanh nước sạch, kinh doanh sản xuất vật liệu xây dựng;

- Giáo dục và đào tạo mầm non, tiểu học;

- Kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp; đầu tư kinh doanh bất động sản, đầu tư và khai thác dịch vụ sinh thái;

**** Quản lý khu đô thị mới chung cư cao tầng, văn phòng cho thuê và bảo vệ dự án***

Hiện nay, công ty đang quản lý, khai thác 16 khu đô thị mới trải rộng trên địa bàn cả nước trong đó có 125 khối chung cư cao tầng và văn phòng cho thuê: Trong đó:

- **Khu vực phía Bắc:** Khu Dịch vụ tổng hợp và nhà ở Hồ Linh Đàm: 200,37ha với 23 khối nhà chung cư cao tầng từ 9 tầng đến 15 tầng; khu Bắc Linh Đàm mở rộng: 9ha với 09 khối nhà chung cư; Hoa Lư: 01 khối nhà cao tầng; khu đô thị mới Định Công: 35ha với 07 khối nhà chung cư cao tầng cao từ 9 tầng đến 11 tầng; khu đô thị mới Mỹ Đình II: 26,24ha với 11 khối nhà chung cư; khu đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc: 62,53ha với 10 khối nhà chung cư; khu đô thị mới Việt Hưng: 302ha với 47 khối nhà chung cư; khu nhà ở A2 Giảng võ: 6ha; khu đô thị mới Nam Lê Chân - Hà Nam: 42ha; khu đô thị mới Mê Linh: 22ha;

- **Khu vực miền Trung và miền Nam:** Khu 159 Điện Biên Phủ: 01 khối nhà chung cư và 01 văn phòng cho thuê; khu chung cư Thanh Bình - Biên Hoà: 2 khối nhà chung cư; khu dân cư Long Thọ - Phước An - Nhơn Trạch - Đồng Nai: 223ha; khu dân cư Phước An: 108ha; khu đô thị mới Đông Tăng Long: 159,95ha; khu đô thị mới Phú Mỹ - Quảng Ngãi: 170ha; khu đô thị mới Chánh Mỹ: 364ha.

*** Thực hiện duy trì chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường các dự án**

Hiện nay, công ty đang thực hiện trồng và duy trì hơn 50 ngàn cây bóng mát, hơn 20 ngàn cây cảnh, gần 200 ngàn m² thảm cỏ và cây trang trí tại các dự án. Đồng thời thực hiện tốt công tác duy trì vệ sinh môi trường với hơn 400 ngàn m² lòng đường, vỉa hè, đường dạo công viên, gần 56 ngàn mét tua vỉa, moi hàm ếch, gần 5.000m dải phân cách, thu gom và vận chuyển hơn chục tấn rác thải mỗi năm.

Công ty đã thực hiện rất tốt công tác duy trì cây xanh và vệ sinh môi trường tại các dự án đảm bảo mỹ quan tại các khu đô thị và không khí trong lành sạch sẽ phục vụ nhu cầu sinh sống của người dân trong khu đô thị.

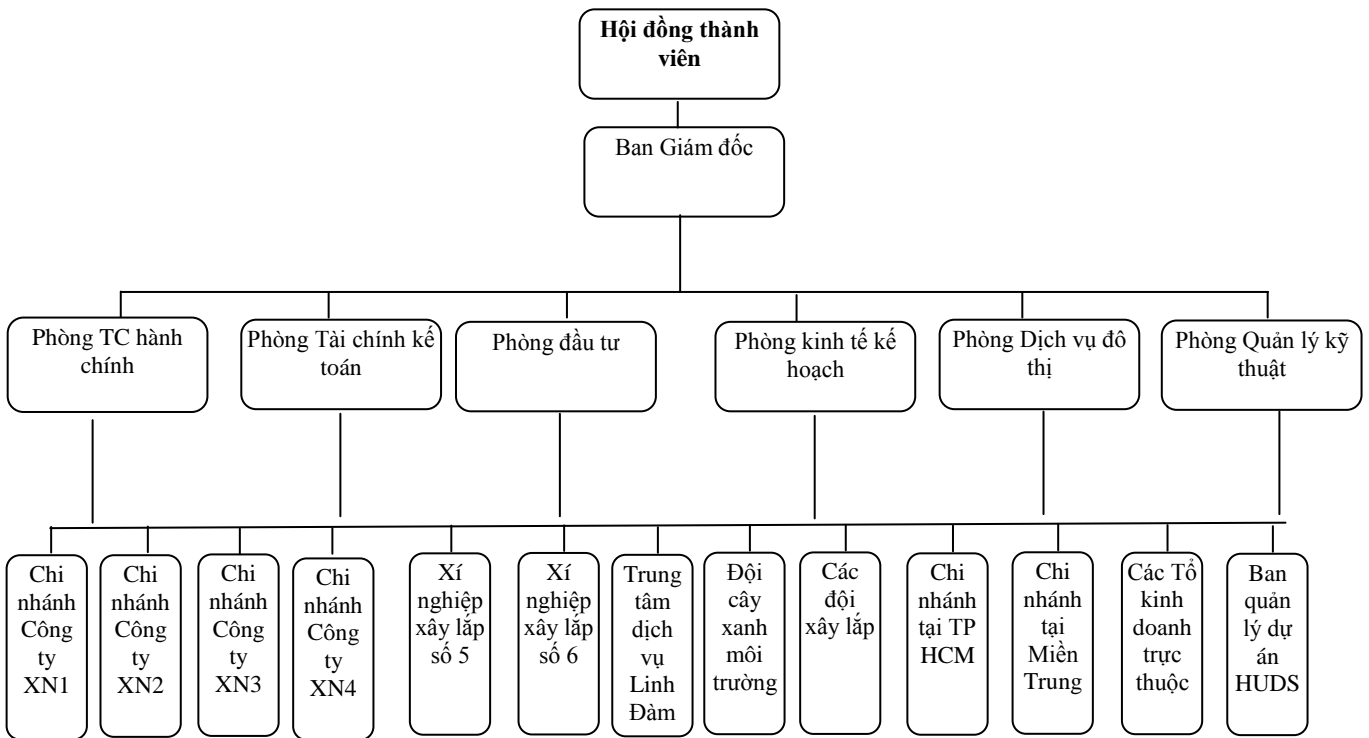
*** Quản lý dịch vụ vui chơi giải trí**

Công ty hiện đang quản lý và khai thác dịch vụ thể thao bao gồm: 12 sân tennis tiêu chuẩn, 02 bể bơi nước lạnh và 01 bể bơi bốn mùa với diện tích bình quân mỗi bể 561m² mặt nước sử dụng; 01 hồ câu; 9,5ha diện tích mặt nước hồ vừa nuôi trồng thủy sản và phục vụ các trò chơi trên mặt nước; 06 sân bãi gửi xe; 03 nhà hàng phục vụ ăn uống giải khát; 01 nhà nghỉ; 01 nhà vật lý trị liệu; một câu lạc bộ có sân cầu lông, thư viện đọc sách, sàn tập thể dục thể hình, sàn dạy khiêu vũ, phòng học vi tính, phòng dạy nhạc, 01 nhà văn hoá có phòng chiếu phim, sàn tập thể dục....

*** Xây dựng và sửa chữa các công trình xây dựng**

Bên cạnh hoạt động quản lý chung cư, bảo vệ dự án và duy trì chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường để phục vụ nhu cầu sinh sống và sinh hoạt của người dân thì công ty công thực hiện xây dựng và sửa chữa các công trình xây dựng: Thi công các công trình nhà ở dân dụng, đường hè, hệ thống cấp thoát nước, sửa chữa, duy tu các hư hỏng xuống cấp của các nhà chung cư, trạm nước...

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của Công ty HUDS

(Nguồn : Phòng Kế toán tài chính Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị)

Nhiệm vụ cơ bản của Ban lãnh đạo và các Phòng ban trong công ty:

- Hội đồng quản trị: thực hiện quản trị và bảo vệ thể chế của doanh nghiệp, hoàn thiện điều lệ của doanh nghiệp và quyết định những vấn đề chiến lược của công ty.

- Ban Giám đốc: Giám đốc thực hiện điều hành mọi hoạt động sản xuất hằng ngày của công ty để thực hiện mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh từng thời kỳ. Các Phó giám đốc là người chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các Phòng, Ban, các đơn vị trực thuộc Công ty triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công đồng thời phát hiện, đề xuất các vấn đề cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Các phó giám đốc phụ trách các lĩnh vực bao gồm: Công tác thi công xây lắp và quản lý kỹ thuật, công tác Đầu tư, công tác tài chính kinh doanh và công tác dịch vụ đô thị.

- Phòng Tổ chức hành chính: Tham mưu giúp chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty trong việc sắp xếp bộ máy, cải tiến tổ chức, quản lý lao động, thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động.

- Phòng Tài chính kế toán: Tham mưu giúp Ban Giám đốc về công tác tài chính kế toán, công tác quản lý vốn và tài sản, khai thác nguồn vốn phục vụ kịp thời nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời, hướng dẫn kiểm tra nghiệp vụ hạch toán, quản lý tài chính đối với các đơn vị trực thuộc theo chế độ kế toán hiện hành.

- Phòng kinh tế kế hoạch: Tham mưu giúp Giám đốc Công ty lập kế hoạch, xác định phương hướng, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển các dự án do Công ty quản lý

- Phòng Quản lý kỹ thuật: Tham mưu, giúp Giám đốc công ty trong công tác: Quản lý thi công xây lắp, đổ đất màu trồng cây xanh, quản lý quy trình vận hành máy, trang thiết bị thi công công trình, bảo hộ lao động, an toàn thực phẩm, bảo trì, sửa chữa các trang thiết bị ...

- Phòng Dịch vụ đô thị: Tham mưu, giúp Giám đốc công ty trong công tác quản lý chất lượng dịch vụ đô thị, quản lý chung cư, chăm sóc, duy trì cây xanh, vệ sinh môi trường, thu gom vận chuyển rác thải. Quản lý hệ thống đường sá, thoát nước, quản lý hệ thống cung cấp điện, nước, các hoạt động cho thuê kiốt nhà chung

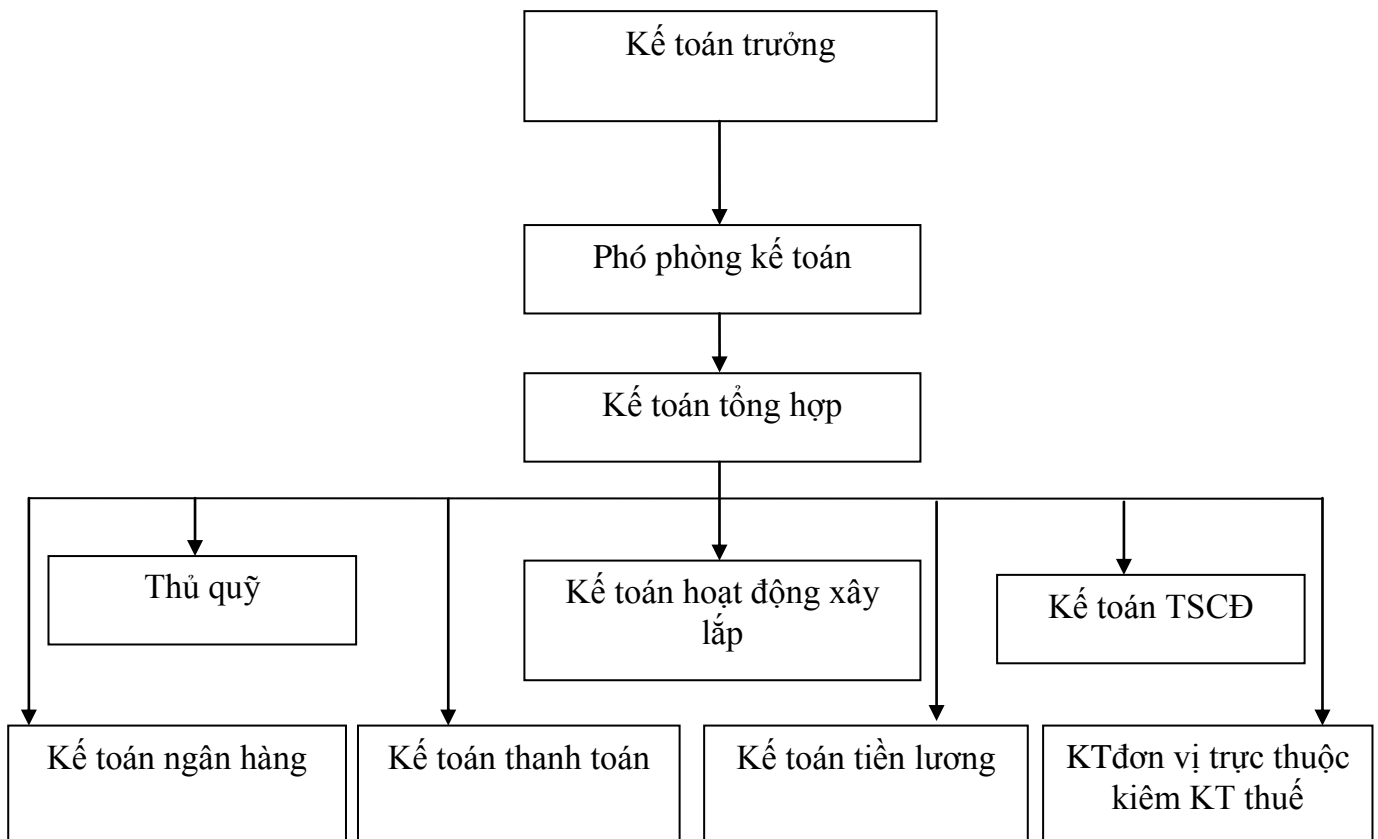
cur, quản lý trạm sản xuất nước sạch và thực hiện công tác an toàn phòng cháy chữa cháy tại các khu đô thị.

- Phòng Đầu tư: Tham mưu, giúp Giám đốc công ty trong việc tìm kiếm, khai thác lập dự án phương án đầu tư, phương án kinh doanh, kinh doanh tiếp thị các dự án phát triển nhà, khu đô thị, khu công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Phòng Kế toán tại **Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị** gồm 10 người người đứng đầu là Kế toán trưởng. Bộ máy kế toán của Công ty được phân tách thành từng phần riêng biệt do các kế toán viên thực hiện.



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán Công ty HUDS

(Nguồn : Phòng Kế toán tài chính Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị)

Bộ máy kế toán gồm 1 kế toán trưởng và 1 phó phòng kế toán và các bộ phận kế toán:

Kế toán trưởng - Đào Thị Lan

Có chức năng tổ chức, kiểm tra công tác kế toán của công ty, là người giúp việc trong lĩnh vực chuyên môn kế toán, tài chính cho phó giám đốc phụ trách tài chính. Phụ trách công tác soạn thảo các quy chế, thẩm định dự án đầu tư, phương án kinh doanh, quyết toán vốn kinh doanh của các dự án. Chịu trách nhiệm phân công, bố trí công việc cho các nhân viên kế toán, đồng thời làm việc với kế toán trưởng của các Công ty con, chi nhánh và nhà máy.

Phó phòng kế toán tài chính - Trần Hồng Hải

Phụ trách công tác kế toán hoạt động đầu tư của công ty. Xây dựng kế hoạch tài chính, kế hoạch nhu cầu vốn, thu xếp vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đầu tư của công ty. Giải quyết các công việc của phòng khi kế toán trưởng đi vắng.

Kế toán tổng hợp - Đỗ Thị Tuyết Minh

Có chức năng tổng hợp các thông tin từ các nhân viên kế toán phân hành, kiểm tra hoạt động kế toán của các xí nghiệp, các đơn vị trực thuộc để lên bảng cân đối kế toán và lập báo cáo kết quả kinh doanh. Đồng thời lập các báo cáo định kỳ, báo cáo nhanh nộp công ty và các tổ chức liên quan. Kế toán tổng hợp cùng với kế toán thuế thực hiện quyết toán thuế cuối năm nộp lên Cục thuế. Ngoài ra còn tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm cũng như xác định kết quả kinh doanh trên các phần hành khác chuyển số liệu sang

Kế toán TSCĐ - Nguyễn Minh Sơn

Phụ trách công tác kế toán TSCĐ, công cụ dụng cụ, quyết toán vốn đầu tư hình thành tài sản, chi phí sửa chữa nâng cấp phân bổ. Đồng thời theo dõi kế toán công nợ xi măng và có trách nhiệm tập hợp số liệu của phòng đưa lên máy vi tính để kiểm tra số liệu của các báo cáo kế toán và bảng tổng kết tài sản.

Kế toán tiền lương – Trần Thị Hoa

Có nhiệm vụ tính và lập bảng lương, thưởng và các chế độ chính sách cho toàn bộ cán bộ nhân viên trong công ty dựa trên các quy định của Nhà nước và doanh và theo dõi công tác kế toán Trung tâm dịch vụ Linh Đàm, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Kế toán thanh toán – Nguyễn Thị Kim Nhung

Có nhiệm vụ theo dõi thanh toán các khoản thu chi hàng ngày, theo dõi các khoản tạm ứng, theo dõi và thực hiện các bộ phận khoán kinh doanh, theo dõi công nợ các hợp đồng thuê địa điểm... Thực hiện kế toán các hoạt động thanh toán với khách hàng và các nhà cung cấp cũng như thanh toán thích hợp.

Kế toán hoạt động xây lắp - Vũ Bích

Phụ trách mảng kế toán xây lắp, kế toán thanh toán các hoạt động xây lắp, dịch vụ với chủ đầu tư, theo dõi toàn bộ các hợp đồng xây lắp, dịch vụ đô thị.

Theo dõi và hoạch toán việc nhập kho vật tư sản phẩm cũng như xuất kho tiêu thụ hoặc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh .

Kế toán ngân hàng – Phùng Khánh Ngọc

Theo dõi và thực hiện các hoạt động liên quan đến ngân hàng, lập kế hoạch vốn nhu cầu vốn tháng, quý ; làm thủ tục vay vốn cũng như theo dõi lãi vay; theo dõi tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và các hoạt động có liên quan khác.

Theo dõi, thực hiện và hạch toán các khoản giao dịch phát sinh với các Ngân Hàng . Làm hồ sơ, thủ tục vay vốn với các Ngân hàng khi Công ty có nhu cầu vay vốn hay Công ty vay vốn cho các đơn vị phụ thuộc

Thủ quỹ - Nguyễn Thu Hiền

Thủ quỹ có nhiệm vụ quản lý tiền mặt tại công ty, thực hiện các nhiệm vụ về thu, chi tiền mặt, bảo quản chứng từ trong tháng, ghi sổ quỹ và lập báo cáo theo quy định. Đồng thời Thủ quỹ là người lưu trữ công văn, tài liệu của phòng và thực hiện công tác kiểm kê định kỳ.

Kế toán các đơn vị trực thuộc kiêm kế toán Thuế – Hồ Kim Thanh

Kế toán lập các báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng được gửi lên phòng kế toán công ty của các đơn vị trực thuộc. Chịu trách nhiệm theo dõi các khoản chi phí phát sinh tại các xí nghiệp và đơn vị trực thuộc, tập hợp và gửi lên cho văn phòng của công ty. Đồng thời phụ trách mảng kế toán thuế của công ty.

Phòng tài chính kế toán sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật chung. Mỗi một kế toán viên được trang bị một máy tính, sử dụng là các máy trạm truy cập và cập nhật dữ liệu được truyền, xử lý và lưu trữ đến máy chủ.

2.1.3.2. Chính sách kế toán áp dụng

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)
- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính
- Chuẩn mực kế toán áp dụng về TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình: Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 và 04 (VAS 03 và VAS 04) và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.
- Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính – theo hình thức nhật ký chung.
- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ: TSCĐH và TSCĐVH được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐH và TSCĐVH được quản lý theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
 - + Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp đường thẳng.
 - + Công ty thực hiện khấu hao áp dụng hướng dẫn thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ
 - Báo cáo tài chính của Công ty được lập tuân theo các qui định của hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.

2.2. Thực trạng kế toán tài sản cố định tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị

2.2.1. Đặc điểm tài sản cố định và công tác quản lý tài sản cố định tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị

2.2.1.1. Đặc điểm tài sản cố định tại công ty

TSCĐ tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị hiện nay chủ yếu được đầu tư bằng nguồn vốn chủ sở hữu, một số ít tài sản được đầu tư bằng vốn đi vay của ngân hàng. TSCĐ được hình thành phần lớn thông qua mua sắm, đầu tư xây dựng cơ bản.

Công ty hoạt động đa ngành nghề nên danh mục TSCĐ của công ty rất phong phú và đa dạng như : nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, tài sản cố định khác sử dụng cho khối trường mầm non (Bộ đồ chơi liên hoàn 3 khối đa năng, mâm quay chín con giống mái tôn, bộ đồ chơi liên hoàn đa năng, tủ sấy bát đĩa...)

TSCĐ tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị được phân loại theo hình thái biểu hiện, chia thành hai loại gồm : TSCĐHH và TSCĐVH.

- Căn cứ vào đặc trưng kỹ thuật TSCĐHH của công ty chia thành:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc: Trụ sở Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị, câu lạc bộ, nhà hàng, sân tennis, bể bơi, trường mầm non...

+ Máy móc, thiết bị: ốn áp Standar 45KVA, máy phát điện, máy đo toàn đạc công trình(của ban quản lý dự án)

+ Phương tiện vận tải truyền dẫn: ô tô các loại

+ Thiết bị, dụng cụ quản lý: Máy phô tô

+ Tài sản cố định hữu hình khác: Bộ đồ chơi liên hoàn 3 khối đa năng, mâm quay chín con giống mái tôn, bộ đồ chơi liên hoàn đa năng, tủ sấy bát đĩa...

- TSCĐVH bao gồm:

+ Phần mềm kế toán: Phần mềm ERP Solomon.

+ Tài sản cố định vô hình khác : Thương hiệu về chất lượng quản lý dịch vụ khu đô thị.

Cơ cấu TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình của công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị được trình bày tại Bảng cơ cấu TSCĐ tại ngày 31/12/2015 như sau:

Bảng 2.1: Cơ cấu tài sản cố định

Đvt: VND

Loại TSCĐ	Nguyên giá	Tỷ trọng(%)
TSCĐ hữu hình	183.232.746.854	99,29
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	126.454.861.843	68.52
2. Phương tiện vận tải	15.017.315.458	8.14
3. Thiết bị, dụng cụ quản lý	39.877.376.577	21.61
4. Tài sản cố định hữu hình khác	1.883.192.976	1.02
TSCĐ vô hình	1.316.200.000	0,71
1. Phần mềm ERP	1.260.000.000	0.68
2. Tài sản cố định vô hình khác	56.200.000	0.03
Tổng tài sản	184.548.946.854	100

(Nguồn : Phòng Kế toán tài chính Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị)

2.2.1.2. Công tác quản lý tài sản cố định tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị

Trong cơ chế thị trường, thực hiện quyền tự chủ về tài chính các Doanh nghiệp đã đa dạng hóa phương thức, hình thức tổ chức quản lý kinh doanh nhằm phát huy cao độ tính độc lập, tự chủ, tính năng động sáng tạo cho từng đơn vị bộ phận, thành viên và người lao động và vẫn đảm bảo thực hiện đúng các quy định về quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước. Cùng với quá trình phân cấp hoạt động kinh doanh, việc phân cấp quản lý TSCĐ phục vụ quá trình kinh doanh trong Doanh nghiệp cũng không ngừng được hoàn thiện cả trên phương diện quản lý và phương diện kế toán nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Nghiên cứu thực trạng kế toán TSCĐ tại Công ty, công tác quản lý TSCĐ tại công ty có những đặc điểm sau:

- Phòng kế toán chịu trách nhiệm theo dõi, phản ánh tình hình hiện có và biến động của tất cả các TSCĐ của Công ty theo chỉ tiêu giá trị. Phòng tổ chức hành chính, phòng kỹ thuật hoặc bộ phận sử dụng TSCĐ có trách nhiệm theo dõi, quản lý TSCĐ về mặt hiện vật, số lượng, tình trạng kỹ thuật, khả năng hoạt động của TSCĐ và xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, định mức trong quản lý, sử dụng TSCĐ. Giữa phòng kế toán và các bộ phận này có mối quan hệ chặt chẽ trong việc đầu tư, thanh lý, nhượng bán, sửa chữa, điều chuyển TSCĐ.

- Việc quyết định thời gian sử dụng dự kiến để tính khấu hao TSCĐ thuộc về hội đồng thành viên và thẩm quyền quyết định số kỳ phân bổ chi phí sửa chữa lớn TSCĐ tính vào chi phí SXKD thuộc về kế toán trưởng và Giám đốc Công ty.

- Trách nhiệm quản lý TSCĐ tại các đơn vị được giao cho trưởng đơn vị trên cơ sở quyết định điều chuyển TSCĐ của giám đốc và biên bản giao nhận giữa công ty và đơn vị thành viên. Trên cơ sở kế hoạch SXKD của công ty và nhu cầu sử dụng TSCĐ của các đơn vị trực thuộc, phòng tổ chức hành chính phối hợp cùng phòng kỹ thuật đề nghị giám đốc phê duyệt việc điều chuyển.

- Trường hợp thanh lý, nhượng bán TSCĐ thì công ty phải tiến hành thành lập hội đồng thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Giá thanh lý, nhượng bán do giám đốc công ty phê duyệt trên cơ sở đề nghị của hội đồng thanh lý, nhượng bán.

- Đối với sửa chữa TSCĐ, đầu mỗi năm các đơn vị, bộ phận sử dụng TSCĐ trong đơn vị có trách nhiệm kiểm tra tình trạng kỹ thuật và chất lượng của TSCĐ, lập kế hoạch sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn TSCĐ. Phòng tổ chức hành chính phối hợp cùng Phòng kỹ thuật tổng hợp kế hoạch sửa chữa TSCĐ toàn đơn vị, trình giám đốc phê duyệt làm căn cứ quản lý công tác sửa chữa TSCĐ trong năm. Khi tiến hành sửa chữa trên cơ sở đề nghị của bộ phận sử dụng TSCĐ và kết quả kiểm tra của phòng kỹ thuật, giám đốc phê duyệt quyết định sửa chữa. Căn cứ vào quyết toán chi phí sửa chữa, kế toán ghi nhận toàn bộ hoặc phân bổ dần đều vào chi phí SXKD hoặc ghi tăng nguyên giá TSCĐ tùy thuộc vào từng loại sửa chữa

2.2.2. Thực trạng kế toán tài sản cố định tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị.

Khi phát sinh các nghiệp vụ tăng tài sản, kế toán sẽ căn cứ vào bốn tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ quy định trong VAS 03 và VAS 04 để xác định ghi nhận tài sản đó là TSCĐHH, TSCĐVH hay là CCDC hoặc chỉ là 1 khoản mục chi phí:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai
- Nguyên giá của tài sản được xác định một cách đáng tin cậy: TSCĐHH được mua sắm, xây dựng đều có bộ chứng từ thanh toán và hóa đơn rõ ràng, do đó việc xác định nguyên giá tài sản rất đáng tin cậy.
- Có thời gian sử dụng 1 năm trở lên.

- Có giá trị theo quy định hiện hành. Theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC, giá trị tối thiểu của TSCĐ phải từ 30.000.000 VND trở lên.

Tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị việc đánh giá lại TSCĐ theo giá thực tế hiện nay vẫn chưa được tiến hành mà chủ yếu công ty đánh giá TSCĐ theo giá trị ghi sổ do kế toán cung cấp qua các chỉ tiêu nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ.

Khi mua sắm TSCĐ, kế toán căn cứ vào hóa đơn của các khoản chi phí thực tế đã bỏ ra để có được TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng để xác định nguyên giá. Do công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên nguyên giá TSCĐ bao gồm giá ghi trên hóa đơn (không bao gồm thuế GTGT) và chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản ở Công ty được thực hiện thông qua thuê ngoài là chủ yếu và cũng có ít trường hợp được giao lại cho các đơn vị thực thuộc. Trong trường hợp này, công ty tiến hành thanh toán theo tiến độ hoàn thành công việc cho các nhà cung cấp dịch vụ. Sau khi công trình đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành, kế toán sẽ ghi nhận theo giá quyết toán của công trình.

- Việc đánh giá theo giá trị còn lại:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình = Nguyên giá TSCĐ hữu hình – Giá trị hao mòn TSCĐ hữu hình lũy kế.

Trong đó giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình là tổng giá trị hao mòn TSCĐ hữu hình đã trích lập vào chi phí SXKD của Doanh Nghiệp tính từ khi tài sản bắt đầu được sử dụng đến thời điểm đánh giá.

2.2.2.1. Kế toán chi tiết tài sản cố định tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị.

Trên cơ sở việc phân loại TSCĐ thì toàn bộ TSCĐ của công ty được theo dõi chặt chẽ cả ba chỉ tiêu: Nguyên giá, Giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Nhờ đó phản ánh được tổng số vốn đầu tư mua sắm, xây dựng TSCĐ và trình độ trang bị, hiện trạng cơ sở vật chất kỹ thuật. Tại công ty, TSCĐ được xác định đúng nguyên giá ngay khi nhận về, đây là bước khởi đầu quan trọng giúp công ty có thể hạch toán chính xác TSCĐ theo đúng giá trị của nó. Mọi TSCĐ đều được quản lý theo hồ sơ,

ghi chép sổ sách kế toán về cả số lượng và giá trị, không chỉ theo dõi trên tổng số mà còn theo dõi riêng trên từng loại theo từng tài sản, không chỉ quản lý tình hình sử dụng mà còn quản lý theo địa điểm sử dụng TSCĐ giao cho bộ phận nào sử dụng nơi đó chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng. Bằng những biện pháp này, không chỉ mang tính hình thức quản lý số lượng tài sản mà nó thực sự có ý nghĩa trong việc theo dõi, sử dụng tài sản, bảo dưỡng kịp thời theo kế hoạch hay ngoài kế hoạch. TSCĐ khi cấp phát hay điều chuyển đều có quyết định. Trong quá trình sử dụng mọi TSCĐ được tính và trích khấu hao đầy đủ đưa vào giá thành theo tỷ lệ nhà nước quy định, đồng thời xác định mức hao mòn và giá trị còn lại để có kế hoạch đầu tư, đổi mới TSCĐ. Ngoài ra, hàng năm công ty còn tiến hành kiểm kê TSCĐ vào cuối năm, vừa để kiểm tra TSCĐ về mặt hiện vật, vừa xử lý trách nhiệm vật chất đối với các trường hợp hư hỏng, mất mát một cách kịp thời, đúng chế độ quy định.

Từ bộ chứng từ gốc, kế toán căn cứ vào nội dung nghiệp vụ phát sinh để ghi vào phần mềm kế toán theo từng tài khoản tương ứng. Đồng thời sử dụng bộ chứng từ này làm căn cứ để ghi sổ/ thẻ chi tiết TSCĐ. Vì mục đích giảm bớt công việc kế toán nên Công ty đã không lập thẻ chi tiết cho tất cả các TSCĐ mà chỉ lập thẻ chi tiết TSCĐ cho những tài sản quan trọng có giá trị lớn. Sổ TSCĐ được lập chung cho tất cả TSCĐ trong công ty phục vụ quá trình hoạt động. Các nghiệp vụ tăng giảm TSCĐ phát sinh trong tháng sẽ được ghi nhận vào Bảng tổng hợp TSCĐ của tháng đó. Bảng tổng hợp TSCĐ được lập bao gồm các nội dung: tăng, giảm nguyên giá, thời điểm, thời gian, phương pháp tính khấu hao, nguyên nhân giảm TSCĐ, giá trị thu hồi.

Cuối tháng thông tin tăng giảm trên Bảng tổng hợp TSCĐ sẽ được cập nhật vào Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ để tính ra số khấu hao TSCĐ phân bổ trong tháng. Sau đó kế toán TSCĐ sẽ in từ phần mềm ra các sổ Cái tài khoản có liên quan như: Sổ cái TK 211, TK 213, TK214, TK 241,... Số liệu trên các sổ cái này được đối chiếu với số liệu trên Bảng tổng hợp TSCĐ, sổ TSCĐ, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, các báo cáo có liên quan khác. Nếu số liệu đã trùng khớp thì

được dùng để lên Bảng cân đối số phát sinh chung cho tất cả các nghiệp vụ phát sinh trong tháng của Công ty.

2.2.2.2. Kế toán tổng hợp tài sản cố định tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị.

a. Chứng từ kế toán sử dụng

Qua khảo sát tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị sử dụng các chứng từ kế toán đúng theo quy định của thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính ban hành.

- Hoạt động tăng, giảm TSCĐ thì công ty sử dụng chứng từ như: Hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận TSCĐ, Biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng TSCĐ, Quyết định thanh lý TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ, Hóa đơn GTGT đối với TSCĐ thanh lý.

- Trong quá trình sử dụng TSCĐ thì kế toán sử dụng các thẻ TSCĐ, bảng khấu hao có thể quản lý tài sản một cách có hiệu quả.

- Trường hợp tài sản có thể được nâng cấp, sửa chữa lớn hoặc thanh lý, nhượng bán, lúc này kế toán sẽ sử dụng các chứng từ như: Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, biên bản đánh giá lại TSCĐ và các bộ phận chứng từ TSCĐ, giấy đề nghị thanh lý ở các bộ phận.

- Cuối năm tài chính thì kế toán sẽ sử dụng các Biên bản kiểm kê tài sản để tổng hợp và ghi nhận tình hình hiện trạng của các tài sản tại thời điểm kiểm kê.

b. Vận dụng tài khoản

** Tài khoản sử dụng:*

Để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến TSCĐ, kế toán sử dụng 3 tài khoản chính gồm TK 211, TK 213, TK 214 và một số tài khoản khác. Việc chi tiết TK căn cứ vào phương pháp phân loại TSCĐ trong đơn vị. Nhìn chung tại công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị, TK 211, 213, 214 được mở chi tiết như sau:

+ TK 211 – TSCĐ hữu hình

TK 2111 – Nhà cửa, vật kiến trúc

TK 211101 – Nhà cửa

TK 211102 – Vật kiến trúc

TK2112 – Máy móc thiết bị

TK 211201 – Máy móc

TK 211202 – Máy móc, thiết bị sản xuất

TK 211203 – Thiết bị chung

TK 2113 – Phương tiện vận tải, truyền dẫn

TK 211301 – Phương tiện vận tải

TK 2114 – Thiết bị dụng cụ quản lý

TK 211401 – Nội thất, đồ đạc, thiết bị văn phòng

TK 2118 – TSCĐ khác

TK 211801 – Tài sản khác

+ TK 213 - TSCĐ vô hình

TK 2135 – Phần mềm máy tính

TK 2138 – TSCĐ vô hình khác

+ TK 214 : Hao mòn TSCĐ

TK 2141 – Hao mòn TSCĐ hữu hình

TK 214101 – Hao mòn TSCĐ nhà cửa

TK 214102 - Hao mòn TSCĐ vật kiến trúc

TK 214103 - Hao mòn TSCĐ máy móc

TK 214104 - Hao mòn TSCĐ máy móc và thiết bị phục vụ sản xuất

TK 214105 - Hao mòn TSCĐ thiết bị chung

TK 214106 - Hao mòn TSCĐ phương tiện vận tải

TK 214107 - Hao mòn TSCĐ nội thất, đồ đạc, thiết bị văn phòng

TK 214108 - Hao mòn TSCĐ khác

TK 2143 – Hao mòn TSCĐ vô hình

+TK 241: Xây dựng cơ bản dở dang

TK 2411 – Mua sắm TSCĐ

TK 2412 – Xây dựng cơ bản

TK 2413 – Sửa chữa lớn TSCĐ

Và các tài khoản có liên quan bao gồm các TK tiền, TK nợ phải trả, TK chi phí...

** Trình tự lập, luân chuyển chứng từ và ghi nhận nghiệp vụ liên quan đến TSCĐ hữu hình:*

Khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến TSCĐ chủ yếu như tăng, giảm, khấu hao, sửa chữa TSCĐ, kế toán sẽ thu thập các chứng từ gốc mà công ty yêu cầu đối với từng loại nghiệp vụ, sau khi kiểm tra tính hợp pháp và đầy đủ kế toán sẽ tiến hành ghi nhận nội dung nghiệp vụ vào phần mềm kế toán.

*** Nghiệp vụ tăng TSCĐ:**

Nghiệp vụ tăng TSCĐ tại công ty và đơn vị trong công ty phát sinh chủ yếu là các nghiệp vụ liên quan đến đầu tư mua sắm từ XDCB, trong đó bao gồm cả việc mua trong nước và nhập khẩu.

Kế toán TSCĐ lập bộ chứng từ gốc, ghi Nợ TK 211 và ghi Có cho các TK đối ứng vào phần mềm kế toán.

+ TSCĐ tăng do mua sắm

Khi các đơn vị trong công ty có nhu cầu mua sắm, đầu tư trang thiết bị máy móc mới phục vụ cho nhu cầu quản lý và sản xuất kinh doanh làm tờ trình lên Giám đốc. Sau khi có sự đồng ý, công ty tiến hành lập hội đồng định giá mua TSCĐ mới đối với TSCĐ có giá trị lớn, sau khi xem các đơn chào hàng, hội đồng lập các báo cáo giá để trình Giám đốc duyệt còn đối với TSCĐ dùng cho mục đích quản lý văn phòng thì chỉ cần Giám đốc duyệt và thông qua duyệt giá.

Trên cơ sở chứng từ liên quan gồm hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT, biên bản bàn giao tài sản, biên bản thanh lý hợp đồng mua bán, các chứng từ chi phí liên quan đến vận chuyển chạy thử TSCĐ, biên bản kiểm tra kỹ thuật...kế toán tiến hành mở thẻ TSCĐ, ghi sổ TSCĐ và bàn giao cho đơn vị quản lý. Đồng thời phản

ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung, từ đó phản ánh vào sổ cái TK 211 – TSCĐ hữu hình hoặc TK 213 – TSCĐ vô hình.

Ví dụ 1: Ngày 16 tháng 01 năm 2015, căn cứ vào Quyết định số 18/QĐ-HUĐS (**Phụ lục số 07**) Giám Đốc công ty đã phê duyệt yêu cầu mua 01 xe ô tô 07 chỗ Toyota Fortuner 2.7V 4x2 làm phương tiện vận tải với giá mua là 950.000.000 VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT 10%) , tài sản này được đầu tư bằng nguồn vốn chủ sở hữu, trả ngay bằng tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào hợp đồng mua bán số 0053/2015/HĐMB – **Phụ lục số 08**), hóa đơn GTGT số 2064 ngày 25/1/2015 (**Phụ lục số 09**), biên bản bàn giao tài sản (**Phụ lục số 10**) kế toán ghi nhận: Ghi tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình 863.636.364 VNĐ, ghi tăng thuế giá trị gia tăng được khấu trừ 86.363.636 VNĐ và ghi giảm tiền gửi ngân hàng là 950.000.000 VNĐ (**Phụ lục số 11: Sổ cái TK 211**). Đồng thời, hệ thống phần mềm sẽ tự động vào sổ TSCĐ hữu hình và Bảng tổng hợp TSCĐ hữu hình (**Phụ lục số 12,13**)

Ví dụ 2: Tháng 05/2015, Giám đốc công ty đã duyệt yêu nhập khẩu 01 máy phát điện phục vụ sản xuất kinh doanh với giá hàng nhập khẩu là 6.500 USD, tỷ giá giao dịch thực tế (TGTT) 22.150 VNĐ/USD, thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng ngoại tệ Vietcombank, thuế nhập khẩu 5%, thuế GTGT hàng nhập khẩu 10%, tài sản này được đầu tư bằng nguồn vốn chủ sở hữu, thuế đã nộp bằng tiền gửi ngân hàng VNĐ Vietcombank.

Căn cứ vào bộ chứng từ tờ khai nhập khẩu, kế toán TSCĐ lập chứng từ kế toán, sau đó nhập vào phần mềm kế toán, bút toán ghi sổ như sau:

+ Ghi tăng TSCĐ hữu hình 143.975.000 VNĐ và giảm tiền gửi ngân hàng ngoại tệ Vietcombank 143.975.000 VNĐ (theo tỷ giá thực tế 22.150 VNĐ/USD).

+ Đối với thuế nhập khẩu ghi tăng TSCĐ hữu hình 7.198.750 VNĐ và tăng thuế nhập khẩu phải nộp Nhà nước 7.198.750 VNĐ.

+ Căn cứ vào Thông báo nộp thuế, Biên lai nộp thuế do Hải quan cung cấp ghi tăng thuế GTGT được khấu trừ 15.117.375 VNĐ, ghi tăng thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp 15.117.375 VNĐ.

+ Đồng thời căn cứ vào Giấy báo nợ ngân hàng Vietcombank, ghi giảm tài khoản tiền gửi VNĐ, ghi giảm số thuế nhập khẩu phải nộp 7.198.750 VNĐ, ghi giảm số thuế GTGT hàng nhập khẩu 15.117.375 VNĐ.

Từ bút toán ghi sổ này, hệ thống phần mềm kế toán tự động vào sổ tài sản cố định và bảng tổng hợp TSCĐHH (*Phụ lục số 11,12,13*)

+ TSCĐ nhận điều chuyển từ Tổng công ty HUD:

Nguyên giá TSCĐ được cấp, được điều chuyển đến từ Tổng công ty là giá trị còn lại trên sổ kế toán của TSCĐ của Tổng công ty điều chuyển cộng các chi phí mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí nâng cấp, lắp đặt chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có)...

Ví dụ: Tháng 3/2015, công ty nhận điều chuyển một ô tô TOYOTA - Camry (không phải trả tiền) từ Tổng công ty HUD nguyên giá 820.000.000 VNĐ, hao mòn lũy kế 294.865.702 VNĐ, giá trị còn lại 525.134.298 VNĐ. (*Phụ lục số 14B –Biên bản bàn giao TSCĐ; Phụ lục 14A*) kế toán ghi tăng nguyên giá ô tô 820.000.000 VNĐ, ghi tăng hao mòn lũy kế 294.865.702 VNĐ, phần giá trị còn lại của TSCĐ 525.134.298 VNĐ ghi nhận tăng góp chủ sở hữu.

+ TSCĐ dùng cho hoạt động phúc lợi:

Ngoài các phương thức hình thành TSCĐ trên, Công ty và các đơn vị thành viên còn có một bộ phận các TSCĐ là các tài sản phúc lợi đầu tư phục vụ cho cán bộ công nhân viên. Trong những năm qua ngoài việc sản xuất và kinh doanh có hiệu quả, Công ty và các đơn vị thành viên còn khá quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên. Nhằm tạo điều kiện sinh hoạt, vui chơi lành mạnh, tạo sự gắn bó lâu dài giữa Công ty và nhân viên, Công ty đã cho xây dựng công trình Nhà văn hóa gồm: phòng đọc báo, truy cập mạng internet, sân cầu lông, sân tennis, khu tập thể dục Arobic, bóng bàn, sân vận động... Công ty giao thầu cho các đơn vị xây dựng theo giá thỏa thuận và cũng tiến hành ký kết hợp đồng sản xuất và tiến hành thanh toán nhiều lần cho nhà cung cấp. Tương ứng với lần thanh toán thứ nhất (mang tính chất là khoản tạm ứng), các lần thanh toán lần 2, lần 3...(theo

hạng mục tiến độ công trình) cũng được ghi nhận luôn vào tài khoản đầu tư xây dựng cơ bản. Các khoản thanh toán lần 1,2,3...đồng thời được kết chuyển vào nguyên giá vào lần thanh toán cuối cùng khi quyết toán công trình. Nguồn quỹ để xây dựng TSCĐ phúc lợi được Công ty trích trực tiếp từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty có trích lập nguồn quỹ phúc lợi, nguồn quỹ TSCĐ hình thành do quỹ phúc lợi.

Tháng 8 năm 2015, Công ty xây dựng công trình Nhà văn hóa cho nhân viên Công ty. Toàn bộ chi phí xây dựng Nhà văn hóa được tiến hành giao thầu cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà HUD2 với giá quyết toán công trình được phê duyệt là 1.256.750.000 VND. Trên hợp đồng xây công trình Nhà văn hóa cho nhân viên, Công ty cũng tiến hành thanh toán thành nhiều lần với các tỷ lệ là 30%, 30%, và 40% hạch toán vào TK 2412 (**Phụ lục số 15C**). Ở lần thanh toán thứ 3 vào tháng 10, dựa vào hợp đồng giao thầu, hóa đơn giá trị gia tăng (**Phụ lục số 15A**), biên bản nghiệm thu (**Phụ lục số 15B**), kế toán phản ánh tăng tài sản mới và kết chuyển giá trị đầu tư xây dựng dở dang (TK 2412) sang TK 211102. Nguyên giá của công trình Nhà văn hóa được ghi tăng trên TSCĐ phúc lợi 1.382.425.000 VND (bao gồm cả thuế GTGT 10%) . Sổ cái tài khoản 211 được trình bày ở (**Phụ lục số 15D**).

+ Kế toán chi phí nâng cấp phần mềm ERP

TSCĐ vô hình trong Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị là phần mềm ERP và chiếm tỷ trọng 0.68% trong tổng giá trị TSCĐ (theo số liệu phân tích ở **Bảng 2.1**), còn các loại TSCĐ vô hình khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ 0,03%.

Tháng 08/2015 công ty nâng cấp phần mềm kế toán ERP cho giai đoạn sau triển khai giá trị nâng cấp là 65.000.000 VND, thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT đầu vào số 000232 (**Phụ lục số 16**) của Công ty TNHH Miền Đất công nghệ số, quyết định phê duyệt của Giám Đốc về việc nâng cấp phần mềm kế toán, hợp đồng nâng cấp phần mềm, biên bản thanh lý hợp đồng. Kế toán Công ty ghi tăng chi phí trả trước 59.090.909 VND, ghi tăng thuế GTGT được khấu trừ 5.909.091 VND và ghi giảm tiền gửi ngân hàng 65.000.000 VND.

Đồng thời kết chuyển ghi tăng chi phí quản lý doanh nghiệp và ghi giảm chi phí trả trước 59.090.909 VND.

*** Nghiệp vụ giảm TSCĐ**

Các nghiệp vụ giảm TSCĐHH phát sinh tại công ty chủ yếu là thanh lý, nhượng bán tài sản.

Bộ phận quản lý tài sản sẽ đệ trình lên Giám đốc yêu cầu thanh lý nhượng bán tài sản tùy theo nhu cầu thực tế của bộ phận này hoặc dựa vào thông báo tài sản hết khấu hao của Phòng kế toán. Khi Giám đốc phê duyệt, thì bộ phận này sẽ lập kế hoạch chào bán. Chứng từ cho những nghiệp vụ này thường gồm: Hóa đơn xuất bán, biên bản thanh lý TSCĐHH, biên bản bàn giao tài sản, hợp đồng kinh tế...

Kế toán TSCĐ sẽ tiến hành ghi giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế của TSCĐ, các khoản thu, chi cho nhượng bán, thanh lý ghi nhận vào thu nhập khác và chi phí khác trong kỳ.

Ví dụ 1: Ngày 11/12/2014 căn cứ vào tờ trình số 11/TTr-XN1 của Chi nhánh Công ty – Xí nghiệp 1 (**Phụ lục số 17, 17A, 17B, 17C, 17D**) thanh lý 1 xe ô tô MAZDA 29T- 5669 nguyên giá 337.165.500 VND đưa vào sử dụng từ năm 2003, đã khấu hao hết. Sau khi bán đấu giá, công ty đã thanh lý cho cán bộ công nhân viên ông Nguyễn Văn Xuân giá 176.000.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT 10%) hóa đơn GTGT (**Phụ lục số 18**), và nhận được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng.

Kế toán căn cứ vào biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ (**Phụ lục số 19**) ghi giảm nguyên giá TSCĐ 337.165.500 VND, ghi giảm hao mòn TSCĐ 337.165.500 VND. Đồng thời căn cứ vào hóa đơn GTGT (**Phụ lục số 18**) kế toán ghi tăng thu nhập từ thanh lý nhượng bán như sau: Ghi tiền gửi ngân hàng 176.000.000 VND, tăng thu nhập từ thanh lý nhượng bán vào thu nhập khác 160.000.000 VND, tăng thuế giá trị gia tăng phải nộp nhà nước 16.000.000 VND.

Căn cứ vào các chứng từ trên kế toán tiến hành hủy thẻ TSCĐ của tài sản này ghi giảm TSCĐ tương ứng (**Sổ cái tài khoản 211- Phụ lục số 20**) và một số sổ thẻ liên quan khác.

Ví dụ 2: Ngày 16/12/2014 căn cứ vào tờ trình số 128/TTr – XN4 (**Phụ lục số 21, 17A, 17B, 17C, 17D**) về việc thanh lý xe ô tô TOYOTA –INNOVA 29Y- 4427 có nguyên giá 370.133.238VND, đã khấu hao hết. Sau khi được Giám đốc ký duyệt, Công ty lựa chọn người mua với giá 220.000.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT 10%), Công ty đã xuất bán hóa đơn bán cho Công ty TNHH Thương mại Petrol City, và nhận được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng.

Kế toán căn cứ vào biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ (**Phụ lục số 19**) ghi giảm nguyên giá TSCĐ 370.133.238VND, ghi giảm hao mòn TSCĐ 370.133.238 VND. Đồng thời căn cứ vào hóa đơn GTGT (**Phụ lục số 21**) kế toán ghi tăng thu nhập từ thanh lý nhượng bán như sau: Ghi tiền gửi ngân hàng 220.000.000, tăng thu nhập từ thanh lý nhượng bán vào thu nhập khác 200.000.000 VND, tăng thuế giá trị gia tăng phải nộp nhà nước 20.000.000 VND.

Căn cứ vào các chứng từ trên kế toán tiến hành hủy thẻ TSCĐ của tài sản này, đồng thời ghi giảm TSCĐ tương ứng trên Sổ chi tiết TK 2113 (**Phụ lục số 20**) và một số sổ thẻ liên quan khác.

Ví dụ 3: Ngày 13/01/2015 căn cứ vào Danh mục TSCĐ chuyển thành CCDC (**Phụ lục số 22**), một số TSCĐ không đáp ứng được tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ (theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013) cần phải chuyển thành CCDC, kế toán ghi tăng chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng 318.611.406 VND, ghi giảm hao mòn lũy kế 383.434.958VND, ghi giảm nguyên giá TSCĐ 702.046.364VND

Ví dụ 4: Ngày 13/01/2015 căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 125/2015 (**Phụ lục số 23**) công ty ngừng sử dụng ki ốt số 05 tại Tầng I nhà chung cư CT4A - Khu đô thị Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội; diện tích 56m² để cho thuê hoạt động nguyên giá 1.140.000.000 VND, hao mòn lũy kế 456.000.000 VND với giá cho thuê chưa thuế 135.000.000 VND/năm (thuế GTGT 10%), kế toán chỉ ghi nhận bút toán doanh thu từ việc cho thuê ghi tăng phải thu khách hàng 148.500.000 VND, đồng thời ghi tăng doanh thu cung cấp dịch vụ 135.000.000 VND và thuế GTGT phải nộp nhà nước 13.500.000 VND.

Nghiệp vụ giảm TSCĐHH do đem đi đầu tư: Công ty đầu tư vào các đơn vị thành viên chủ yếu bằng tiền mặt, không góp TSCĐHH đem đi đầu tư.

*** Nghiệp vụ khấu hao TSCĐ:**

Trong quá trình tham gia vào hoạt động SXKD, TSCĐ bị giảm dần về mặt giá trị và giá trị sử dụng, để thu hồi giá trị TSCĐ bị hao mòn với mục đích tái đầu tư TSCĐ, công ty tiến hành trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD. Hiện tại, công ty tính và trích khấu hao TSCĐ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013. Kết quả khảo sát thực tế cho thấy tình hình tính và hạch toán khấu hao TSCĐ tại Công ty có những đặc điểm nổi bật sau:

- Công ty quy định thời gian khấu hao cho các TSCĐ như sau:

Bảng 2.2. Thời gian khấu hao TSCĐ tại Công ty

Loại TSCĐ	Thời gian khấu hao (Năm)
A. Tài sản cố định hữu hình	
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	5- 50
2. Máy móc thiết bị	6 - 7
3. Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 7
4. Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
B. Tài sản cố định vô hình	
1. Phần mềm máy vi tính	3
2. TSCĐ vô hình khác	3

(Nguồn : Phòng Kế toán tài chính Công ty TNHH một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị)

- Công thức tính khấu hao TSCĐ được áp dụng tại Công ty và các doanh nghiệp trong Công ty là:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của tài sản cố định} = \frac{\text{Nguyên giá của tài sản cố định}}{\text{Thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao trung bình hàng} \\ \text{tháng của tài sản cố định} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao trung bình hàng năm} \\ \text{của TSCĐ} \end{array}}{12}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số khấu hao} \\ \text{phải trích trong} \\ \text{tháng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số khấu hao} \\ \text{đã trích tháng} \\ \text{trước} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số khấu hao} \\ \text{phải trích} \\ \text{tăng trong} \\ \text{tháng} \end{array} \quad \begin{array}{l} \text{Số khấu hao giảm} \\ \text{trong tháng} \end{array}$$

- Khấu hao TSCĐ sử dụng cho hoạt động sản xuất được hạch toán vào TK Chi phí sản xuất chung – TK 627, khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động quản lý, điều hành công ty được hạch toán vào TK chi phí quản lý doanh nghiệp TK 642.

- Cuối tháng, kế toán lập, sau khi kế toán trưởng kiểm tra, sẽ là căn cứ để kế toán phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh cho từng bộ phận sử dụng TSCĐHH. Vậy chứng từ cần duy nhất cho nghiệp vụ này là bảng tính và trích khấu hao TSCĐHH trong tháng.

Từ Bảng tính và trích khấu hao TSCĐHH tháng 12/2015 của Công ty (**Phụ lục số 24**), kế toán TSCĐHH đã ghi nhận vào trong phần mềm kế toán: tăng chi phí sản xuất chung: 7.724.365.660 VNĐ; tăng chi phí quản lý: 708.066.299 VNĐ và ghi tăng hao mòn lũy kế : 8.432.431.959 VNĐ (**Phụ lục số 25: Sổ chi tiết TK 2141**).

Từ Bảng tính và trích khấu hao TSCĐVH tháng 12/2015 của Công ty (**Phụ lục số 24**), kế toán TSCĐVH đã ghi nhận vào trong phần mềm kế toán: tăng chi phí quản lý: **36.561.111VNĐ** và ghi tăng hao mòn lũy kế: **36.561.111VNĐ** (**Phụ lục số 26: Sổ chi tiết TK 2143**).

- Đối với những tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng hoặc đang chờ thanh lý nhượng bán thì kế toán theo dõi trên 1 bảng riêng đó là bảng Tổng hợp TSCĐHH hết khấu hao vẫn đang được sử dụng. (**Phụ lục số 27: Danh mục TSCĐ hữu hình đã khấu hao vẫn đang sử dụng, chờ thanh lý của Công ty**).

- Ngoài ra qua khảo sát thực trạng căn cứ vào “Bảng TSCĐ đã hư hỏng” **Phụ lục số 28**, đối với TSCĐ chưa khấu hao hết, nhưng đã hư hỏng chờ thanh lý, kế toán công ty vẫn tiến hành khấu hao bình thường ghi nhận tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, ghi tăng hao mòn lũy kế.

Hao mòn TSCĐ phúc lợi:

Các TSCĐ phúc lợi hình thành từ lợi nhuận sau thuế của công ty. Việc sử dụng các TSCĐ phúc lợi trong các kỳ kế toán thực chất là việc tiêu dùng lợi nhuận sau thuế của Doanh nghiệp. Doanh nghiệp không được phép trích khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các tài sản phúc lợi hình thành từ quỹ phúc lợi Doanh nghiệp. Và các tài sản phúc lợi không được trích khấu hao mà chỉ được ghi nhận giá trị hao mòn vào nguồn quỹ phúc lợi. Kế toán căn cứ vào Bảng tính khấu hao TSCĐ phúc lợi ghi nhận tăng hao mòn TSCĐ phúc lợi đồng thời ghi giảm quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ.

**** Nghiệp vụ sửa chữa TSCĐ hữu hình:***

TSCĐ là tư liệu lao động có giá trị lớn, thời gian sử dụng lâu dài. Vì vậy, để TSCĐ có đầy đủ khả năng hoạt động bình thường, đảm bảo đúng các thông số kỹ thuật, đảm bảo năng suất hoặc tăng năng suất trong quá trình sử dụng TSCĐ, ngoài việc bảo quản, duy trì tốt, công ty còn tiến hành sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn TSCĐ.

Tại Công ty và các đơn vị thành viên, sửa chữa TSCĐ được thực hiện theo hai phương thức: sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn TSCĐ. Qua khảo sát thực tế tại Công ty, sửa chữa TSCĐ có những đặc điểm sau:

- Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ là việc bảo dưỡng, thay thế các bộ phận của TSCĐ. Khi phát sinh các hỏng hóc cần sửa chữa thì căn cứ vào tình trạng hỏng để quyết định phương thức sửa chữa. Đối với những hư hỏng có thể khắc phục ngay thì trên cơ sở báo cáo tình trạng TSCĐ, tờ trình xin sửa chữa TSCĐ, quản lý phê

duyet quy mô và hình thức sửa chữa.TSCĐ hỏng ở bộ phận nào thì tiến hành sửa chữa và tập hợp chi phí vào bộ phận đó cụ thể. Nếu TSCĐ của bộ phận quản lý thì chi phí sửa chữa được hạch toán vào TK 642, nếu TSCĐ sử dụng cho quản lý phân xưởng, thì chi phí sửa chữa được ghi nhận vào TK chi phí sản xuất chung TK 627.

- Đối với sửa chữa lớn TSCĐ là việc thay thế sửa chữa đại bộ phận hoặc bộ phận lớn TSCĐ.Công ty không tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn.Toàn bộ chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong kỳ được tập hợp vào TK 241 (2413) chi tiết cho từng công tác sửa chữa. Khi TSCĐ bị hư hỏng phải sửa chữa lớn, bộ phận sử dụng TSCĐ trình quản lý phê duyệt, việc sửa chữa chủ yếu được thực hiện theo phương thức thuê ngoài, trên cơ sở hợp đồng kinh tế và hóa đơn GTGT kế toán ghi nhận toàn bộ hoặc phân bổ dần vào chi phí SXKD. Khi hoàn thành sửa chữa lớn, kế toán căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành bàn giao để ghi sổ.

c. Trình bày thông tin về TSCĐ trên báo cáo tài chính

Công ty và các đơn vị trong Công ty trình bày các thông tin TSCĐ trên Báo cáo tài chính là Bảng cân đối kế toán, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính theo đúng yêu cầu và hướng dẫn của chế độ kế toán Doanh nghiệp (Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014).

Trên bảng cân đối kế toán trình bày 3 chỉ tiêu về TSCĐ là tổng nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và tổng giá trị còn lại. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp trình bày chỉ tiêu để mua sắm, xây dựng TSCĐ, tiền thu từ thanh lý nhượng bán tài sản. Thuyết minh báo cáo tài chính thì ở mục 5 sẽ trình bày chi tiết 3 chỉ tiêu nguyên giá, khấu hao, giá trị còn lại ở các mục: số dư đầu năm, giảm trong năm và số dư cuối năm của từng nhóm loại TSCĐ.

Để có được số liệu trình bày theo các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, kế toán sẽ lấy nguồn liệu từ các sổ cái TK 211, 111, 112, 811, 711...và các số chi tiết, bảng tổng hợp TSCĐ hữu hình.

2.3. Nhận xét và đánh giá về tài sản cố định tại của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị

2.3.1. Những kết quả đạt được

- Về công tác quản lý TSCĐHH:

Công tác quản lý TSCĐHH tại Công ty và các Doanh nghiệp trong Công ty hiện đang được thực hiện hiệu quả cả về mặt hiện vật và giá trị. Mỗi TSCĐHH đều được đánh số hiệu và lập thành 02 bộ hồ sơ. Một bộ hồ sơ do phòng kế toán giữ để theo dõi TSCĐHH về mặt giá trị theo cả 3 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Một bộ hồ sơ do bộ phận trực tiếp sử dụng tài sản hoặc bộ phận kỹ thuật giữ để theo dõi tài sản về mặt hiện vật, số lượng, khả năng hoạt động, thông số kỹ thuật... Cuối năm Công ty và các Doanh nghiệp trong Công ty thành lập các tổ kiểm kê TSCĐ bao gồm các thành phần ban giám đốc, phòng kế toán, phòng kỹ thuật, phòng quản lý thiết bị... Phòng kế toán lập báo cáo tình hình tăng giảm TSCĐ, bảng kê máy móc thiết bị, báo cáo kiểm kê TSCĐ theo nguồn vốn (**Phụ lục 29, 30, 31, 32, 33, 34**)

Khi phát sinh nghiệp vụ về tăng, giảm, sửa chữa TSCĐHH thì phòng kỹ thuật sẽ thực hiện, đồng thời tập hợp các chứng từ gốc gửi về phòng kế toán ghi nhận giá trị. Đến cuối năm tài chính, Giám đốc lập hội đồng kiểm kê, đánh giá tình hình thực tế TSCĐHH, gồm ban Giám đốc, kế toán trưởng, kế toán TSCĐHH, kỹ thuật viên. Hoạt động này giúp nhà quản trị có những thông tin chính xác về hiện vật và giá trị TSCĐHH, từ đó có kế hoạch đầu tư, sửa chữa, hay thanh lý nhượng bán tài sản và giúp sớm phát hiện tình trạng thừa thiếu tài sản nếu có.

Với các trường hợp bàn giao TSCĐHH cho đơn vị phụ thuộc, luân chuyển tài sản, cho mượn... tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, có lập Biên bản bàn giao tài sản. Trên biên bản bàn giao tài sản tại bộ phận, thể hiện chi tiết các thông tin về tài sản như mã tài sản, tên tài sản, ký hiệu nhận biết, nguyên giá tài sản, thời gian trích khấu hao, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại, mục đích chuyển giao (cho mượn, chuyển sử dụng, giữ hộ...).

- *Về phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh:* Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến TSCĐ hữu hình đều được Công ty và các Doanh nghiệp trong Công ty phản ánh chính xác vào các tài khoản tương ứng theo đúng quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Một phần do nội dung kinh tế của các nghiệp vụ đa số là không phức tạp, một phần là vì chất lượng đội ngũ kế toán tại Công ty và các Doanh nghiệp trong Công ty đều có trình độ chuyên môn khá tốt, phân công, công việc khá rõ ràng và có thể kiểm tra lẫn nhau nên chất lượng kế toán các nghiệp vụ luôn được đảm bảo.

- *Về tài khoản sử dụng:* Các Doanh nghiệp trong Công ty bên cạnh việc đảm bảo nguyên tắc hạch toán trên TK 211, 214, 241... thì trong thực tế để phục vụ cho kế toán TSCĐ hữu hình được chính xác rõ ràng, Doanh nghiệp đã chủ động xây dựng thêm hệ thống tài khoản chi tiết đến cấp 2,3.

- *Về việc áp dụng hình thức kế toán* của Công ty tương đối hợp lý với quy mô hoạt động, đặc điểm tổ chức quản lý, nhu cầu thông tin của Công ty. Công ty đã vận dụng linh hoạt các mẫu sổ kế toán trong điều kiện kế toán máy. Việc mở và ghi đầy đủ số liệu về TSCĐ trên thẻ TSCĐ, sổ TSCĐ và sổ theo dõi TSCĐ tại đơn vị sử dụng đã góp phần cung cấp thông tin về quá trình quản lý và sử dụng của từng TSCĐ, từng loại TSCĐ, bao gồm nguyên giá, tình hình trích khấu hao, số khấu hao lũy kế... đồng thời tăng cường thực hiện trách nhiệm vật chất đối với các cá nhân, bộ phận liên quan trong việc quản lý và sử dụng TSCĐ của Công ty.

2.3.2. Những tồn tại, nguyên nhân

* **Về nhận diện TSCĐ:** Khi chuyển TSCĐ từ chủ sở hữu sử dụng là ki ốt số 05 tại Tầng I nhà chung cư CT4A - Khu đô thị Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội thành bất động sản đầu tư (BĐSDT) kế toán mới chỉ ghi nhận doanh thu mà không phản ánh nghiệp vụ chuyển đổi tài sản và kết chuyển hao mòn liên quan. Ngoài ra tài khoản ghi nhận doanh thu tại công ty cũng chưa chính xác khi ghi nhận vào doanh thu cung cấp dịch vụ. Trong trường hợp này bản chất là doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư. Đồng thời việc nhận diện đúng tài sản là TSCĐ hay BĐSĐT còn ảnh hưởng đến việc tính và trích khấu hao tài sản.

***Về xác định thời điểm ghi nhận kế toán TSCĐ:**

Qua khảo sát thực tế về thời điểm ghi nhận TSCĐ tại Công ty, tác giả thấy có bất cập trong việc kế toán ghi tăng TSCĐ dựa vào chứng từ thanh toán qua ngân hàng (tức là thời điểm thực thu – thực chi) mà không căn cứ vào thời điểm phát sinh khi nhận TSCĐ về và đã đưa vào sử dụng. Điều này vi phạm nguyên tắc cơ sở dồn tích trong kế toán tài chính.

*** Về chứng từ sử dụng:** Qua khảo sát một số đơn vị trực thuộc trong công ty khi lập bộ chứng từ kế toán về TSCĐ còn khá đơn giản, đôi khi còn thiếu các chứng từ đi kèm TSCĐ. Theo quy định bộ chứng từ của tài sản phải được lưu tại thẻ TSCĐ bao gồm hợp đồng, hóa đơn, biên bản bàn giao tài sản và các chứng từ thanh toán và thẻ TSCĐ phải được đánh số lần lượt theo thứ tự, ghi rõ ngày tháng năm. Đối với TSCĐ nhập khẩu bao gồm bộ chứng từ hải quan, bộ chứng từ TSCĐ, bộ chứng từ thanh toán qua ngân hàng... Tuy nhiên tại công ty hầu như kế toán chỉ kẹp hợp đồng, biên bản bàn giao, nhiều trường hợp không đính kèm hóa đơn vào bộ chứng từ TSCĐ.

*** Về vận dụng tài khoản kế toán**

- Về tỷ giá hối đoái sử dụng trong nhập khẩu TSCĐ:

Trong trường hợp nhập khẩu TSCĐ thanh toán ngay bằng TGNH ngoại tệ Vietcombank, công ty đã ghi tăng TSCĐ và ghi giảm tiền gửi ngân hàng ngoại tệ Vietcombank cùng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch là chưa chính xác, không phù hợp với quy định về kế toán tỷ giá ngoại tệ trên các tài khoản tài sản và tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Theo quy định trong TT 200 hướng dẫn, kế toán phải sử dụng tỷ giá ghi sổ là tỷ giá xuất quỹ bình quân.

- Về hạch toán chuyển TSCĐ thành CCDC: Qua khảo sát thực trạng Công ty đã tuân thủ quy định của thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 về quy định quản lý sử dụng về TSCĐ khi một số tài sản không đủ tiêu chuẩn về giá trị đã chuyển đổi thành CCDC. Tuy nhiên khi thực hiện bút toán để đơn giản kế toán tại công ty đã ghi nhận hết giá trị còn lại của TSCĐ vào chi phí trong kỳ, nhưng việc hạch toán như vậy chưa tuân thủ nguyên tắc phù hợp trong kế toán, nghĩa là cần xem xét việc phân bổ giá trị còn lại của TSCĐ có liên quan đến chi phí của một kỳ hay nhiều kỳ.

- Về khấu hao:

+ Về theo dõi việc trích khấu hao TSCĐ: Khảo sát thực tế tại các đơn vị này cho thấy hiện có một số lượng tương đối lớn TSCĐ hiện chưa khấu hao hết giá trị nhưng đã không còn sử dụng được do hư hỏng, do giá trị còn lại của TSCĐ còn lớn nên kế toán vẫn tiến hành trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Điều đó làm ảnh hưởng đến cơ cấu chi phí, giá thành và lợi nhuận của Doanh nghiệp dẫn đến việc làm giảm tính xác thực khi phân tích các chỉ tiêu tài chính của công ty.

+ Về phương pháp khấu hao: Trong VAS 03 Tài sản cố định hữu hình, chế độ kế toán và trong các văn bản hướng dẫn đều đưa ra 3 phương pháp khấu hao TSCĐHH, để Doanh nghiệp lựa chọn phù hợp với đặc điểm sử dụng của từng loại tài sản. Nhưng hầu hết Công ty và các Doanh nghiệp trong Công ty chỉ lựa chọn phương pháp khấu hao theo đường thẳng cho tất cả các loại TSCĐHH. Phương pháp này có ưu điểm là đơn giản, dễ tính nhưng phương pháp này không thích hợp đối với một số loại TSCĐ mà việc sử dụng chúng không như nhau giữa các kỳ hoặc lợi ích kinh tế thu hồi từ việc sử dụng tài sản có chênh lệch khá lớn giữa thời kỳ đầu và thời kỳ cuối sử dụng tài sản. Hơn nữa phương pháp này góp phần làm chậm quá trình thu hồi vốn của Doanh nghiệp.

+ Về thời điểm trích, thời trích khấu hao TSCĐ: Việc trích khấu hao theo nguyên tắc tròn tháng hiện Công ty đang áp dụng là không phù hợp với qui định hiện hành.

- Về xử lý chi phí sửa chữa lớn TSCĐ: Việc sửa chữa lớn TSCĐ luôn được Công ty chú trọng, bộ phận sản xuất, kỹ thuật thường phải lập kế hoạch từ trước, nhưng bộ phận kế toán lại chỉ được thông báo khi công việc sửa chữa bắt đầu. Và do điều kiện khách quan bắt buộc phải sửa chữa lớn mà không có trong kế hoạch. Vì vậy có khi kế toán TSCĐ thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ không kịp thời. Nguyên nhân, bộ phận sản xuất, kỹ thuật và phòng kế toán chưa thật sự làm việc hợp tác với nhau, do điều kiện bất khả kháng.

- Về kế toán chi tiết TSCĐ: Các công ty qua khảo sát cho thấy, việc lập thẻ, sổ kế toán chi tiết TSCĐ được thực hiện theo quan điểm đơn giản hóa. Thực tế công

ty chỉ lập thẻ chi tiết TSCĐ cho những tài sản lớn như nhà xưởng, dây chuyền máy móc sản xuất lớn, thiết bị thi công giá trị lớn còn các thiết bị máy móc phụ trợ, thiết bị quản lý, thiết bị văn phòng thì được lập chung vào bảng tổng hợp TSCĐ, sổ TSCĐ. Việc đơn giản hóa kế toán chi tiết TSCĐ như vậy nhiều khi làm kế toán gặp khó khăn trong việc cung cấp thông tin về từng tài sản khi có những sự cố bất ngờ xảy ra.

Nguyên nhân, nhân lực kế toán ít do đó việc lập thẻ, sổ kế toán chi tiết TSCĐ để quản lý và theo dõi sẽ mất khá nhiều thời gian và tốn nhân lực, do phòng kế toán chủ động thực hiện.

- **Về công tác hạch toán TSCĐ vô hình:** Thực trạng cho thấy công ty đã ghi nhận chi phí nâng cấp vào chi phí trả trước nhằm thuận tiện cho việc theo dõi, sau đó phân bổ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp (tính đúng kỳ trong kế toán tài chính). Tuy nhiên theo tác giả cần phải xem xét đến khả năng được vốn hóa phần chi phí nâng cấp này làm tăng nguyên giá TSCĐ (chi tiết phần mềm kế toán).

CHƯƠNG 3:
CÁC ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ
NHÀ Ở VÀ KHU ĐÔ THỊ

3.1. Định hướng phát triển tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị

Trong bối cảnh kinh tế thị trường trong và ngoài nước có nhiều biến động có ảnh hưởng không nhỏ đối với sự phát triển chung của nền kinh tế. Cùng với định hướng của Tập đoàn phát triển nhà và đô thị, công ty đang hoàn thiện đề án nâng cấp lên Tổng công ty Dịch vụ nhà ở và khu đô thị hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên. Vì vậy, Công ty HUDS cũng đã đề ra những phương hướng phát triển sản xuất, kinh doanh của mình đến năm 2020 như sau:

Sản xuất kinh doanh: Giá trị sản lượng tăng trên 37% đạt 351,89 tỷ đồng, doanh thu tăng trên 11%, nộp ngân sách nhà nước tăng trên 50%, lợi nhuận trước thuế đạt trên 25%, thu nhập bình quân người lao động tăng trên 20%.

Quản lý đô thị: Hoạt động quản lý đô thị được coi là nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhằm đem lại sự hài lòng cho người dân sinh sống tại các khu đô thị, không ngừng hoàn thiện, nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo môi trường xanh, sạch đẹp và nếp sống văn minh trong các khu đô thị do Tập đoàn HUD làm chủ đầu tư. Giá trị sản lượng trong lĩnh vực quản lý đô thị chiếm 28,7% so với tổng sản lượng toàn công ty. Đồng thời, giữ vững danh hiệu khu đô thị kiểu mẫu Linh Đàm và hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội xây dựng khu đô thị mới Việt Hưng thành khu đô thị kiểu mẫu. Tiếp tục tiếp nhận, quản lý các khu nhà chung cư mới tại các dự án do Tập đoàn làm chủ đầu tư tại khu đô thị mới Vân Canh, Mê Linh – Hà Nội, Chánh Mỹ - Bình Dương, Phú Mỹ - Quảng Ngãi.

Trong những năm tới, công tác quản lý nhà chung cư được thực hiện thống nhất trong toàn công ty, vận động người dân thực hiện đúng quy chế quản lý nhà

chung cư. Công tác PCCC nhà chung cư luôn được đặc biệt quan tâm. Bên cạnh đó, công tác duy trì, chăm sóc cây xanh, thảm cỏ và vệ sinh môi trường luôn luôn được đảm bảo tạo nên mỹ quan trong các khu đô thị. Ngoài ra, công tác giữ vững an ninh trật tự, bảo vệ dự án và sửa chữa hạ tầng trong các khu đô thị luôn luôn được đặt lên hàng đầu nhằm đảm bảo an toàn về tài sản trong khu vực dự án và an ninh trật tự trong khu đô thị.

Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ: Công ty tiến hành đầu tư và khai thác khu vui chơi giải trí tại khu đô thị mới Việt Hưng và Văn Quán, đưa vào vận hành và kinh doanh tại sân tennis Vân Canh, hoàn thiện đưa nhà trẻ Pháp Vân vào khai thác và hoạt động. Nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng quy mô và hiệu quả tại các điểm kinh doanh, công ty đã nâng cấp, cải tạo, sửa chữa 06 mặt sân tennis tại Linh Đàm, nâng cấp bể bơi Định Công thành bể bơi bốn mùa. Công ty tiếp tục kinh doanh sản phẩm xi măng Sông Thao trên phương diện là nhà phân phối cấp 1, với sản lượng trung bình 5.000 tấn/tháng và tăng lên 7.000tấn/tháng vào năm 2020... Đồng thời xây dựng kế hoạch tiến hành nâng cấp các hạng mục, cơ sở kinh doanh trong chu kỳ hợp lý để không làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chung và dự báo tốt thời điểm hoàn thiện các cơ sở, địa điểm kinh doanh dịch vụ để chuẩn bị kế hoạch đưa vào khai thác, đảm bảo hiệu quả trong thời gian sớm nhất.

Lĩnh vực thi công xây lắp và trồng cây xanh: Trong những năm tới, công ty đặc biệt chú trọng trong lĩnh vực thi công xây lắp và trồng cây xanh tại các dự án do Tập đoàn HUD làm chủ đầu tư. Công ty sẽ thực hiện các dự án có giá trị lớn như: Tiếp tục thực hiện xây thô nhà liền kề, biệt thự tại dự án Thái Bình, lô nhà vườn và CT17 Việt Hưng, xây dựng nhà trẻ tại dự án Việt Hưng, xây dựng hệ thống giao thông, thoát nước mưa khu đô thị mới Phú Mỹ - Quảng Ngãi. Mặt khác, công ty còn chủ động tìm kiếm và thi công các công trình ngoài khác như khu đô thị HH04 Sông Đà và các công trình của Tập đoàn Dầu khí. Ngoài ra, công tác theo dõi, giám sát thi công xây dựng các công trình được thực hiện thường xuyên do đó, các công trình đều đảm bảo thực hiện đúng tiến độ. Đây cũng là lĩnh vực đảm bảo nguồn tích lũy, đầu tư thiết bị máy móc, thi công để tiến tới nâng cao năng lực thi công chung của công ty.

Lĩnh vực đầu tư: Công ty đã chủ động tìm kiếm và thực hiện các dự án đầu tư về nhà ở như: Khu nhà ở hỗn hợp phường La Khê - Hà Đông với diện tích khoảng 1.561m², dự án khu nhà ở Vũ Lâm, Suối cầu thị trấn Tây Đằng - Ba Vì - Hà Nội với tổng diện tích khoảng 230.000m². Tiếp tục tìm kiếm, khai thác các dự án phát triển nhà quy mô nhỏ trên địa bàn Thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố lân cận.

Như vậy, trong cơ sở quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn của Nhà nước, đồng thời, trên cơ sở kế hoạch SXKD của công ty, nhu cầu sử dụng vốn được lập để phục vụ kết quả SXKD của công ty và cân đối nguồn vốn hiện có, nguồn bổ sung từ hiệu quả SXKD hằng năm, thu từ kinh doanh các dịch vụ, thi công xây lắp, đầu tư dự án và kênh huy động vay tín dụng... để thu xếp đảm bảo đủ vốn đầu tư theo kế hoạch ngắn hạn, dài hạn của công ty và đảm bảo nguồn vốn phục vụ lộ trình nâng cấp lên Tổng công ty.

3.2. Các yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị

3.2.1. Hoàn thiện kế toán tài sản cố định trong công ty phải phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về tài sản cố định

Trong quá trình phát triển kinh tế, hội nhập kinh tế nước ta với khu vực kinh tế thế giới, việc hài hòa các chính sách công cụ quản lý kinh tế nói chung, chính sách tài chính, kế toán nói riêng của Việt Nam với thông lệ quốc tế, học tập kinh nghiệm quản lý của các nước có nền kinh tế phát triển là một yêu cầu tất yếu. Sự cần thiết phải phù hợp với thông lệ và chuẩn mực kế toán quốc tế trong việc hoàn thiện hạch toán TSCĐ trong các DN, xuất phát từ những lý do sau:

- Quá trình hội nhập kinh tế Việt Nam đối với các nước trong khu vực và trên thế giới đòi hỏi cơ chế quản lý của Việt Nam phải có những thay đổi cơ bản, phù hợp với các quan điểm phát triển theo xu hướng quốc tế. Hội nhập quốc tế làm cho các nhà đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam cũng như đầu tư trong nước ra nước ngoài có xu hướng tăng mạnh. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư của các DN Việt Nam cũng như việc tiếp nhận vốn đầu tư của DN nước ngoài, một yêu cầu đặt ra là Nhà nước phải ban hành và hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật, quản lý kinh tế trong đó có chính sách tài chính và kế toán.

- Bất kể DN hoạt động trong lĩnh vực hoạt động, ngành nghề hay một quốc gia nào thì cũng phải đầu tư một số TSCĐ nhất định. Trước yêu cầu hài hòa hệ thống kế toán giữa các quốc gia, các vùng lãnh thổ trong quá trình toàn cầu hóa kinh tế khu vực và thế giới thì việc hạch toán TSCĐ trong các DNSX cũng phải phù hợp với các thông lệ và chuẩn mực kế toán quốc tế về TSCĐ. Có như vậy mới có thể lượng hóa được những nội dung về kế toán TSCĐ đã, đang và sẽ phát sinh trong các DN, đưa kế toán Việt nam phát triển theo xu hướng quốc tế hóa, hội nhập cùng sự phát triển của hệ thống kế toán các nước trên thế giới.

3.2.2. Hoàn thiện kế toán tài sản cố định trong Công ty phải phù hợp với các quy định tài chính, kế toán của Nhà nước về tài sản cố định

Nhà nước ban hành các chính sách, chế độ, thể lệ tài chính, kế toán và hướng dẫn áp dụng trong các doanh nghiệp. Trong quản lý và hạch toán TSCĐ, Nhà nước ban hành quy định về tiêu chuẩn và điều kiện ghi nhận TSCĐ, chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và chế độ hạch toán TSCĐ. Chính vì vậy, việc hoàn thiện hạch toán TSCĐ trong các doanh nghiệp phải phù hợp với các quy định về tài chính, kế toán của Nhà nước về TSCĐ. Khi hạch toán và quản lý TSCĐ trong các doanh nghiệp phải phù hợp với quy định của Nhà nước thì thông tin do hạch toán kế toán cung cấp sẽ đáp ứng được yêu cầu kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế của các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước.

Tuy nhiên, sự phù hợp với các quy định tài chính, kế toán của Nhà nước về TSCĐ không có nghĩa là việc hạch toán TSCĐ trong các doanh nghiệp phải thực hiện một cách máy móc, dập khuôn. Sự vận dụng các quy định, chế độ của Nhà nước trong các doanh nghiệp phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc chung và các quy định mang tính bắt buộc nhưng phải phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc điểm tổ chức quản lý, nhu cầu thông tin và điều kiện cụ thể của các doanh nghiệp.

3.2.3. Hoàn thiện kế toán tài sản cố định trong Công ty phải đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả.

Các giải pháp hoàn thiện kế toán TSCĐ phải quán triệt nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả. Công ty bỏ vốn ra tiến hành tổ chức hoạt động kinh doanh luôn với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Muốn vậy, công ty vừa phải tìm cách tăng doanh thu vừa phải tiết kiệm chi phí để có hiệu quả cao. Việc hoàn thiện kế toán TSCĐ cũng không nằm ngoài mục tiêu đó. Một mặt, hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ giúp kế toán giảm nhẹ công việc xử lý, ghi chép, lưu trữ, bảo quản chứng từ, sổ sách kế toán mà vẫn đảm bảo độ chính xác cao của thông tin kế toán, cung cấp kịp thời phục vụ nhu cầu của nhà quản trị. Mặt khác nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý sử dụng vốn kinh doanh, tăng vòng quay vốn kinh doanh góp phần xây dựng bộ máy kế toán gọn nhẹ, hiệu quả. Cũng chính xuất phát từ yêu cầu này mà các biện pháp đưa ra hoàn thiện phải có khả năng thực hiện, tức là chi phí bỏ ra để thực hiện hoàn thiện phải tương xứng với lợi ích mà việc hoàn thiện đem lại cho Công ty chứ không phải là hoàn thiện với bất cứ chi phí nào.

3.3. Các đề xuất hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị

3.3.1. Hoàn thiện về nhận diện tài sản

Qua khảo sát tại công ty, kế toán có sự nhầm lẫn khi phân biệt một tài sản là TSCĐ hoặc BĐS đầu tư. Một BĐS đầu tư được ghi nhận dựa theo chuẩn mực VAS số 05 “Bất động sản đầu tư” có năm trường hợp sau:

- Quyền sử dụng đất (do Công ty mua lại) nắm giữ trong thời gian dài để chờ tăng giá
- Quyền sử dụng đất (do Công ty mua lại) nắm giữ mà chưa xác định rõ mục đích sử dụng trong tương lai
- Nhà do Công ty sở hữu (hoặc do Công ty thuê tài chính) và cho thuê theo một hoặc nhiều hợp đồng thuê hoạt động
- Nhà đang giữ để cho thuê theo một hoặc nhiều hợp đồng thuê hoạt động
- Cơ sở hạ tầng đang được giữ để cho thuê theo một hoặc nhiều hợp đồng thuê hoạt động

Vậy tại công ty khi chuyển đổi TSCĐ chủ sở hữu sử dụng thành BĐS đầu tư thì kế toán phải ghi giảm nguyên giá TSCĐ chủ sở hữu sử dụng, ghi tăng nguyên giá BĐS đầu tư. Đồng thời thực hiện bút toán kết chuyển hao mòn, ghi giảm hao mòn lũy kế TSCĐ chủ sở hữu sử dụng và ghi tăng hao mòn lũy kế BĐS đầu tư.

+ Bút toán 1:

Nợ Tài khoản 217: Ghi tăng nguyên giá BĐSĐT

Có Tài khoản 211: Ghi giảm nguyên giá TSCĐHH

Có Tài khoản 213: Ghi giảm nguyên giá TSCĐVH

+ Bút toán 2:

Nợ Tài khoản 2141: Ghi giảm hao mòn TSCĐHH

Nợ Tài khoản 2143: Ghi giảm hao mòn TSCĐVH

Có Tài khoản 2147: Ghi tăng hao mòn BĐSĐT

Doanh thu từ việc cho thuê BĐS đầu tư, căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán ghi tăng doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư đồng thời phản ánh thuế GTGT phải nộp Nhà nước. Ngoài ra khi đã ghi nhận là BĐS đầu tư, cuối kỳ kế toán thực hiện trích khấu hao BĐS đầu tư ghi tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ (giá vốn hàng bán), ghi tăng hao mòn lũy kế BĐS đầu tư.

+ Bút toán 3:

Nợ Tài khoản 111,112,131: Tổng giá thanh toán

Có Tài khoản 5117: Doanh thu cho thuê BĐSĐT

Có Tài khoản 3331: Thuế GTGT phải nộp Nhà nước

+ Bút toán 4:

Nợ Tài khoản 632: Ghi tăng giá vốn hàng bán

Có Tài khoản 2147: Ghi tăng hao mòn BĐSĐT cho thuê

3.3.2. Hoàn thiện về xác định thời điểm ghi nhận tài sản cố định

Khi các tài sản về đến công ty để phục vụ hoặc sẵn sàng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà trước thời điểm phòng kế toán thanh toán, thì các bộ phận này cần lập ngay mẫu biên bản bàn giao nhận tài sản để cung cấp thông tin về tình hình tài sản mới cho bộ phận kế toán phải có các nội dung

như: ngày giao hàng, tên tài sản, mã tài sản, nhà cung cấp, số lượng tài sản nhận về, đơn vị tính, giá tiền. Sau khi nhận được biên bản này và các chứng từ kèm theo thì kế toán sẽ ghi nhận một khoản tăng TSCĐ, chi tiết cho bộ phận phát sinh đồng thời ghi nhận một tài khoản tăng trên tài khoản phải trả nhà cung cấp TK 331 – Phải trả người bán (Chi tiết cho nhà cung cấp)

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Nợ TK 213- TSCĐ vô hình

Có TK 331- Phải trả người bán (Chi tiết cho nhà cung cấp)

Đến thời điểm kế toán nhận được toàn bộ chứng từ đầy đủ của Phòng kế hoạch đầu tư đưa lên thì kế toán ghi giảm trên tài khoản phải trả người bán, đồng thời ghi nhận tăng trên tài khoản Thuế GTGT được khấu trừ và ghi giảm trên tài khoản Tiền mặt hoặc tài khoản Tiền gửi ngân hàng:

Nợ TK 331- Phải trả người bán

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112: Tổng số tiền thanh toán

3.3.3. Hoàn thiện về hệ thống chứng từ kế toán

Chứng từ kế toán TSCĐ có ý nghĩa quan trọng nhằm thu nhận, xử lý các thông tin ban đầu phục vụ cho công tác quản lý TSCĐ. Các chứng từ kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động của đơn vị được phản ánh theo thời gian, không gian và địa điểm cụ thể. Qua đó, giúp cho việc kiểm tra, kiểm soát tính trung thực của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ngăn ngừa và phát hiện những hiện tượng tiêu cực trong quá trình quản lý kinh tế. Các chứng từ ghi sổ kế toán được in từ máy tính phải theo trình tự số thứ tự, ngày tháng và phải hoàn thiện đầy đủ các nội dung trên chứng từ như chữ ký người lập biểu, kế toán trưởng và thủ trưởng đơn vị.

- Đối với bộ chứng từ TSCĐ: Kế toán cần bổ sung đầy đủ chứng từ trước khi hạch toán. Trường hợp TSCĐ mua trong nước, ngoài hợp đồng, kế toán cần lưu bản gốc hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng tại thẻ TSCĐ, bản photo lưu giữ ở chứng từ thanh toán ngân hàng hoặc phiếu chi. Trường hợp TSCĐ nhập khẩu cần

chuẩn bị đầy đủ tất cả các bộ chứng từ tài sản, tờ khai hải quan (bản gốc) và các chứng từ như giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận số lượng và chất lượng CQ, vận đơn đường biển và đường hàng không B/L hoặc AWB và các chứng từ thanh toán...

- Thống nhất mẫu biểu chứng từ sử dụng và đảm bảo ghi chép đầy đủ thông tin trên mẫu đã chọn, cần lập đầy đủ các biên bản và ghi chép đúng trình tự thủ tục. Tránh tình trạng ghi chép đại khái, lập nhiều biên bản gộp chung vào một biên bản. Đối với trường hợp đầu tư XDCB hoàn thành bàn giao thì kế toán nên chủ động sắp xếp thời gian để sớm hoàn thành quyết toán công trình, hoàn thành bộ chứng từ có như vậy sẽ giúp kế toán phản ánh nguyên giá và trích khấu hao vào chi phí được chính xác.

3.3.4. Hoàn thiện kế toán chi tiết tài sản cố định

Danh mục TSCĐ trong công ty rất đa dạng nhiều chủng loại, do đó để cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về đối tượng này, đòi hỏi công ty không chỉ làm tốt kế toán tổng hợp mà còn phải tổ chức thực hiện kế toán chi tiết TSCĐ khoa học và hợp lý. Vì bản chất của kế toán chi tiết TSCĐ là theo dõi, phản ánh thông tin chi tiết về từng loại, đơn vị TSCĐ cụ thể.

Trong đó, thẻ TSCĐ phải được thiết kế để có phản ánh được toàn bộ những thông tin cơ bản liên quan đến TSCĐ như: nguyên giá, thời gian sử dụng dự kiến, phương pháp khấu hao, giá trị còn lại... ngoài ra là thông tin về việc trang bị, nâng cấp, tháo dỡ, bảo dưỡng lớn... Do vậy, Công ty có thể tham khảo mẫu thẻ TSCĐ như ở (**Phụ lục số 35**).

Mỗi tài sản được lập thành một thẻ riêng khi phát sinh nghiệp vụ tăng TSCĐ để thuận tiện cho việc theo dõi và phản ánh diễn biến trong quá trình sử dụng. Thẻ TSCĐ nên được bảo quản tập trung tại hòm thẻ, trong đó có thể được chia làm nhiều ngăn để xếp theo yêu cầu phân loại TSCĐ của công ty.

Về sổ chi tiết TSCĐ thì hiện nay trong chế độ kế toán hiện hành có đưa ra 2 mẫu sổ chi tiết TSCĐ được mở cho toàn Doanh nghiệp (mẫu số S21-DN) và sổ theo dõi TSCĐ tại từng bộ phận sử dụng (mẫu S22 – DN). Tuy nhiên để tăng khả năng

đối chiếu và đảm bảo tính đầy đủ thông tin, công ty nên bổ sung thêm cột ghi rõ nguồn hình thành tài sản, nơi sử dụng tài sản và giá trị thu hồi tại phần giảm TSCĐ trong mẫu S21-DN (**Phụ lục số 36**) và thêm thông tin về khấu hao TSCĐ vào mẫu S22 – DN (**Phụ lục số 37**).

Công ty cần thường xuyên kiểm tra, đối chiếu, rà soát số liệu giữa các sổ sách kế toán với phần mềm kế toán để tránh tình trạng sai sót bị phát hiện muộn.

3.3.5. Hoàn thiện kế toán tổng hợp tài sản cố định

*** Hoàn thiện hạch toán tỷ giá hối đoái khi nhập khẩu TSCĐ:**

Theo thông tư số 200/2014/TT – BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định về tỷ giá hối đoái khi mua tài sản như sau:

- Đối với tài sản mua thanh toán ngay bằng tiền thì ghi tăng tài sản theo tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá mua NHTM nơi công ty giao dịch) và ghi giảm tiền theo tỷ giá ghi sổ là tỷ giá bình quân gia quyền di động (bình quân sau mỗi lần nhập), phần chênh lệch tỷ giá hối đoái sẽ phát sinh một khoản doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Nợ TK 211, 213 (TG giao dịch thực tế - tỷ giá mua NHTM)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (lỗ TGHĐ)

Có các TK 111 (1112), 112 (1122) (TG ghi sổ kế toán – TGXQBQ).

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (lãi TGHĐ).

- Đối với tài sản mua chưa thanh toán thì ghi tăng tài sản và công nợ phải trả theo tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán NHTM nơi công ty giao dịch).

Nợ TK 211, 213 (TG giao dịch thực tế - tỷ giá bán NHTM)

Có các TK 331, 341 (TG giao dịch thực tế - tỷ giá bán NHTM)

- Trường hợp tài sản được mua trong giao dịch đã ứng trước tiền cho người bán một phần tiền thì kế toán ghi tăng tài sản theo tỷ giá tại thời điểm ứng trước đối với phần ứng trước, phần còn lại ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nợ TK 211, 213 (TGGDTT tại thời điểm ứng trước- phần đã ứng trước)

Có các TK 331 (TGGDTT tại thời điểm ứng trước- phần đã ứng trước)

*** Hoàn thiện hạch toán khi chuyển TSCĐ thành CCDC**

- Trường hợp giá trị còn lại của TSCĐ tương đối nhỏ, kế toán có thể ghi nhận là chi phí trong kỳ. Khi đó ghi nhận giá trị còn lại của TSCĐ vào tài khoản chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, ghi giảm hao mòn lũy kế, đồng thời ghi giảm nguyên giá TSCĐ.

Nợ TK 627, 641, 642 : Giá trị còn lại nhỏ

Nợ TK 214 : Hao mòn lũy kế TSCĐ

Có TK 211: Nguyên giá TSCĐ

- Trường hợp giá trị còn lại của TSCĐ tương đối lớn, kế toán có thể ghi nhận là chi phí trả trước (chi phí của nhiều kỳ). Khi đó ghi nhận giá trị còn lại vào tài khoản chi phí trả trước, ghi giảm hao mòn lũy kế, đồng thời ghi giảm nguyên giá TSCĐ.

Nợ TK 242 : Giá trị còn lại lớn

Nợ TK 214 : Hao mòn lũy kế TSCĐ

Có các TK 211: Nguyên giá TSCĐ

+ Định kỳ phân bổ giá trị còn lại của TSCĐ vào chi phí SXKD.

Nợ TK 627, 641, 642 : giá trị phân bổ

Có các TK 242: giá trị phân bổ

*** Hoàn thiện hạch toán sửa chữa, nâng cấp TSCĐ**

Qua khảo sát hiện nay công ty không tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Đối với chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, duy trì cho TSCĐ hoạt động bình thường được hạch toán trực tiếp vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các TSCĐ theo yêu cầu kỹ thuật phải sửa chữa, bảo trì, duy tu định kỳ, kế toán được trích lập dự phòng phải trả và tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh để có nguồn trang trải khi việc sửa chữa, bảo trì phát sinh, tránh sự biến động chi phí giữa các kỳ (nhằm ổn định chi phí), tránh gây ảnh hưởng đến kết quả của kỳ có TSCĐ sửa chữa lớn phát sinh. Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được thực hiện như sau:

- Lập kế hoạch sửa chữa lớn cho năm tới. Tuy nhiên công ty phải cân nhắc giữa chi phí bỏ ra để sửa chữa với việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ để đổi mới TSCĐ.

- Khi lựa chọn sửa chữa lớn, công ty sẽ tính và trích trước chi phí sửa chữa lớn trong tháng bằng cách lấy tổng chi phí sửa chữa lớn TSCĐ cả năm theo kế hoạch chia cho 12 tháng và tiến hành ghi sổ theo định khoản:

Nợ các TK 627, 641, 642

Có TK 352 - Dự phòng phải trả (nếu trích trước định kỳ)

- Khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành:

+ Trường hợp không đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ:

Nợ các TK 623, 627, 641, 642

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước (nếu phát sinh lớn được phân bổ dần)

Nợ TK 352 - Dự phòng phải trả (nếu trích trước chi phí sửa chữa định kỳ)

Có TK 241 - XDCCB dở dang (2413)

+ Trường hợp sửa chữa cải tạo, nâng cấp thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211 - TSCĐ hữu hình

Có TK 241 - XDCCB dở dang (2413).

****Hoàn thiện về kế toán khấu hao TSCĐ***

- *Đối với TSCĐ hỏng nhưng chưa khấu hao hết.*

Đối với TSCĐ chưa tính đủ khấu hao mà đã hư hỏng, cần thanh lý thì phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể hoặc cá nhân để xử lý bồi thường. Kế toán ghi giảm TSCĐ, giảm hao mòn lũy kế. Giá trị còn lại của TSCĐ được xác định như sau: Phần bắt bồi thường kế toán phản ánh vào tài khoản phải thu khác hoặc trừ vào lương người lao động làm thiệt hại tài sản. Phần giá trị còn lại của TSCĐ không được bồi thường được tính vào chi phí khác. Giá trị thu hồi của TSCĐ hư hỏng do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập khác.

+Bút toán 1: Ghi giảm tài sản hư hỏng

Nợ TK 811 - Chi phí khác (giá trị còn lại)

Nợ TK 1388, 334 – Phần bất CBCNV bồi thường

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ

Có TK 211 - TSCĐ hữu hình.

+Bút toán 2: Ghi tăng thu nhập do thanh lý

Nợ TK 111, 112, 131

Có TK 711 – Thu nhập khác.

Có TK 3331 – Thuế giá trị gia tăng phải nộp.

- Về phương pháp khấu hao TSCĐ

Công ty cần tiến hành phân loại TSCĐHH. Những TSCĐHH là dây chuyền thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải mua mới có hàm lượng công nghệ cao thì sẽ được áp dụng phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần hoặc khấu hao theo sản lượng để nhanh chóng thu hồi vốn đầu tư công nghệ mới hiện đại hơn đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng sản xuất, thi công. Còn đối với những TSCĐHH khác như nhà xưởng, văn phòng làm việc, thiết bị quản lý, thiết bị dùng cho văn phòng... thì có thể sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

- Về thời điểm trích và thôi trích khấu hao TSCĐ

Việc trích và thôi trích khấu hao TSCĐ phải thực hiện từ ngày bắt đầu sử dụng hoặc từ ngày ngừng sử dụng TSCĐ để đảm bảo tuân thủ qui định hiện hành về khấu hao TSCĐ theo qui định chế độ kế toán hiện hành.

*** Hoàn thiện kế toán tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình tại công ty chiếm tỷ lệ nhỏ, chỉ có phần mềm máy tính còn lại các loại TSCĐVH khác không có. Trong năm 2015 Công ty đã nâng cấp phần mềm kế toán, kế toán TSCĐ đã hạch toán giá trị nâng cấp phần mềm vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn. Theo ý kiến của tác giả thì việc nâng cấp phần mềm này là một việc làm cần thiết giúp cho công việc kế toán nói chung và công việc kế toán TSCĐ nói riêng có thể dễ dàng hơn, cập nhật mẫu báo biểu, mẫu báo cáo tài chính cần thiết theo thông tư số 200/2014/TT – BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, nên cần phải

được hạch toán tăng nguyên giá TSCĐVH, cụ thể là tăng nguyên giá phần mềm máy tính, đồng thời tiến hành trích khấu hao tài sản cố định vô hình theo quy định. Do vậy cần phải điều chỉnh như sau:

- Xóa sổ bút toán ghi sai tại công ty bằng bút toán ghi âm:

Nợ TK 642: (59.090.909) VND

Có TK 242 : (59.090.909) VND

- Ghi lại bút toán đúng :

Nợ TK 213 – Nguyên giá TSCĐVH

Có TK 242 – Chi phí trả trước

3.3.6. Hoàn thiện sổ kế toán và báo cáo tài sản cố định.

Tùy theo yêu cầu của quản lý thì công ty sẽ lập báo cáo vào cuối tháng, cuối quý và cuối năm để cung cấp thông tin về hiện trạng của TSCĐ. Tác giả xin phép đề xuất mẫu Báo cáo TSCĐ toàn bộ công ty và Báo cáo TSCĐ theo từng bộ phận.

- Báo cáo TSCĐ theo bộ phận được lập theo kỳ kế toán hàng tháng, cung cấp thông tin về tài sản ở từng bộ phận quản lý sử dụng nhất định

Phương pháp lập : Căn cứ vào sổ TSCĐ, thẻ TSCĐ của từng bộ phận sử dụng TSCĐ, kế toán lập bảng Báo cáo TSCĐ theo từng bộ phận bao gồm một số chỉ tiêu như tên tài sản; mã tài sản, số hiệu tài sản, bộ phận sử dụng, nguyên giá tài sản, thời gian khấu hao, ngày khấu hao, giá trị hao mòn lũy kế tính đến thời điểm lập báo cáo, giá trị còn lại của tài sản, kỳ kế toán, lý do tăng hoặc giảm (***Phụ lục số 38***)

- Báo cáo TSCĐ toàn bộ công ty cung cấp thông tin về tình hình tài sản của toàn bộ công ty lập vào cuối mỗi tháng

Phương pháp lập : Căn cứ vào báo cáo TSCĐ từng bộ phận kế toán lập Báo cáo TSCĐ toàn công ty bao gồm các chỉ tiêu như trong Báo cáo TSCĐ từng bộ phận (***Phụ lục số 39***)

3.4. Điều kiện để thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán tài sản cố định tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị

3.4.1. Về phía nhà nước và các cơ quan chức năng

*** Về phía nhà nước:**

Nhà nước phải tạo được hành lang pháp lý, tốt bình đẳng để cho các doanh nghiệp được tự do cạnh tranh . Đưa ra các chính sách pháp luật, nghị định, ... để các doanh nghiệp thực hiện theo. Những văn bản luật và hướng dẫn cần được nhà nước ban hành đầy đủ, kịp thời, tổ chức tuyên truyền cho các đơn vị kế toán thuộc nhiều thành phần kinh tế trong xã hội. Các hướng dẫn phải thống nhất và đơn giản không phải là các bổ sung và chông chéo đối với các điều luật, nghị định ... đã đưa ra đảm bảo thực hiện đúng, chính xác những văn bản này.

Hiện nay vẫn còn có một số văn bản pháp luật về tài chính và hạch toán TSCĐ còn nhiều điểm không thống nhất gây khó khăn cho các doanh nghiệp khi áp dụng vào thực tế. Từ sự chông chéo nhau giữa các văn bản luật dẫn đến việc doanh nghiệp lúng túng, thực hiện sai với quy định. Do vậy cần phải rà soát lại các văn bản có liên quan đến công tác hạch toán TSCĐ, đảm bảo tính thống nhất giữa các văn bản này. Đồng thời cần bổ sung, sửa đổi văn bản hiện hành theo luật kế toán và các chuẩn mực kế toán, lấy đó làm cơ sở làm “luật gốc” khi đưa ra các quyết định, thông tư của Bộ Tài chính. Chú ý tránh mâu thuẫn trong những văn bản này, tránh gây khó khăn cho người thực hiện công tác kế toán tại các doanh nghiệp.

Nhà nước cần phải có chính sách tạo ra môi trường tự do cạnh tranh hoàn hảo cho các doanh nghiệp phát triển lành mạnh . Môi trường an ninh chính trị ổn định cũng chính là môi trường lý tưởng để các doanh nghiệp an tâm mở rộng quy mô, phát triển sự nghiệp của mình.

***Về phía các cơ quan chức năng**

Các cơ quan chức năng, các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp nên tổ chức giúp đỡ các doanh nghiệp bằng cách mở ra các lớp tập huấn, nói chuyện định kỳ để giúp cho doanh nghiệp hiểu rõ hơn về các quy định của pháp luật về các ngành nghề, lĩnh vực , các mức hỗ trợ mà doanh nghiệp nhận được từ Nhà nước và các tổ chức nước

ngoài trong lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp. Đây là việc làm giúp cho doanh nghiệp cảm thấy tự tin hơn trong công việc của mình.

Ngày nay việc tranh chấp giữa các doanh nghiệp cũng thường xuyên xảy ra và các cơ quan chức năng, tổ chức hiệp hội nghề nghiệp nên là người phân giải, giúp đỡ các doanh nghiệp tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình hoạt động. Tránh để xảy ra các khúc mắc tiếp theo dẫn đến sự tranh chấp không đáng có giữa các doanh nghiệp.

3.4.2. Về phía công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ nhà ở và khu đô thị

Công ty phải xây dựng hệ thống kế toán quản trị áp dụng trong đơn vị, nhằm giám sát chặt chẽ tình hình hiện có và sử dụng TSCĐ, từ đó cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình phân tích, đánh giá hiệu quả cũng như việc ra quyết định về công tác đầu tư trong Doanh nghiệp. Xây dựng chế độ trách nhiệm vật chất đối với bộ phận, cá nhân được giao bảo quản, sử dụng TSCĐ.

Đồng thời cần chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bộ phận kế toán tài chính của công ty. Định kỳ cần có các buổi hội thảo, tập huấn, cập nhật kiến thức, chế độ chính sách kế toán mới ban hành. Đồng thời cùng nhau đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tài chính, kế toán quản trị phát sinh ngay tại công ty, áp dụng một cách linh hoạt các chế độ chính sách ban hành về kế toán tài chính phù hợp với tình hình đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị, mạnh dạn đưa ra các ý kiến đóng góp với chế độ chính sách nhằm nâng cao trình độ lý luận góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách nhanh chóng. Nâng cao nhận thức về vai trò của kế toán quản trị trong đội ngũ lãnh đạo công ty, trong đó có kế toán quản trị về TSCĐ. Chú trọng công tác phân tích đánh giá hiệu suất sử dụng TSCĐ, để đưa ra biện pháp hữu hiệu nhằm khai thác tối đa nguồn lực sẵn có trong doanh nghiệp.

Định kỳ, kế toán TSCĐ của Doanh nghiệp phải tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu với kế toán các đơn vị cơ sở, đặc biệt chú trọng các khoản giao dịch công nợ nội bộ giữa Doanh nghiệp với các đơn vị cơ sở có liên quan đến TSCĐ, khấu hao

TSCĐ... nhằm điều chỉnh kịp thời những sai sót, nhằm lẫn do ghi trùng hoặc bỏ sót trong quá trình kế toán TSCĐ.

3.5. Hạn chế và nghiên cứu đề tài trong tương lai

3.5.1. Những hạn chế trong nghiên cứu đề tài

Trong quá trình nghiên cứu đề tài *Kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị*, học viên còn nhiều hạn chế về mặt thời gian tìm hiểu thực tế, về không gian phạm vi nghiên cứu và năng lực bản thân nên không thể tránh khỏi những thiếu sót cần được tiếp tục bổ sung và hoàn thiện trong tương lai.

Vấn đề nghiên cứu đề tài *Kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị* nhưng trong khuôn khổ luận văn này học viên mới chỉ đi làm rõ công tác kế toán TSCĐ trên phương diện kế toán tài chính mà chưa có điều kiện để đi sâu và làm rõ công tác kế toán quản trị TSCĐ. Vì vậy, luận văn của học viên vẫn chưa đề cập đến các giải pháp cụ thể hơn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ trong doanh nghiệp.

3.5.2. Hướng nghiên cứu đề tài trong tương lai

Từ việc nghiên cứu và phân tích thực trạng kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị học viên xin đề cập một số vấn đề xung quanh công tác kế toán TSCĐ mà trong thời gian tới cần tiếp tục nghiên cứu như sau: Đặc biệt chú trọng nghiên cứu Kế toán quản trị TSCĐ vì nó là công cụ thu thập, phân tích, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh của nội bộ công ty. Trong môi trường kinh doanh mà cạnh tranh ngày càng khốc liệt thì thông tin do kế toán quản trị nói chung, kế toán quản trị TSCĐ nói riêng cung cấp ngày càng có ý nghĩa quan trọng đối với việc điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Theo ý kiến chủ quan của học viên để hoàn thiện kế toán TSCĐ trên phương diện kế toán quản trị thì đầu tiên cần hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán quản trị nói chung, kế toán quản trị TSCĐ nói riêng đồng thời xây dựng mô hình kế toán quản trị TSCĐ phù hợp với quy mô và đặc điểm của từng công ty và đây mới là vấn đề mà thời gian tới cần tiếp tục hoàn thiện hơn nữa.

KẾT LUẬN

Tài sản cố định là một trong 3 yếu tố cơ bản, giữ vai trò quan trọng và quyết định đến sự tồn tại, phát triển của mỗi doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy để tồn tại và phát triển trong điều kiện nền kinh tế thế giới đang gặp nhiều khó khăn thách thức như hiện nay thì các doanh nghiệp phải đủ lớn mạnh về mọi mặt, đặc biệt là về khả năng tài chính, mức độ hiện đại trong việc trang bị tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Những doanh nghiệp càng sở hữu nhiều TSCĐ là những phương tiện máy móc, hệ thống nhà xưởng hiện đại thì càng chiếm được nhiều lợi thế cạnh tranh trên thương trường. Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao hiệu quả trong công tác sử dụng và quản lý TSCĐ hiện có đồng thời chú trọng vấn đề đầu tư đổi mới TSCĐ để phù hợp với yêu cầu mới của nền công nghiệp hiện đại.

Với mong muốn hệ thống hóa những vấn đề lý luận về TSCĐ, qua toàn bộ nội dung đã được trình bày trong đề tài “**Kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị**” học viên đã đạt được những kết quả sau:

- Luận văn đã hệ thống hóa các vấn đề liên quan đến phân loại TSCĐ, trình bày các mô hình kế toán, các vấn đề về xác định giao dịch, ghi nhận TSCĐ trên các khía cạnh như chứng từ, vận dụng tài khoản, sổ kế toán, trình bày trên báo cáo tài chính của mô hình giá gốc.

- Nghiên cứu, tham khảo chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán TSCĐ một số nước trên thế giới nhằm rút ra bài học kinh nghiệm đối với kế toán TSCĐ tại Việt Nam.

- Nghiên cứu thực trạng kế toán TSCĐ tại **Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị**, đưa ra một số ưu điểm cũng như những hạn chế, tồn tại trong kế toán TSCĐ tại Doanh nghiệp.

- Đề xuất, kiến nghị một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán TSCĐ tại **Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị**

Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu phát sinh nhiều vấn đề phức tạp cần tiếp tục nghiên cứu và thời gian nghiên cứu có hạn nên các vấn đề luận văn đề cập chưa thể giải quyết triệt để, và không tránh khỏi những thiếu sót. Học viên rất mong nhận được sự góp ý và chỉ bảo của các thầy, cô giáo để luận văn được hoàn thiện hơn và mang tính thiết thực hơn.

Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn giảng viên hướng dẫn **PGS.TS - Đoàn Văn Anh**, phòng Tài chính – Kế toán **Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị** và các đơn vị thành viên thuộc Công ty đã tạo điều kiện cho học viên trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Lan Anh (2011), *Kế toán TSCĐ hữu hình tại các doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp Thăng Long*, Luận văn thạc sỹ, Đại học Thương Mại, Hà Nội.
2. Phạm Vân Anh (2006), *Hoàn thiện tổ chức kế toán TSCĐ trong các doanh nghiệp liên doanh sản xuất ô tô ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ Đại học Thương Mại, Hà Nội.
3. Bộ Tài chính (1980), *Quyết định số 222/QĐTC – TĐXD ngày 11 tháng 10 năm 1980 về ban hành chế độ kế toán TSCĐ trong các xí nghiệp quốc doanh*.
4. Bộ Tài chính (1986), *Quyết định số 507/QĐTC – TĐXD ngày 22 tháng 7 năm 1986 ban hành chế độ quản lý khấu hao tài sản cố định*.
5. Bộ Tài chính (1996), *Quyết định số 1062/QĐTC – CSTC ban hành ngày 13 tháng 11 năm 1996 ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định*.
6. Bộ Tài chính (2000), *Hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế*, Nhà xuất bản Tài chính.
7. Bộ Tài chính (2001), *Quyết định 149/QĐ – BTC, ngày 31 tháng 12 năm 2001 ban hành và công bố chuẩn mực kế toán Việt Nam đợt 1*.
8. Bộ Tài Chính (2002), *Quyết định 165/2002/QĐ – BTC, ngày 31 tháng 12 năm 2002 ban hành và công bố sáu chuẩn mực kế toán Việt Nam đợt 2*.
9. Bộ Tài chính (2002), *Thông tư 89/2002/TT-BTC, ngày 09 tháng 12 năm 2002 hướng dẫn thực hiện bốn chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ – BTC*.
10. Bộ Tài Chính (2003), *Quyết định 234/2003/QĐ – BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2003 ban hành và công bố sáu chuẩn mực kế toán Việt Nam đợt 3*.
11. Bộ Tài chính (2003), *Thông tư 105/2003/TT-BTC, ngày 14 tháng 11 năm 2003 hướng dẫn thực hiện sáu chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC*.

12. Bộ Tài chính (2005), *Thông tư 23/2005/TT-BTC*, ngày 30 tháng 03 năm 2005 hướng dẫn thực hiện sáu chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC.

13. Bộ Tài chính (2006), *Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC*, ngày 20 tháng 03 năm 2006 về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

14. Bộ Tài chính (2009), *Thông tư 203/2009/TT-BTC*, ngày 20 tháng 03 năm 2009 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

15. Bộ Tài chính (2011), *Thông tư 18/2011/TT-BTC*, ngày 10 tháng 02 năm 2011, *Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 130/2008/TT-BTC*, ngày 26/12/2008 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật thuế thu nhập.

16. Bộ tài chính (2013), *Thông tư số 45/2013/TT – BTC* ngày 25 tháng 04 năm 2013 *Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC* ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

17. Bộ tài chính (2014), *Thông tư số 200/2014/TT-BTC* ngày 22/12/2014

18. Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ nhà ở và khu đô thị, *Báo cáo tài chính và các văn bản quản lý.*

19. Nguyễn Thị Cúc (2012), *Kế toán tài sản cố định tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thành Nam*, Luận văn thạc sỹ, Đại học Thương Mại, Hà Nội.

20. TS. Phan Đức Dũng (2009), *Kế toán tài chính*, Nhà xuất bản thống kê, Hà nội.

21. Bùi Văn Dương (2008), *Giáo trình kế toán tài chính*, Nhà xuất bản giao thông vận tải Hà Nội.

22. PGS.TS Nguyễn Thị Đông (2007), *Giáo trình Lý thuyết hạch toán kế toán*, Nhà xuất bản tài chính, Hà Nội.

23. Đào Thúy Hằng (2010), *Kế toán tài sản cố định tại các công ty khai khoáng trên địa bàn Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ, Đại học Thương Mại, Hà Nội

24. Nguyễn Thị Thu Liên (năm 2009), *Hoàn thiện kế toán TSCĐ HH ở các Doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án Tiến sỹ, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội

25. GS.TS Đặng Thị Loan (2012), *Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*, Nhà xuất bản kinh tế quốc dân.

26. Ngân hàng thế giới (2002), *các chuẩn mực kế toán quốc tế*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia.

27. Tra cứu thông tin trên mạng Internet:

<http://www.mof.gov.vn>

<http://www.kiemtoan.com>

<http://www.tapchiketoan.com>

<http://webketoan.com>